

Rachel Pollack

# TAROT



78 <sup>độ</sup>

## MINH TRIẾT

Thư Lâm dịch



NGUYỄN VĂN ĐỨC NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC



**78 ĐỘ MINH TRIẾT TRONG BÀI TAROT**  
(*Seventy Eight Degrees of Wisdom* – Rachel Pollack)

## MỤC LỤC

PHẦN 1: 78 ĐỘ MINH TRIẾT TRONG BỘ ẨN CHÍNH.....	5
Giới thiệu.....	5
Nguồn gốc Tarot.....	5
Chương 1: Thế bài bốn lá.....	14
Bài Tarot – Tính thống nhất và tính hai mặt.....	14
Sự thuần khiết và sự tự do.....	19
Chương 2: Tổng quan về Tarot.....	21
Các Lá Bài Là Một Chuỗi Liên Tiếp.....	21
Ba Lĩnh Vực Của Trải Nghiệm.....	23
Chương 3: Những lá chính mở đầu biểu tượng và nguyên mẫu bài tarot.....	25
Lá Bài The Fool.....	25
Lá Bài The Magician.....	31
Lá bài The High Priestess.....	37
Chương 4: Chuỗi vật chất trong Tarot.....	44
Bộ Ẩn Chính và Sự Phát Triển Cá Nhân.....	44
Lá Bài The Empress.....	45
Lá Bài The Emperor.....	49
Lá Bài The Hierophant.....	53
Lá Bài The Lovers.....	58
Lá Bài The Chariot.....	64
Chương 5: Quay vào bên trong.....	69
Tìm kiếm sự tự tri.....	69
Lá Bài Strength.....	71
Lá Bài The Hermit (Ẩn Sĩ).....	75
Lá Bài The Wheel of Fortune (Vận Xa).....	80
Lá Bài Justice.....	87
Lá Bài The Hanged Man.....	92

Lá Bài The Death (Tử).....	96
Lá Bài Temperance (Tiết chế).....	100
PHẦN 2: 78 ĐỘ MINH TRIẾT TRONG BỘ ẨN PHỤ VÀ QUẾ BÀI.....	103

# PHẦN 1: 78 ĐỘ MINH TRIẾT TRONG BỘ ẨN CHÍNH

## Giới thiệu

*Nguồn gốc Tarot*

### Bộ Ẩn Chính

Khoảng giữa thế kỷ 15, không lâu sau khi bộ bài châu Âu đầu tiên xuất hiện, một nghệ sĩ tên là Bonifacio Bembo đã vẽ một bộ bài không tên không số cho gia đình Visconti của Milan. Những thẻ hình này bao gồm bộ bài cổ điển dùng để chơi một trò chơi của người Ý tên là “Tarocchi”: gồm 4 bộ, mỗi bộ 14 lá (*chính là bộ bài Tây bây giờ đấy, và 4 bộ là gồm Cơ Nhép Rô Diệp*), ngoài ra còn thêm 22 lá thể hiện các cảnh tượng khác nhau được gọi là “**trionffi**” – hay trong tiếng anh là “trumps” – bộ chủ (bộ Đại Bí Mật), hay trong tiếng Việt thường gọi là **Bộ Ẩn Chính**.

Ngày nay, trong 22 hình ảnh của bộ Đại Bí Mật, nhiều lá có thể diễn giải một cách đơn giản như là cuốn catalouge hình ảnh xã hội Trung cổ, ví dụ như “**The pope**” – Giáo Hoàng, hoặc “**The Emperor**” – Đức Vua, hoặc những hình tượng mang tính chất phẩm hạnh, tinh thần trong các bài giảng giáo lý thời Trung cổ, như “**The Wheel of Fortune**” – Bánh xe may mắn. Một vài lá lại đại diện cho các đức hạnh, như lá “**Temperance**” – Thận Trọng, Cân Bằng, hoặc “**Fortitude**” – Dũng cảm. Một số lá khác lại thể hiện những cảnh thần thoại, tôn giáo, ví dụ như lá bài mô tả cảnh những xác chết trở dậy từ những nấm mồ hướng về chiếc kèn trumpet tượng trưng cho “**The Last Judgment**” – “Sự phán quyết cuối cùng”. Thậm chí còn có cả lá bài miêu tả lại một câu chuyện dị giáo nổi tiếng, đó là hình ảnh của một “mẹ xứ” (*Nữ tư tế*), điều mà chúng ta có thể cho là một trò đùa nhắm tới Nhà Thờ nhưng chứa đựng những ý nghĩa sâu sắc hơn là chỉ đơn thuần là chuyện cười châm biếm Giáo Hội. Dù vậy, chúng ta có thể nhìn nhận tấm hình dị giáo này như gốc rễ trong văn hóa đại chúng, và nó rõ ràng là đại diện cho một “hình mẫu” thời Trung Cổ. (*“Mẹ xứ” là một hình tượng dị giáo vì thời đó ông cha vẫn khư khư quan niệm trọng nam khinh nữ, nên chỉ các bố mới được quyền “kết nối với Chúa trời” hay “Chấn dất con chiên”*).

Về sau một số lá đổi tên như lá “The pope” đổi thành “The Hierophant”, hay “The Fortitude” thành “The Strength”. Các bộ bài khác nhau được vẽ bởi

các nghệ sĩ khác nhau cũng có thể có tên các lá bài khác so với bộ chuẩn mực nhưng chung quy đều cùng một họ nghĩa cả thôi.

Tuy nhiên lại có một hình tượng “cá biệt”. Một lá bài vẽ một chàng trai trẻ treo ngược trên một cây cột gỗ. Tay của chàng ngẫu nhiên giấu sau lưng tạo thành hình tam giác với đầu chúi thẳng xuống đất mẹ, chân phải co lại dè lên đầu gối chân trái tạo hình thập giá, hoặc cũng có thể là con số 4. Gương mặt tỉnh rụi bình chân như vại, thậm chí còn có thể nói là xuất thần. Bembo lấy hình ảnh này từ đâu? Chắc chắn không phải từ một gã tội phạm bị treo ngược trên giá treo cổ nhằm thị uy dân chúng như một vài nghệ sĩ sau này đã ngộ nhận.

Truyền thống Cơ Đốc Giáo đã miêu tả thánh Peter bị đóng đinh ngược, nên khi nhìn vào không thể nói rằng ngài đã bắt chước Chúa của ngài. Trong Thần Thoại Bắc Âu, thần Odin râu dài thông thái được diễn tả là đã tự treo ngược mình từ Cây Thế Giới trong chín ngày chín đêm, không phải ngài mắc bệnh tự ngược mà để lĩnh hội sự thông tuệ, món quà trong lời tiên tri. Nhưng cảnh thần thoại này tự nó có nguồn gốc từ cách tu những Pháp sư (Shaman), nam nữ Y sĩ có thật ở những vùng như Siberia hoặc Bắc Mỹ.

Trong lễ kết nạp và thời gian làm chân lon ton chạy việc, những ứng viên cho vị trí Pháp sư đôi lúc bị buộc phải treo ngược mình trong tư thái tòng teng giống hệt như trong hình vẽ của Bembo. Nhìn có vẻ như việc treo ngược cơ thể này tạo ra được một vài lợi ích cho tinh thần, kiểu như việc nhịn đói chịu lạnh tạo ra những ảo ảnh rực rỡ ấy?!. Các nhà giả kim – cùng với những phù thủy, rất có thể là những người đã sống sót còn lại trong truyền thống Shaman ở Châu Âu – cũng tự treo ngược bản thân với niềm tin rằng những tinh túy trong...tinh trùng rất cần thiết cho sự bất tử sẽ chảy ngược xuống vùng trung tâm tinh thần ở não bộ (*Kiểu...tinh trùng xông não ấy mà*). Và thậm chí trước khi phương Tây bắt đầu coi trọng Yoga thì mọi người đã biết đến hình ảnh của những Yogi “đứng bằng đầu”.

Liệu có phải Bembo chỉ đơn thuần muốn miêu tả một nhà giả kim? Vậy tại sao ông không dùng một hình ảnh thường thấy hơn, kiểu như một người đàn ông râu tía xồm xoàm như lão cái bang lâu ngày không cạo và quấy loạn một cái vạc bự đen ngòm trộn thập cẩm các loại chất hóa học? Lá bài với tự “**The Hanged Man**” – Người treo – là lá được “bồi” thêm vào bộ bài và sau này mới được lăng xê bởi T.S. Eliot trong “**The Wasteland**”, và cũng không đội nón đeo

nơ nhận tự Nhà Giả Kim, mà là “lời tiếng” là một chàng trai trẻ đã được “thông nã” (ý là “*Khai sáng*”) trong vài truyền thống huyền hoặc nào đó. Có khi nào chính Bembo là một hội viên? Cách gác chân đặc biệt, một dấu hiệu bí mật thuộc về một tổ chức chưa được bật mí đã gợi ý như vậy? Và nếu Bembo vẽ Người Treo với mục đích thể hiện ra một cách thức “luyện cấp” bí truyền nào đó sao ông lại chọn chính hình ảnh “treo ngược cành cây”, mà không phải là viết dăm chục bài xã luận dễ hiểu dễ tiêu dễ truyền bá và dễ dàng truyền tải cả tấn kiến thức? Rồi tại sao Bộ Ẩn Chính lại có đúng 22 lá chứ không phải thêm 1 bớt 2, hay bất cứ con số thông thường dễ găm nào liên hệ đến văn hóa Châu Âu? Liệu đó chỉ là điều tình cờ, hay chính Bembo (hoặc ai đó Bembo copy cat) mong muốn mô phỏng lại trường ý nghĩa huyền bí có liên quan mật thiết đến 22 chữ cái trong bảng chữ Hebrew? Tuy nhiên, nếu thực sự có bất cứ bằng chứng trôi nổi ở đâu đó chứng minh sự liên quan giữa Bembo hay nhà Visconti đến bất cứ nhóm hội ẩn danh bí hiểm nào thì cũng chưa có mống nào từng ghi chép lại để người đời kiểm chứng.

Một cái nhìn lướt qua sự tương quan ẩn tượng giữa Tarot, chủ nghĩa huyền bí Do Thái và những kiến thức thần bí (gọi gộp lại là **Qabalah** cho tiện), sẽ phần nào vạch ra những cách thức “suy diễn” những lá bài của Bembo theo cách nó đòi hỏi dù không mò đâu ra cho đủ những bằng chứng mắt thấy tai nghe đủ sức thuyết phục. **Qabalah** nhấn rất mạnh vào những ký tự biểu tượng trong bộ chữ cái **Hebrew**. Những ký tự đều có quan hệ dây mơ rễ má con ông cháu cha với con đường của **Cây Đời** (Tree of Life) và chúng đều được gán với những ý nghĩa biểu tượng riêng. Ngày nay, bảng chữ cái Hebrew gồm 22 chữ cái, trùng với số lá bộ Ẩn Chính của bài Tarocchi. **Qabalah** cũng ưu ái nhấn nhá sâu hơn với bốn chữ cái không tên không thể phát âm (nổi) của Chúa, YHVH. Chúng tượng trưng cho bốn thế giới Sáng tạo, bốn nguyên tố cơ bản của khoa học Trung Cổ, bốn giai đoạn tồn tại, bốn phương thức diễn giải Kinh thánh, và còn bla bla nhiều thứ nữa. Và, ngạc nhiên chưa, có 4 lá Hoàng Gia trong mỗi chất của Bembo.

Cuối cùng, **Qabalah** còn mon men “ngoại tình” với con số 10 – Mười Điều Răn; Mười Sephiroth (10 trạng thái nguồn gốc) trên mỗi cây trong bộ Tứ Cây Đời. Và Bộ Tứ này mỗi chất gồm 10 quân từ 1 đến 10. Chúng ta có thắc mắc tại sao người luận giải Tarot lại tuyên bố rằng bộ bài có gốc gác như một biểu tượng bằng hình ảnh của **Qabalah**, vốn vô nghĩa với số đông nhưng nặng



nghĩa với một vài kẻ “ngoại tộc”? Thế mà trong cả nghìn trang viết về văn hóa **Qabalah**, chẳng có một từ nào gọi đến Tarot sắt.

Những nhà thần bí học đã phán rất hùng hồn về nguồn gốc bí mật của những lá bài, ví dụ như trong một buổi mật nghị của những nhà Qabalah và những giáo sư học giả khác ở Morocco năm 1300, nhưng làm gì đã có ma nào từng hé lộ chút xíu bằng chứng nào về những lời “phán thánh” đó cho cam. Khốn nạn hơn, mấy bố luận giải Tarot cũng im như hũ nút chẳng nhả ra chữ nào về **Qabalah** cho đến tận thế kỉ 19. Và tất nhiên, những cái tên và những số đếm, cũng như chú thích về chúng, mới được thêm vào sau này.

Nếu chúng ta chấp nhận ý tưởng của Carl Jung về nguyên mẫu nền tảng tâm linh trong tâm trí con người, chúng ta rất có thể nói rằng Bembo đã vô thức mở đường cho dòng chảy tri thức, tạo điều kiện cho trí tưởng tượng (thăng hoa) để sau này tạo nên những kết nối có ý thức. Tuy vậy, sự trùng hợp chính xác và hoàn chỉnh giữa 22 lá bài Bộ Ẩn Chính, Bốn Chất lá Hoàng Gia và Mười lá số trong Bộ Tứ siêu đẳng, hay vị thế và gương mặt xuất thần của **Người Treo**, vẫn xem như có thể bóp méo biến chất ngay cả một thể lực cường hãn như **Collective Unconscious** – Sự vô thức tập thể.

Trong nhiều năm Tarocchi được xem như một trò bài bạc cá độ, và chẳng mấy người biết đến vai trò của nó như một công cụ bói toán tiên tri. Rồi một ngày đẹp trời vào thế kỉ 18, một nhà thần bí học tên là Antoine Court từ Gebelin đã tuyên bố chắc nịch rằng **Tarot** (cách người Pháp gọi trò chơi này) là tàn tích thải lại của **The book of Thoth** do vị thần Pháp thuật lăm chiêu nhiều phép của Ai Cập tạo ra nhằm truyền đạt lại tất cả những tri thức lại cho môn đệ của Ngài. Ý tưởng của Court dù Gebelin xuất hiện nghe chừng viễn tưởng ăn đứt thực tế, nhưng vào thế kỉ 19, một gã người Pháp khác là Alphonse Louis Constant, hay còn được biết dưới cái tên Aliphas Lévi, đã “mai mối danh tính” những lá bài với văn hoá **Qabalah**, và từ đó mọi người bắt đầu nhìn sâu hơn vào Tarot, phát hiện ra nhiều ý nghĩa, sự thông thái và thậm chí là sự khai sáng thông qua nghiên cứu sâu xa và chiêm nghiệm.

Antoine Court de Gebelin và The book of Thoth (Hiện nay có bộ Tarot tên là The book of Thoth nên đừng tưởng bỏ là đã tìm được quyển sách thần bí phép thuật nha)

Ngày nay, chúng ta thường coi Tarot như một thứ “thuốc dẫn”, một con đường dẫn đến sự trưởng thành cá nhân thông qua sự thấu hiểu của mỗi

người về bản thân và cuộc sống. Với vài người nguồn gốc của Tarot vẫn là câu hỏi mang tính thiết yếu; với vài người khác thì lượng tri thức chứa đựng tích lũy trong những lá bài còn thiết thực hơn nhiều.

Còn với Bembo, ông đã thực sự tạo ra một nguyên mẫu chuẩn mực, dù là vô tình hay hữu ý. Nỗc ao bất cứ hệ thống diễn giải chú thích nào hay bị xào nấu chế biến màu mè bởi các nghệ sĩ khác ra sao, những hình ảnh tự thân nó vẫn mê hoặc không ít người. Bằng một cách nào đó, chúng kéo chúng ta vào thế giới huyền hoặc nơi không gì có thể dùng logic để giải thích, ngoại trừ trải nghiệm.

## Các Phiên Bản Tarot Khác Nhau

### **Bộ Tarot mẫu và bộ Suits cổ điển**

Đa phần các bộ Tarot hiện đại chẳng có nhiều update so với bộ bài tiêu chuẩn từ thế kỷ 15 – dù sao con nhà tông không giống lông cũng phải giống cánh. Các phiên bản “trẻ trâu” được rao trên thị trường bây giờ vẫn đủ 78 lá bài chia thành Bộ Tứ gồm: **Bộ Gậy, Bộ Kiếm, Bộ Cốc và Bộ Xu** (hoặc Bộ Biểu tượng) – được gọi chung là bộ “**Tiểu Bí Mật**” – hay là “Bộ Ẩn Phụ” như đa số người chơi Tarot Việt vẫn gọi; và 22 lá “Bộ Ẩn chính” – hay còn gọi là bộ “**Đại Bí Mật**” (trong đó từ “**Arcaenum**” có nghĩa “Những bí mật thông thái”). Cũng có vài bức hình được nêm mắm dặm muối đáng kể đấy, nhưng các phiên bản được xào nấu đó vẫn thường giữ nguyên các “nguyên liệu” cơ bản. Nói đơn giản, món gà rán đã ngon thì có đổi dăm bảy loại đĩa đựng thì nó vẫn sẽ giữ được mùi vị đặc trưng của nó. Thông thường chỉ có những cái đĩa ngày càng mang hình thù kì quặc, khó hiểu hơn mà thôi.

### **Bộ Bài Tây – chính là phiên bản của Tarot đây, thiếu bộ Ẩn chính thôi.**

*(Đây mới là phần dịch từ sách gốc) Ví dụ như lá “The Emperor” – có rất nhiều phiên bản đa dạng của và phổ biến về hình ảnh thể hiện trong lá bài, và thường các thay đổi có xu hướng mang tính biểu tượng và thần bí hơn.*

Quyển sách này viết dựa trên ngâm cứu bộ bài **Tarot** tiêu chuẩn của Arthur Edward Waite – người nổi tiếng nhờ bộ bài “**Rider**” xuất hiện năm 1910 (được đặt tên theo nhà xuất bản Anh). Waite cũng từng bị chỉ trích vì cố tình thay đổi hình ảnh vài lá Bộ Đại Bí Mật so với phiên bản vốn được số đông thừa nhận.

Ví dụ, hình ảnh lá **“The Sun”** nguyên là vẽ hai đứa nhỏ tay dung dăng dung dẻ hú hí mảnh trong một khu vườn (bí mật). Waite đã “tiễn chân” một đứa và cho đứa còn lại cưỡi ngựa lao...ra khỏi vườn.

Các nhà phê bình tuyên bố rằng Waite đã thể hiện ý nghĩa của lá bài theo cách “cảm” của riêng ông. Rất có thể lắm! Vì Waite vốn tin rằng lý tưởng bản thân mà là số 2 thì đêch ai số 1. Tuy nhiên chẳng có mấy bố nào chịu để ý rằng lá **“The Sun”** của Bembo –thuộc bộ bài vốn được coi là “cổ lỗ sĩ” nhất – lại chẳng có mấy nét tương đồng với bộ bài vốn được tung hô là “truyền thống”. Thực tế, nó còn “tơ tưởng” đến bộ bài của Waite nhiều hơn: lá **“The Sun”** của Bembo mô tả một đứa trẻ “bất thường” bay lớn vờn nhón nhơ trong không trung, tay ôm một quả cầu chứa hình ảnh thành phố bên trong.

### **“The Sun” của Bembo**

Thay đổi đáng kể nhất của Waite và nghệ sĩ của ông, Pamela Colman Smith, là thêm cảnh vào trong các lá bài, bao gồm cả những lá số đếm cho bộ Tiểu Bí Mật. Trước đó những lá thuộc **Bộ Túr** (thậm chí cả sau này) thường chỉ có biểu tượng tối giản thể hiện rõ vai trò “phụ gia”, điển hình là bộ bài Tây mà dân Việt thường oánh “phôm” ăn tiền. Ví dụ, lá **“Ten of Swords”** cổ vẽ 10 thanh kiếm được sắp xếp theo 1 thế tương tự như lá 10 bích. Nhưng bộ Tarot Rider thì khác. **“Ten of Swords”** của Pamela Smith tái hiện cảnh một người đàn ông nằm thẳng cẳng dưới một đám mây đen thùi lùì với 10 thanh kiếm găm cứng trên lưng và hai chân.

### **“Ten of Swords” của Rider và bộ cổ điển**

Chúng ta không biết chắc ai là tác giả thực sự đã thiết kế những lá bài **Tarot**. Waite tự thân...bịa ra chúng (như ông đã tạo ra Bộ Đại Bí Mật), hay ông chỉ đơn thuần tám với Smith về tính chất và ý tưởng ông muốn truyền đạt rồi cho phép cô ấy tự sáng tạo các hoạt cảnh? Cuốn sách của chính Waite về Tarot, **“The Pictorial Key to the Tarot”**, động chạm rất ít đến cảnh nền. Trong vài trường hợp, tí như hình ảnh của lá **“Six of Swords”** mang ý nghĩa bay xa và thăng hoa hơn ý tưởng ban đầu của Waite, trong khi với một số lá khác, đặc biệt lá là **“Two of Swords”**, thì gần như hình 1 đằng nghĩa 1 nẻo.

Dù là Waite hay Smith đã thiết kế những lá bài nền tảng, thì họ vẫn tạo ra những ảnh hưởng sâu sắc đến những hậu bối thiết kế Tarot. Hầu hết các bộ bài dù được cải tạo đến đâu vẫn dựa sát vào hình ảnh của bộ Rider.

Waite gọi bộ bài của ông là “**Tarot chỉnh lưu**” (đã qua chỉnh sửa). Ông khẳng định rằng các hoạt cảnh trong bài tự thân phản ánh ý nghĩa của những lá bài, và xuyên suốt quyển sách của mình ông còn tỏ rõ thái độ khinh khỉnh châm biếm đối với các tiên bối. Giờ đây, chính “nhờ ơn” bộ “Chỉnh lưu” đó mà mọi người nghiêng nhiên cho rằng Waite là một hội viên của một hội kín bí mật nào đó có quyền được tiếp cận với những bí mật của bộ Tarot “cổ truyền”. Thực ra ông chỉ giúp các lá bài “khoe” được nhiều ý nghĩa sâu kín hơn thôi. Đơn cử như lá “**The Lovers**”, ông thay đổi toàn bộ hoạt cảnh của lá vì ông nghĩ rằng lá cũ thật tầm thường.

Tôi không có ý khẳng định rằng những lá bài của Waite chỉ là những công trình tri thức đơn thuần, kiểu như một học giả nắn vắn lại câu chữ của Hamlet cho người đọc dễ tiêu hoá hơn. Waite là một nhà thần bí học, một môn đệ học về Pháp thật và dòng tu bí truyền. Bộ **Tarot** của ông mang nặng màu sắc chiêm nghiệm sự khai sáng cá nhân. Ông tin rằng **Tarot** trong ông là đúng và kẻ khác đều sai vì **Tarot** đại diện cho trải nghiệm đó. *(Liệu có thể nói rằng đây là bản tính kiêu ngạo cố hữu của một người thông thái?)*

Tôi chọn bộ bài Rider làm tài liệu nghiên cứu vì 2 lí do. Đầu tiên là tôi phát hiện rất nhiều đổi mới đắt giá trong bộ Rider. Phiên bản “**The Fool**” của Waite-Smith ôm đồm nhiều ý nghĩa sâu xa hơn bất kì phiên bản nào trước đó. Thứ 2, sự thay đổi mang tính cách mạng trong bộ “**Tiểu Bí Mật**” mà theo tôi đã giải phóng chúng ta khỏi những thể thức đã xiềng xích **SM Bộ Tứ** trong một thời gian dài. Trước đây việc giải bài khó khăn hơn rất nhiều vì các lá bài toàn tròn vuông gậy kiếm cứng đơ chứ làm gì có mấy gợi ý rõ ràng. Nhưng trong bộ bài Rider, chúng ta có nền tảng để nhận thức và từ đó level up trải nghiệm. Nói đơn giản thì, Pamela cho chúng ta cái gì đó thiết thực mà biến tấu, diễn giải.

Phía trên tôi viết tôi chọn bộ **Rider** làm tài nguyên cơ sở . Đa số sách về **Tarot** chỉ dùng 1 bộ bài để minh họa. Sự tự giới hạn này xem chừng ngăn cản chúng ta “phóng thích” được hết ý nghĩa của **Tarot** “thực”. Chọn 1 và chỉ 1 tức là chúng ta đang tuyên bố rằng bộ này thì đúng trong khi bộ kia thì sai – chọn người yêu cũng phải gạn lọc dăm bảy cô chứ mấy ma nào đầu bạc răng long với sét ái tình? Đây cũng là vấn đề nhiều tác giả đâm phải, như **Aleister Crowley** hay **Paul Foster Case**, những người đã nhìn nhận **Tarot** như một hệ thống biểu tượng của kiến thức khách quan. Quyển sách này, trái lại, chú trọng hơn vào vai trò trải nghiệm của các lá bài. Với nhận thức rằng không bộ **Tarot** nào đúng “trăm phần trăm” cũng chẳng bộ nào sai một cách “bài

bản” – bộ nào cũng cùng một 1 họ huyền bí cả. **Tarot** là hiện thân của tuốt tuồn tuốt các bộ bài từ cổ chí kim đến hiện đại hoá, vừa là những thực thể tách rời chúng.

Nếu có phiên bản Tarot nào ngoài bộ của Waite có ý nghĩa độc đáo hơn, chúng ta sẽ xem xét tất. Trong vài trường hợp, như lá **“Judgement”** chẳng hạn, hoặc lá **“The Moon”**, sự khác biệt mờ nhạt không đáng nhắc; trong khi **“The Fool”**, hay **“The Lovers”**, sự khác biệt lại khá đặc sắc. Đánh giá thập cẩm không kiêng khem chúng ta sẽ mở rộng được sự nhận thức về các loại suy nghiệm.

### Sự tiên tri trong Tarot

#### **Sự Bói Toán – Tiên Tri**

Ngày nay hầu hết mọi người coi **Tarot** là công cụ để dự đoán may mắn, hay nói thẳng toẹt ra là bói toán. Nhưng lạ thay, chúng ta chỉ chăm chăm muốn “đọc” bài vì lợi ích cá nhân chứ chẳng mấy may hứng thú với việc tìm hiểu các khía cạnh lịch sử của **Tarot**. Xét thấy sự cách biệt một trời một vực giữa sự đa dạng của các tài liệu lịch sử đề cập đến việc dùng **Tarot** để bói toán và dùng **Tarot** để bài bạc, thì hiển nhiên cách dùng **Tarot** để làm mấy trò huyền bí không mấy phổ biến cho đến khi được chính thức “lên sàn” ra mắt. Có nhiều khả năng những người Romany, hay những người “Gypsy”, lang thang du hành khắp nơi đã tình cờ có cuộc hội ngộ định mệnh với trò **“Tarocchi”** và quyết định dùng nó để bói toán. Hoặc các cá nhân đã phát triển các khái niệm ( *các tài liệu cổ lỗ sĩ nhất đều là của các diễn giả cá nhân, dù không được ghi chép lại cho tử tế nhưng vẫn thường được dùng trong cuộc sống thường nhật*), rồi được người Romany “chôm chĩa” bốc đi. Đa số thường tin rằng chính những người Romany đã đem những lá bài đến từ Ai Cập. Sự thật là, người Romany đến từ Ấn Độ, xuất hiện ở Tây ban Nha hàng trăm năm sau khi bài **Tarot** được “ra trận” ở Ý và Pháp.

Người Gypsy và Romany nổi tiếng với mấy trò thần bí, thường bị liệt vào hàng ngũ “phù thủy”.

Trong phần này của quyển sách chúng ta sẽ chỉ ngâm cứu xem **“Sự tiên tri”** làm việc gì, và bằng cách nào loại tu luyện quý quái này lại thực sự hiệu quả. Chúng ta có thể dễ dàng thấy rằng con người có thể và đã từng bói toán với mọi thứ – bộ lòng hun khói của mấy con thú bị làm thịt, dăm con chim tung

tăng tình cờ bay ngang trời, mấy viên đá màu sắc ngó ngẩn, hay chỉ là...tung xu – bất cứ thứ gì. Mấy trò “tỏ ra” thần bí đó đều bắt nguồn từ khao khát muốn biết chuyện gì sẽ ụp vào đầu để biết đường xử lí, hoặc ranh ma hơn là sự tin tưởng nội tại vào mối liên hệ họ hàng dây mơ rễ má của mọi thứ và chẳng chuyện gì “tình cờ” xảy ra cả.

Tư tưởng về sự ngẫu nhiên thực ra mới xuất hiện gần đây. Nó là đứa con rôi mới nổi của đồng lý thuyết nặng chất giáo điều về mối liên kết nguyên nhân kết quả được cho là mối quan hệ duy nhất giữa 2 sự kiện. Các sự kiện không có sự chõ mũi của kiểu logic này được coi là “tình cờ”, và vì thế mà vô nghĩa. Trước đây mọi người quan niệm nó là một dạng tương ứng. Sự kiện thông số của sự kiện này tương ứng với của sự kiện kia. Hình đồ của một cung hoàng đạo thì ứng với cuộc đời một con người. Bã trà dưới đáy cốc có thể dự đoán kết quả một trận đấu. Mọi thứ đều kết nối. Ý tưởng này chi phối khá nhiều người, và thậm chí một số nhà khoa học, ấn tượng bởi cách các sự kiện xảy ra dưới dạng chuỗi (kiểu như “gặp hạn”), đã bắt đầu nghiêm túc nhìn nhận nó.

Nếu cái quý gì cũng dính dáng đến nhau thì sao chúng ta còn cần **Tarot**? Cứ hiểu đơn giản là, thăng ngu thì nói được ít còn thăng thông minh tất nhiên chém được nhiều hơn – cái bã trà xỉn xỉn đoán được tỉ số một trận đấu thì thăng Tarot 78 lá dặt cặt cổ phải “gia cát dục” bét ra dăm trận, nhiều ra thì cả chung kết. Vì những lá bài **Tarot** tự nó ôm đồm hàng mớ tri thức, nên nó bói ra nhiều thứ sâu sắc về con người và cuộc sống hơn. Đáng tiếc thay, trong nhiều năm nhiều thầy bói lờ tịt đi những ý nghĩa sâu xa; họ khoái dùng mấy công thức mì ăn liền để bói cho các “*Querent*” (người được bói), để ba hoa cũng để được khách hàng tiêu hoá.

Các ý nghĩa dạng công thức thường mâu thuẫn và cụt ngủn, không có các chỉ dẫn chính xác nên giải bài theo hướng nào. Trường hợp này đặc biệt đúng với bộ “**Tiểu Bí Mật**” nguyên là phần lớn trong bộ bài. Đa số mấy ông học hành nghiên cứu nghiêm túc về ý nghĩa và tri thức trong **Tarot** thường chẳng mấy khi thèm để mắt đến bộ “**Tiểu Bí Mật**”, hoặc có thì cũng trót quớt vài thế bài gọi là cho có ở cuối sách, miễn cưỡng đáp ứng nhu cầu của mấy anh chị bi kịch chỉ chăm chăm vào bói toán. Ngay cả Waite, như đã đề cập đến, cũng chỉ tạo vài công thức cá nhân cho những tấm hình đặc sắc Pamela Smith vẽ.

Ngoài việc khám phá các khái niệm rộng lớn, các biểu tượng độc đáo được “yểm” trong những lá bài, quyển sách này còn xem xét cẩn thận cách ứng dụng của những khái niệm này vào việc đọc bài. Nhiều tác giả, điển hình như Waite, đều quay mông khinh bỉ coi việc dùng **Tarot** chỉ để bói toán là một cách dùng “*thiếu nã*”. Nhưng nếu dùng tử tế thì nhận thức về ý nghĩa các lá bài sẽ tăng lên đáng kể. Học mấy cái biểu tượng của mấy lá bài đặc biệt là một chuyện, học cách đọc bài khi nó nem chả với một lá bài khác lại là chuyện khác. Rất nhiều lần tôi đã thấy những thế bài đặc biệt nhằm mở ra những trường ý nghĩa quan trọng mà các cách “giao thông kết hợp” khác không thể mở ra.

Đọc bài cũng “*dạy đời*” chúng ta khá nhiều, và chúng đều rất quan trọng. Trong vị thế không cách diễn giải nào hoàn hảo, chúng chỉ ra rằng không lá bài nào, không cách tiếp cận cuộc sống nào là đẹp hoàn toàn hay xấu triệt để ngoại trừ xét theo bối cảnh đúng thời điểm đó.

Cuối cùng, đọc bài **Tarot** giúp mỗi cá nhân “*tân trang*” lại những cảm nhận bản năng về những bức hình. Tất cả những biểu tượng, những luận giải, hình mẫu được đề cập đến trong quyển sách này hoặc hay bất cứ một quyển sách nào khác đều chỉ nhằm chuẩn bị cho bạn kiến thức để khi nhìn vào một lá bài bạn có thể nói, “*Lá bài này mách bảo tôi rằng...*”

## **Chương 1: Thế bài bốn lá**

*Bài Tarot – Tính thống nhất và tính hai mặt*

### **Tính thống nhất – Tính đối lập**

Từ những ngày xưa như Trái Đất bộ “*Đại Bí Mật*” đã quyển zũ một lượng lớn các diễn giả thần bí như đèn cốm đổ thiêu thân. Ngày nay, chúng ta có xu hướng liệt những lá bài thuộc bộ Ẩn chính như một quá trình về mặt tâm lý, mỗi lá thể hiện một mốc son trạng thái trên cả hành trình phát triển; chúng ta có thể tạm thời mô tả trạng thái này là trạng thái hoà làm 1 với thế giới khách quan quanh ta, hoặc là trạng thái thăng hoa thoát khỏi sự yếu đuối, bối rối hay sợ hãi. Cả bộ *Đại Bí Mật* chỉ để thể hiện quá trình này một cách chi tiết; nhưng để hiểu bao quát thì cần mỗi...4 lá; 4 lá nguyên mẫu cơ bản sắp xếp theo sơ đồ hình học thể hiện hành trình “*lên đời*” của nhận thức và tâm linh.

Nếu bạn sở hữu một bộ Tarot Rider, hãy bốc tẩm “The Fool”, “The Magician”, “The High Priestess” và “The World”, rồi xếp chúng thành thế hình thoi.

Dừng lại ngắm nghĩa chúng một lúc. Bạn có để ý thấy chỉ có “The Fool” và “The World” là đang uốn éo nhảy múa mặt mày hơn hờ tung tung, trong khi “The Magician” và “The High Priestess” người cứng đờ như tượng và mệt thì lạnh như tiền? Nếu liếc qua những lá còn lại của bộ Đại Bí Mật, bạn sẽ thấy tất cả những lá chính thì trừ lá 0 và 21, số còn lại đều thiên về trạng thái “tĩnh”. Chúng đại diện cho những trạng thái tồn tại cố định.

Nhưng giữa 2 “vũ công” này vẫn có sự khác biệt: “The Fool” là vũ công truyền thống còn “The World” là vũ công...thoát y. “The Fool” trông như chuẩn bị lao đầu xuống vực từ mỏm đá cao ngất; còn “The World” lại lơ lửng nơi hư vô, bao quanh bởi hào quang chiến thắng nhiệm màu.

Một điểm đáng chú ý khác chính là con số được đánh trên các lá bài. “0” không hẳn được tính là một con số, nó là con số “neo đơn” thiếu vắng sự hiện diện của bất kì con số cụ thể nào, và do đó cũng có thể phán rằng nó “thầu” tất cả các con số khác. Nó là một biểu tượng đại diện cho sự tiềm năng vô tận. Mọi thứ đều có thể xảy ra vì không gì cụ thể từng được tạo lập. 1 và 2 là những số thực thể đầu tiên, hiện thực đầu tiên, là những con số cố định không bị xẻo nắn bóp méo. Chúng là số “chẵn” và “lẻ”, đồng thời đại diện cho các mặt đối lập nhau, cho đàn ông và phụ nữ, cho ánh sáng và bóng tối, cho chủ động và thụ động, vân vân và mây mây,... Chính số 21 cũng là cuộc “hôn nhân không chính thức” giữa số 1 và số 2.

Hãy nhìn sâu vào tư thái của những lá bài. “The Magician” một tay giơ gậy thần về phía thiên đường. Bên cạnh ý tưởng tượng trưng cho linh hồn và sự thống nhất, nó còn là biểu tượng của.... dương vật (đang cương), tức là sự men lỳ (đang...quay tay?). “The High Priestess” thượng tọa giữa hai cây cột, cũng là biểu tượng... âm hộ của đàn bà, cũng như sự đối lập (ngồi giữa...háng :v). Hai cây cột này xuất hiện rất nhiều lần trong bộ Đại Bí Mật, như đèn thờ trong lá “The Hierophant”, và tinh tế hơn trong lá thứ 6 “The Lovers”, hoặc là hai con nhân sư canh 2 bên chiếc Chariot. Giờ ngó về “The World” tiếp. Vũ công khoả thân kia có bo đỳ đàn bà (dù rất nhiều bộ thể hiện nàng vũ công này là người lưỡng tính – không phải shemale nha), hai tay hai gậy phép múa may. Hai tính hướng đã “giao thông kết hợp” thành một thể, và hơn hết, những phẩm chất



độc lập của 2 giới kết hợp thành một thực thể tự do “cao cấp” hơn – chính thứ ánh sáng phần khởi tua tua bọc lấy người vũ công đã thể hiện biểu tượng đó.

Rõ ràng theo phương ngang, lá “The Magician” và lá “The High Priestess” thể hiện 2 khía cạnh đối lập, thì theo phương đứng, “0” và “21” lại đại diện cho sự thống nhất – “The Fool” trong trạng thái hoàn hảo trước khi trải qua những thay đổi đa chiều trong tinh thần, và “The World” thì tí tởn trong hào quang tự do – thứ hào quang chỉ có thể đạt được khi cân bằng mọi đối lập trong tiềm thức và cuộc sống. (*Cách nói dài dòng hoa mỹ của từ “tĩnh tâm” và coi mọi chuyện là phình phồng :v*).

Bài Tarot, giống nhiều hệ thống tư duy và tựa tựa nhiều tích thần thoại khác, cũng nhấn mạnh sự đối lập (*tính nhị nguyên*) thông qua sự tách biệt giữa “đực” và “cái”. Những nhà Qabalah học tin rằng Adam vốn là một...cú có gai (lưỡng tính), và sự “ly thân” của Eve chỉ là hậu quả của Sự Sa Ngã. Trong hầu hết các nền văn hoá, đàn ông và đàn bà thường coi giới còn lại như thể đến từ “hành tinh khác”, chỉ khác nhau ở cường độ phân biệt mà thôi (*Đàn ông đến từ Sao Hỏa còn đàn bà đến từ Sao Kim*)). Ở thời hiện đại, nhiều người nghĩ rằng mỗi cá nhân đều có cả tính nam lẫn tính nữ (nói cách khác thì ai cũng...pê đê) – kiểu suy nghĩ này trước kia chỉ có thể thấy trong mấy học thuyết kì dị huyền bí về sự thống nhất.

Nếu phân tách hẳn 2 mặt 1 thể như đực-cái, trắng-đen, bla..bla..., trong cuộc sống thường nhật chúng ta còn có thể trải nghiệm những kiểu “chiết xuất” trạng thái tinh vi hơn, đặc biệt là giữa hi vọng – điều chúng ta “tưởng bở” có cơ sở, và hiện thực đã chinh phục được. Thường thì hiện thực là phiên bản “cái bang” của hy vọng – kết hôn không thú vị ảo tưởng như khi đang yêu; đi làm thì căng thẳng nắn xương đau hơn thoả mãn,... Rất nhiều nghệ sĩ thú nhận rằng đầu tuy nghĩ vẹt nhưng tay vẫn vẽ gà – họ chẳng bao giờ truyền đạt được đầy đủ điều họ muốn nhồi vào các tác phẩm của họ. Hiện thực cuộc sống thường nghèo nàn hơn tiềm năng của nó. Nhận thức được điều này, nhiều người nhón từng quyết định nhún từng đường đi nước bước dù chuyện nhỏ hay to vì họ sợ trèo cao té đau, hoặc chọn cái này thì mất cái khác. Họ là loại người lý tưởng cao vời vợi không thể chấp nhận được sự giới hạn của thể giới hiện thực.

Sự phân tách của tiềm năng và hiện thực đôi lúc được xem như là sự li dị giữa tâm trí và cơ thể. Chúng ta hiểu rằng suy nghĩ và cảm xúc là những thứ gì

đó tách biệt khỏi cơ thể vật lý đang tồn tại ở thế giới. Tâm trí là vô hạn, bay cao bay xa đến đâu cũng quẩy tuốt. Trong khi đó, cơ thể thì yếu ớt, bị cơn đói, sự mệt mỏi ốm o kiểm soát. Triết học sinh ra để thoả mãn nhu cầu xử lý sự khác biệt này. Các nhà hành vi học tuyên bố rằng “tinh thần” không tồn tại; chỉ có cơ thể xác thịt và những thói quen nó tự hình thành là có thực. Mặt khác, mấy ông theo chủ nghĩa huyền bí lại nhận định chính cơ thể vật chất chỉ là thứ ảo tưởng do tâm trí bị giới hạn của con người tạo ra. Truyền thống Thiên Chúa Giáo định nghĩa “linh hồn” là bản thể thực sự bất tử, tồn tại trước và sau khi cơ thể chứa đựng nó. Trong nhiều tôn giáo và bộ lạc, như chủ nghĩa Ngô Đạo hoặc mấy ông theo thuyết Qabalah, coi cơ thể thực là nhà tù được tạo nên bởi tội lỗi lầm lạc của tổ tiên sa ngã. *(Thế nên mới sinh ra mấy tôn giáo có cái trò tự ngược với cả đời chết để được xá tội đấy. Khốn một cái, dù các ông này phán sống ở đời chỉ là khổ đau nhưng tự sát để thoát khổ đau cũng bị liệt vào tội lớn. Thế thì khác éo nào nói sống không được chết không xong?:v)*

Chính từ gốc gác của tất cả những điều đối lập này, chúng ta thấy chúng ta không hiểu chính bản thân mình. Trong thâm tâm chúng ta thường “tự sướng” rằng chúng ta khoẻ hơn, tự do hơn, thông thái hơn và quyền lực hơn (O.o thật hơn?); đó là những loại cảm giác khao khát mãnh liệt thuộc về bản năng của phần “con”. Đại khái thì ta vẫn biết “cái tôi đích thực” đó đang chơi ú tim hoặc bị cái “ta” tầm thường bắt nạt đè đầu cưỡi cổ để ta có thể hoà nhập với xã hội. Vậy làm thế nào để lòi nó ra ngoài? Cứ coi như mấy thứ tiềm năng đẹp đẽ quyền quý kia đang chẳng choá tự kỉ đi, làm thế nào chúng ta mới tóm cổ được chúng ra?

Mấy thứ rối óc này được quy chung thành bộ môn “khoa học huyền bí”, và được bắt đầu với sự nhận thức mạnh mẽ về sự phân tách và các giới hạn. Theo đà phát triển, những người nghiên cứu thể loại khoa học này chém ra thêm ý tưởng mới, rằng có một loại khoá, hay 1 kế hoạch có thể giúp con người trong ngoài thống nhất, thực ảo hoà hợp sau khi giải phóng hết tài năng và sự thông tuệ tiềm tàng. Con người cũng hay nhầm lẫn mục đích của môn học về tinh thần. Nhiều người coi Tarot chỉ để bói toán, rằng mấy nhà Giả Kim muốn trở nên giàu nứt đổ vỡ vách bằng cách úm ba la chì thành vàng; rằng mấy nhà Qabalah học ếm bùa đọc chú bằng ngôn ngữ bí mật, vân vân và vũ vũ,... Trên thực tế, những thuyết học này hướng đến sự thống nhất trong tâm lý. “Nguyên liệu cơ bản” mà các nhà Giả Kim muốn biến thành vàng chính là bản thân họ. Tạm chấp nhận lý thuyết rằng con người rơi cái bộp từ trạng thái hoàn hảo

không tì vết xuống một trạng thái bị giới hạn tứ bề, các nhà thần học lạc quan tin rằng làm quý gì phải ngồi mỗi mông thụ động chờ đợi sự cứu chuộc thông qua các tác nhân bên ngoài. Ngược lại, ông hoặc bà ta tin rằng tự thân tìm ra sự cứu chuộc bằng cách tìm chìa khoá đến với sự thống nhất là trách nhiệm của con người.

Tarot được coi là một phiên bản của “chìa khoá” đó. Nó không phải “cái chìa khoá” theo nghĩa đen, và cũng không phải một kiểu học thuyết gì đó thần bí cao xa cho lắm. Nó thể hiện một quá trình, một trong những thứ dạy chúng ta rằng: khi ảo tưởng rằng sự thống nhất dễ dàng chiếm được qua mấy cái chìa khoá hay công thức vớ vẩn tức là chúng ta đã làm to! Đúng hơn là, phải trải qua từng bước trưởng thành (21 trạng thái của bộ Đại Bí Mật) trong nhận thức trên đường đời (mới mong hoàn hảo nghe con!)).

“The Fool” thể hiện sự ngây thơ không vết nhơ – một loại trạng thái hoàn hảo trong niềm vui và tự do tuyệt đối, một cảm giác (rất yomost) khi hoà hợp với tinh thần của cuộc sống mọi lúc; nói cách khác, cái thể “bất tử” chúng ta cảm thấy trở nên bị tù túng trong hỗn độn và thoả hiệp trong cuộc sống đời thường. Rất có thể làm gì có cái “tôi” trắng sáng như ô mô kia tồn tại?! Bằng cách nào chúng ta nghiệm thấy nó như một thứ gì đó đã mất. Thú vị là, mọi nền văn hoá đều bịa ra câu chuyện về Sự Sa Ngã từ một thiên đường sơ khai.

“Ngây thơ” là một từ hay bị hiểu nhầm. Nó không phải là kiểu ngây thơ “lơ lơ như nai tơ xông chuồng”, mà là sự tự do, hoàn toàn cởi mở với đời, tin tưởng tuyệt đối vào cuộc sống và bản năng cá nhân của kẻ không có dây thần kinh sợ. “Ngây thơ” không có nghĩa là “vô tính” như vài người nghĩ. Nó là bản năng giới tính không tội trạng, chân thành, quan tâm và không biết sợ là gì. Nó hiển nhiên, tự do, yêu say đắm cuộc sống như Romeo trông si trước nhà Julietta.

“The Fool” ứng với số “0” vì bất cứ chuyện gì cũng có thể xảy ra với kẻ đầy tiềm năng sẵn sàng đi mọi hướng. Anh chàng không thuộc về nơi nào, và cũng chẳng bị sắp đặt hữu ý như những lá khác. Sự ngây thơ của chàng ta nói lên rằng anh chàng không hề có quá khứ “dữ dội”, và vì thế nên tương lai của chàng ngốc mở ra vô cùng tận. Mỗi giây mỗi phút đều là những điểm xuất phát mới. Trong hệ thống số Ả rập, số “0” có hình quả trứng, để chỉ ra rằng tất tần tật mọi thứ đều được nhồi trong đó. Vốn nguyên thủy số “0” là 1 dấu chấm. Theo truyền thống Giả Kim Thuật và Qabalah, vũ trụ bắt nguồn từ đúng 1 điểm

sáng. Và Chúa trong Qabalah thường được mô phỏng là “Vô”, vì gán Chúa vào bất cứ “vật” gì cũng giới hạn quyền năng của người. Những người luận giải Tarot nào mà cố tìm gốc gác quê quán của lá “The Fool” hay vị trí đáng có của nó giữa các lá bài xem chừng đang lạc đường nặng. “The Fool” là sự vận động, thay đổi, là bước nhảy vọt liên tục trong cuộc sống.

Với “The Fool”, khả năng và hiện thực chẳng khác quái gì nhau cả. “0” là trống rỗng – không hi vọng cũng chẳng sợ hãi, và chàng ngốc lên đường không kế hoạch không mục đích. Chuyện đâu khắc có đó, thật chó khắc có mắt tôm!

Người khác sẽ nhận thấy tính tự phát bốc đồng của chàng ta ngay. Không tính toán thiệt hơn cũng chẳng kiềm chế. Chàng ngốc việc ta ta cứ làm mà không cân đo đong đếm, như vài người có ý thức tính toán ngả bài với cơm khi lơ tòm tem với phở. “The Fool” trao đi sự chân thành và tình yêu một cách tự nhiên (như ruồi) cho tất cả mọi người mà chẳng thèm mảy may nghĩ về điều đó.

Chúng ta quy giới tính cho “The Fool” là “chàng” và vũ công “The World” là “nàng” vì ngoại hình của họ, nhưng thực ra cả 2 đều không có giới tính thực, thích coi thế nào cũng được. “The Fool” nguyên là chưa có được hiểu biết bỏ túi về “chuyện trai gái” (“The Fool” đại diện cho tinh thần nên không bị quan niệm “vật chất xôi thịt” tác động). “The Fool” và “The World” về cơ bản đều là lưỡng tính, đều bộc lộ nhân tính con người dù ở thời điểm nào, thông qua những trạng thái tự nhiên nhất.

Giờ zoom xa ra để ngắm đủ 4 lá bài. “The Fool” chia rẽ “The Magician” và “The High Priestess”, 2 lá buộc phải được “giao duyên mai mối” thì mới sinh ra được “The World”. 2 lá này thể hiện sự trong sạch tuyệt đối của “The Fool” giờ đã bị chia tách ra nhiều mặt đối lập khác nhau => đại khái là suy nghĩ phức tạp hơn, viết theo sách nghe hàn lâm lắm. “The World” là sự thống nhất lần 2, nhưng sâu sắc hơn nhờ quá trình trưởng thành qua 18 lá còn lại. “The Fool” tinh khiết còn “The World” thì thông thái.

*Sự thuần khiết và sự tự do*

“The Fool” dạy chúng ta rằng cuộc sống đơn giản chỉ là vũ điệu không ngừng của trải nghiệm. Nhưng đa số không duy trì được tâm niệm hiển nhiên và tự do dù chỉ 1 khoảnh khắc. Viện vào nỗi sợ, điều kiện hay những vấn đề “cơm áo gạo tiền” rất thực tế của cuộc sống thường nhật, chúng ta buộc phải

để “cái tôi” ly thân với trải nghiệm. Thế nhưng chúng ta vẫn có thể cảm thấy sâu thẳm bên trong là sự tự do tiềm năng – cái thứ cảm giác mơ hồ mất mát khi người lớn “đánh rơi” mất sự ngây thơ nhiệt huyết của tuổi thơ. Một khi đã đánh mất sự “ngây thơ” này, chúng ta không thể dễ dàng bò lên lại được vị thế của “The Fool”. Thay vào đó, chúng ta phải học trâu học bò, phải qua một quá trình tưởng thành đăng đẳng, tự khám phá bản thân, tự nhận thức mới có thể chạm đến cái Tự Do vĩ đại của “The World”. (Thường là hết đời mới mong đụng được:v).

“The Magician” là đại diện của hành động chủ động, “The High Priestess” là thụ động; “The Magician manly, “The High Priestess” girly; “The Magician” là có ý thức; “The High Priestess” là vô thức.

“Ý thức” ở đây không có nghĩa là sự nhận thức cao vời vợi của “The World”, mà là sự ý thức mạnh mẽ nhưng bị giới hạn của cái tôi khi nó tạo ra một vũ trụ quan “thăng hoa” và không bị ràng buộc. Sự mô tả này không phải để chê bai sức mạnh sáng tạo của “The Magician”. Xét cho cùng thì cái bình không thể chê bàn tay người tạo ra nó từ miếng đất sét – con người không thể phủ nhận cái rập khuôn năng tạo ra vật chất từ sự hỗn độn của “The Magician”. Chính “The Magician” đã tạo ra “đời là bể khổ” đầy chữ. Y sĩ, nghệ sĩ, nhà thần bí học,...nói chung là mấy ông đầu đầy chữ đều coi “The Magician” là lá bài bảo hộ mình. Hơn hết, sức mạnh của “the Magician” đại diện cho thể tự do tách biệt của “The Fool” hoặc sự thông thái của “The World”.

Bên cạnh đó, “The High Priestess” đại diện cho trực giác vô ý thức sâu hun hút trong tim gan phè phổi. Tuy nhiên tri thức sâu thẳm của nàng không phải loại tri thức thuộc về trung tâm sự hư vô đã để “The Fool” thích làm gì thì làm.

“The High Priestess” là chân lý bên trong – đại khái là lương tâm hay sự tự nhận thức bản thân ấy. Lương tâm thuộc thể thụ động, là thứ gì đó bị tổn thương trong khi các phần khác dễ chịu. Lương tâm sự tự nhận thức bộc lộ qua nhiều cách. Sâu trong lòng mẽ, con người biết mình là ai – cái “bản ngã” không ai thấy được và cũng không thể giải thích nổi. Nhưng những người hay lao đầu cắm cổ vào thi thố, sự nghiệp, trách nhiệm mà quên bồng việc trau dồi nhồi nhét tri thức cá nhân, thì tới 1 ngày đẹp giờ trời đánh thánh đâm nào đó họ sẽ tự nhiên nhận ra họ không biết mình là ai, hay họ từng mơ tưởng về cái gì cho cuộc sống. Ngược hẳn mẫu người cố gắng đến mức ngu đi này, những

nhà sư đạo Phật tìm cách ẩn cư, dứt thất tình lục dục vì họ cho rằng chỉ 1 tác động tí tẹo tẻo teo nào đó cũng khiến họ phân tâm khỏi tập trung thiền định.

Cả 2 lá “the Magician” và “The High Priestess” đều mang chân lý “chuẩn chủng”. Cả 2 đều chưa đánh mất ánh sáng của “The Fool” mà chỉ đơn giản tách ra 2 phần “ánh sáng” và “bóng tối”. Theo thuyết chia tách truyền thống của phương Tây và tôn giáo phương Đông thì “The Magician” là phương Tây – nhấn mạnh vào hành động và lịch sử, trong khi “The High Priestess” lại là phương Đông huyền bí tách biệt khỏi thế giới và thời gian. Nhưng ai đào sâu học kỹ về cả 2 đường thì sẽ kết hợp chúng với nhau.

“The High Priestess” ngồi giữa 2 cây cột sáng và tối (là ngồi giữa...háng đó = w =). Dù bản thân nàng là biểu tượng thụ động thì trực giác của nàng có thể tự cân bằng giữa cả 2 mặt. Nghe thì có vẻ choáng nhau chan chát đấy. Nếu chúng ta tự ngâm giấm cuộc sống của mình vào cái giếng đầy sự mâu thuẫn không thể giải quyết nổi, 2 điều có thể sẽ xảy ra. Vận động (lùi, tiến hay....đi ngang), hoặc dậm chân tại chỗ. Hãy ngồi chơi xơi nước giữa đồng bồng bong, đừng chủ đích đi về hướng nào, để mọi thứ nhảy nhót quanh bạn. Tất nhiên bạn có thể chọn cách khác là để bản thân và sự tĩnh tại bên trong quay mòng mòng như con quay mất dây quấn. Dù sao thì có bạn hay không đời nó vẫn chống mông chạy tiếp.

Trong hệ thống biểu tượng Qabalah, “The High Priestess” là Trục Hải Hoà – là sức mạnh chấm mút mỗi bên một tí của Trục Cảm Thông và Trục Phán Xét, chính là 2 cái cột đen trắng nàng tọa giữa đó. Nhưng nếu không có khả năng kết hợp với sức mạnh chủ động của “The Magician”, sự Hải Hoà của “The High Priestess” sẽ bị “vùi hoa dập liễu” không thương tiếc ngay.

Là những hình tượng chân lý, “The Magician” và “The High Priestess” hiển nhiên không thể tồn tại trong cuộc sống. Bạn biết đấy, có 1 điều chắc chắn là chẳng gì chắc chắn cả, nên những thứ thuộc về “chân lý”, “tuyệt đối” nói chung đều thuộc loại lý thuyết ai cũng biết nhưng chẳng ai làm (nổi). Thường thì chúng ta lúc dùng cách này lúc dụng cách kia, và với mỗi sự lựa chọn chúng ta lại thể nghiệm 1 trạng thái (tất nhiên là “dỏm” hơn bản gốc) – hoặc chủ động nhưng hỗn độn, hoặc bị sự tội lỗi hay bất an đẩy vào thế thụ động.

Mục đích của Bộ Đại Bí Mật có 2 phần. Đầu tiên, bằng cách chia nhỏ các yếu tố của cuộc sống thành các chân lý để giúp chúng ta thấy chúng ở hình thái tinh thần chân thực nhất. Thứ 2, nó giúp chúng ta phân định rõ từng yếu tố 1

mà biết đường lựa chân đơm bước qua từng trạng thái của cuộc sống cho đến khi đạt được “trong ngoài hợp nhất”. Theo lý thuyết thì trong thực tế lý thuyết chẳng khác thực tế là mấy, nhưng trong thực tế thì lý thuyết khác xa thực tế – “The Fool”, “The Magician” hay đại khái những chân lý không bao giờ tồn tại. Nhưng có thể bằng cách nào đó chúng ta sẽ “cảm” chúng như cái gì đó đã mất. Và bộ Đại Bí Mật bật mí cho chúng ta cách “vợt” lại chúng

## **Chương 2: Tổng quan về Tarot**

### *Các Lá Bài Là Một Chuỗi Liên Tiếp*

Đa phần các diễn giả bộ Đại Bí Mật chọn một trong 2 cách tiếp cận: hoặc họ chia nhỏ từng lá hoặc gom tất cả thành một chuỗi. Cách tiếp cận đầu tiên là cách theo dõi từng chặng trong diễn trình phát triển tâm linh mỗi người. “The Empress” là đất mẹ vĩ đại, “The Emperor” thì làm chủ bản ngã,... Hệ thống này xét đoán các con số trên bài như một phần của ngôn ngữ biểu tượng. “The Magician” là số 1 không phải vì anh ta có sức mạnh đầu bảng, mà bởi vì đó là con số ý tưởng cùng “chất” với “The Magician”: sự thống nhất.

Cách tiếp cận thứ 2 là vơ tất cả các lá chính thành 1 chuỗi quá trình. “The Magician” là số 1 vì anh ta là tính chất nền tảng mở đường cho hành trình trưởng thành của các lá khác. Lá số 13, có thể nói là điểm chính giữa 2 lá “The Hanged Man” và “The Temperance” chứ không phải chỗ khỉ ho cò gáy nào khác. Mỗi lá bộ Ẩn Chính đều được xây dựng dựa trên lá trước nó và là cầu nối để mở ra lá tiếp theo.

Thường thì tôi quấy theo cách thứ 2. Tất nhiên không thể “đá ống bơ đội mũ phớt” với hệ thống biểu tượng con số nguyên cũng quan trọng chẳng kém khi xác định chỗ đứng xứng đáng của các lá bài trong diễn trình. Sự so sánh với các con số khác cũng giúp chúng ta thấy được giới hạn và ưu thế của các lá bài. Ví dụ, lá số 7, “The Chariot”, thường được coi là “Chiến thắng”. Nhưng loại chiến thắng nào? Có vĩ đại như “The World” hay chỉ đáng xách dép? (tất nhiên kẻ xách dép cho người vĩ đại thì vẫn vĩ đại :v). Xem xét vị trí các lá bài có thể trả lời những câu hỏi này.

Các nhà luận giải Tarot thâu theo hướng này thường mò kiếm một điểm nào đó để tách nhỏ các lá chính ra cho dễ gặm nhấm thấm thấu. Sự lựa chọn phổ biến nhất là tách ở “The Wheel of Fortune”. Là lá số 10, nó là đại diện cho sự kết thúc một chu trình và bắt đầu sang chu trình khác. Hơn nữa nếu đặt

“The Fool” ngay đầu vòng thì lá số 10 chia bộ Đại Bí Mật thành 2 phần, mỗi phần chuẩn 11 lá không cần chỉnh. Quan trọng nhất là, quan niệm khi vòng quay quay vòng mới thể hiện việc khai thông thay đổi cách nhìn nhận cá nhân từ những việc bên ngoài (như thành công hay tình ái), đến những chuyển biến nội tâm hơn như lá “The Death” hay “The Star”.

Dù chia năm xẻ bảy Bộ Đại Bí Mật thì cũng thú vị đấy, nhưng cá nhân tôi thấy bộ này xẻ 3 là ngon ăn hơn cả. Tổng tiền lá số 0 sang lẻ (và việc “tẩy chay” này cũng cho thấy số 0 thích nhảy vào điểm nào cũng chấp nhận được hết), ta sẽ được 3 bộ 7 lá hoàn hảo.

Mà bạn biết đấy, số 7 vốn là ngôi sao kì cựu trong giới biểu tượng: 7 hành tinh trong chiêm tinh học cổ điển, 7 bằng 3+4 (mà 3 và 4 cũng là những con số huyền bí), 7 trục thông thái, 7 trạng thái dưới “Tree of Life”, 7 Luân Xa (Chakras mà trong Naruto các thánh cứ dung để vận thuật đánh nhau ầm ầm đấy, tìm hiểu sâu buồn ngủ lắm), và tất nhiên, 7 ngày trong tuần.

Số 7 liên kết trực tiếp với Tarot. Chữ “pi” trong tiếng Hy Lạp là “tỉ lệ vàng” giữa đường kính và chu vi trong hình tròn. Dù bụi con hay hạt tiêu, đường kính và chu vi hình tròn trước sau như một “chung chạ” tỉ số pi. Và bộ Đại Bí Mật nếu có “The Fool” thì là 22, thiếu vắng “the Fool” ngậm ngùi xuống 3 lần 7. Ngoài ra, 21 lần 7 bằng 154 (1+5+4=10, quay về lá “Wheel”), và 154 bằng 2 lần 77 – cũng tức là số lá của cả bộ bài Tarot, tất nhiên “The Fool” vẫn đơn côi ngồi ngoài.

Theo như khái niệm Qabalah, Chúa là “Vô”, là một điểm, nhưng tất cả các vòng đời đều đến từ cái điểm tí tẹo đó. Và số của “The Fool”, số “0” là biểu tượng vòng tròn cũng như dấu chấm.

Lý do thích đáng để tách ra làm nhóm 3 nằm trong chính bộ Đại Bí Mật. Đầu tiên phải rớ đến biểu tượng hình vẽ cái đã. Nhìn vào con số của lá đầu môi dòng. “The Magician” và “The Strength” rõ ràng rành rành đều là những lá sức mạnh, kể cả lá “the Devil”. “The Magician” và “The Strength” được giao kết bằng biểu tượng vô cực trên đầu (nghe như hôn giới ấy nhỉ = w =), trong khi “The Devil” lòng ôm ngôi sao năm cánh chống ngược. Nếu bạn ngâm cứu kĩ tư thế của “The Devil – một tay giơ 1 tay hạ – bạn sẽ thấy “The Devil” theo 1 cách nào đó là bản nhái lại của “The Magician” với cây đuốc chỉ địa thay vì gậy thần chỉ thiên. Thậm chí một số bộ bài lá 15 còn được đổi sang tên “The Black Magician”. (Cũng như vậy, 1 số bộ Strength được thay bằng Justice. Nếu sấm



soi tiểu tiết thì bộ dáng Justice còn gần với “The Magician” và “The Devil” hơn). Kiểu tương ứng theo chiều dọc này xuyên suốt cả 3 bộ 7 lá được chia.

### *Ba Lĩnh Vực Của Trái Nghiệm*

Cách chia bộ Đại Bí Mật thành 3 bộ 7 lá còn giúp chúng ta thấy rõ được 3 lĩnh vực trải nghiệm. Nói ngắn gọn, chúng ta gọi chúng là:

- Ý thức: những mối quan tâm về cuộc sống ngoài xã hội.
- Tiềm thức: linh hồn tìm kiếm cái tôi thích đực à quên đích thực.
- Siêu tâm: sự phát triển của ý thức tâm linh và giải phóng năng lượng căn nguyên.

3 cấp độ này không tự nhiên từ trên trời rớt xuống. Chúng được truyền tải thông qua những lá bài.

Phần đầu tiên tập trung vào các vấn đề muôn thuở của con người như cơm áo gạo tiền quyền lực địa vị giáo dục yêu đương,... vân vân vũ vũ. Cái này thì ngày ngày ai cũng gặp qua phim ảnh truyện sách đến ớn luôn rồi. Tất cả chúng đều được quản lý thông qua 7 lá đầu tiên của bộ Ẩn Chính. Cuộc đời và cái chết của một người được đánh giá có công thành danh toại yên lòng nhắm mắt hay không nhiều khi chỉ quanh quẩn ở 7 lá đầu mà chẳng cần anh hoặc cô ta mò lên đến lá “The Chariot”. Thực tế, rất nhiều người chẳng với được đến lê vờ này.

Mấy cái môn triết học với tâm lý hiện đại có thể đại khái liệt vào dòng thứ 2 bộ Ẩn chính, với biểu tượng đại diện tiêu biểu giống như một ẩn sĩ thu mình vào nhận thức cá nhân sâu trong tim gan mẽ phổi, rồi tiếp sau đó là biểu tượng của “The Death” – cái chết, và tái sinh. Thiên thần tươi ngon trong lá “The Temperance” cuối bộ 2 thì thầm rủ rỉ chúng ta rằng chúng ta đã phát hiện ra cái tôi chân chính rồi đấy, đã nốc ao được cái tôi ảo tưởng rồi đấy, và mấy cái nghi ngờ đề phòng với những thói quen khuôn khổ cũ rích đến lúc cuốn gói ra đi đi là vừa.

Còn bộ 7 lá dòng cuối? Cái gì cao hơn cả khám phá ra chính bản thân mình? Nói cho đơn giản, 7 lá này thể hiện sự đối chiếu và cuối cùng cũng hợp nhất với những chân lý trong cuộc sống. Những lá 2 bộ đầu quan trọng là thế giờ lại thành những viên đá lót đường chuẩn bị cho cú rơi vào bóng tối vĩ đại,

để chính cá nhân giải phóng ánh sáng và ca khúc khải hoàn trở về thế giới ý thức rục rờ.

Đa số người đọc sẽ thấy dòng trên hơi bị ngớ ngẩn vô thực. Có thể nói chúng mang nặng tính tôn giáo hoặc thần thoại, dù vậy những từ này vẫn không bao quát được hết chúng.

Còn với cá nhân người dịch thì hiểu thế này: sau khi trải qua cuộc sống (dòng 1) bạn quyết định đi hưởng thụ sang chảnh, tắm bồn chẳng hạn. Thâm tâm thì bạn biết mình đang làm gì rất muốn tắm bồn để mình rũ bỏ ghét bẩn (dòng 2). Thế là bạn lao cái ùm xuống đồng bồn khoáng đen ngòm (dòng 3). Bước khỏi đồng bồn đen ngòm đó, da bạn thì sáng láng như tẩy ô mô và tinh thần thì sáng khoái. Nhờ tinh thần thông suốt sáng khoái mà bạn làm việc hiệu quả hơn, hiến thân vào cuộc sống hơn (à thì văn hoa nó thế).-

Mấy giọng nói mơ hồ vô thực trong đầu chúng ta hẳn luyện thuyên về bản thân chúng ta nhiều hơn là về các vấn đề chúng ta cùng phải. Xã hội nào cũng tự động dạy những cá nhân chui rúc trong nó những quan niệm cơ bản về thế giới. Những tượng đài vờ vờ được dựng lên trong nền văn hoá mỗi dân tộc bao hàm tí tí thứ: giá trị cá nhân, hiện thực sến súa của tình yêu, tầm quan trọng của tự do và công bằng xã hội, và nhiều thứ phức tạp hơn nhưng cũng không kém phần thiết yếu: mỗi người đều “4ever alone” trên thế giới này. “Chúng ta sinh ra một thân chết đi cũng độc một mình”. Xã hội của đúng ta được xây dựng dựa vào những nhà duy vật học của thế kỉ 18 và 19 không chỉ đơn thuần từ chối quan niệm “siêu tâm” hoặc “sức mạnh vũ trụ”, mà chúng ta còn chẳng thực sự biết chúng có ý nghĩa quái gì.

Giáp lá cà với dòng cuối bộ Đại Bí Mật đồng nghĩa với việc đối đầu trực tiếp với một lĩnh vực ngứa ass với khá nhiều người. Điều đó khiến việc đọc những lá bài này chật vật hơn – và rất có thể lĩnh hội được nhiều hơn. Vật lộn tay đôi với những hình ảnh cổ xưa có thể thâm về những tri thức bị lãng quên trong nền giáo dục hiện đại.

## Chương 3: Những lá chính mở đầu biểu tượng và nguyên mẫu bài tarot

### *Lá Bài The Fool*

(Chân nguyên – “Archetypes” – từ này hiện tại có rất nhiều bản dịch dịch là “nguyên mẫu” nhưng cá nhân tôi chẳng hiểu ý nói “nguyên mẫu” là cái quỷ gì? Kiểu mẫu vật tượng trưng? Đây là một từ khó giải thích mặc dù xuất hiện trong sách nhiều như rươi. Nếu chiếu theo ý nghĩa của tác phẩm, từ “Chân nguyên” này có nghĩa là “chân lý nằm trong lá bài”, “sự thuần khiết chân chính”, là “những gì nguyên bản nhất”, là “idea” ngoài của động của Platon (xem thêm triết học hang động của Platon)).

### Lá “The Fool”

Chúng ta đã xét duyệt “**The Fool**” ở khía cạnh linh hồn tự do tuyệt đối. Nhưng chúng ta cũng có thể xem xét “**The Fool**” ở khía cạnh khác: bước đệm để tiếp cận thế giới chân nguyên của bộ **Đại Bí Mật**. *(Dù sao cũng phải bồi thêm 1 câu rằng, chân lý là mặt trời chói lọi, nếu không nghiên cứu về nó thì đừng có điên mà nhìn vào nó).*

Tưởng tượng bạn đang bước vào một thế giới lạ hoắc. Một thế giới đầy các Pháp sư chảnh milu, con người thì treo ngược cành cây và nhan nhản các vũ công thoát y sexy nổi lênh phềnh trong không khí. Bạn lọt vào cái thế giới đó khi nhảy tót xuống từ một cái hang tối om cao chót vót (*lo lừng giữa trời?!*), sau đó lạc quần ass dẫm lặn trong mê cung, thậm chí là phải....chui xuống tổ thỏ để đuổi theo con thỏ Victoria đeo đồng hồ cổ... Có chọn cách quỷ dị thế nào đi chăng nữa, thì bạn vẫn bắt đầu ở vị trí “**The Fool**”, và cũng có thể nói rằng bạn quá....ngu khi làm thế. Sao phải mò vào cái thế giới tâm linh hỗn độn đó trong khi có thể an nhàn bình thản ở thế giới bình thường nơi có công việc, nhà cửa và gia đình bạn? Herman Melville trong “**Moby Dick**” cảnh cáo người đọc đừng rảnh đời bước chệch khỏi con đường thường nhật mà xã hội đã trải thảm rắc hoa cho bạn. Bạn có thể sẽ không tìm được đường về đâu.

Thế mà, với những kẻ đầu đá sẵn sàng bắt lấy cơ hội, cú đại nhảy vọt có thể đem đến sự thích thú, tính phiêu lưu, và cuối cùng, với những ai đủ can đảm tiếp bước đến thế giới diệu kì nhiều hãi hùng hơn là vui thú (*của Alice*), thì điều đó có thể đem lại tri thức, bình yên và sự giải phóng. Thú vị thay, nguyên chân hình tượng của “**The Fool**” xuất hiện trong thần thoại còn nhiều hơn cả

trong các tôn giáo được “cấp phép”. Một nhà thờ được thể chế hoá còn mơ mới đẩy đít thúc mông được con nhà người ta vượt qua giới hạn khuôn khổ được. Thay vào đó, các nhà thờ cho chúng ta một cái “tổ” an toàn để trốn tránh những khó khăn cuộc sống tấp vào mẹt. Thần thoại dẫn dắt đến tâm những nỗi sợ đó một cách trực tiếp, và trong các nền văn hoá, thế giới thần thoại có toàn hình ảnh Lừa đảo trắng trợn – đung đẩy chọt thọc những vị vua, những vị anh hùng khi họ dám quay mông khỏi thế giới chân lý trong tâm thức.

Trong huyền thoại **Vua Arthur**, Merlin không chỉ là một phù thuỷ, ông còn là một người thông thái và là 1...kẻ lừa đảo. Mỗi lần xuất hiện trước mặt vua Arthur ông ta lại mang một hình hài khác: một đứa trẻ, một kẻ ăn mày, một lão già,...chẳng khác con tắc kè hoa là mấy. Đức Vua trẻ bị nhiễm thói xa hoa tự cao tự đại của kẻ ngồi trên đầu người khác nên không bao giờ nhận ra Merlin cho đến khi kẻ hầu cận của ngài điểm tay chỉ mặt sự thật. Khả năng nhìn thấu ảo tưởng còn quan trọng hơn luật lệ dày đặc hay quân đội hùng hậu. Các vị quân sự Đạo giáo vốn nổi tiếng nhờ những trò lừa đảo (*binh pháp Tôn Tử ấy*).

Chân nguyên của “**The Fool**” còn được tìm thấy trong chính xã hội thường nhật, như những tay hề trong cung vua chẳng hạn. Chúng ta đều biết hình ảnh “tay hề ” trong vở “**Vua Lear**” được phép múa môi múa mép nói ra những sự thật mà không kẻ nào khác dám. Ngày nay, những nhà châm biếm và hài kịch cũng có đặc quyền VIP này.

Ở nhiều quốc gia có những kiểu lễ hội hằng năm nhằm để con người thoải mái bộc phát “thú tính”, kiểu canarval chẳng hạn. Tình dục thoải con gà mái, luật lệ bị đem làm giấy lót ass, mọi người thi nhau hoá trang màu mè hoa lá như vẹt xỏ lông rồi cùng nhau bỏ phiếu bầu “Vua Ngốc” chủ trì lễ hội. Ngày nay, ở châu Âu và Bắc Mỹ, ngày “**cá tháng 4**” tức là ngày “ngày của ngốc tử” – ngày để tha hồ lừa lọc đùa cợt lẫn nhau (*tất nhiên cẩn thận mất răng*).

Lá “**The Fool**” bên cạnh là của tác giả Oswald Wirth. Lá này cổ lỗ sĩ hơn lá của Waite nhiều, và cách nó diễn tả thằng hề hệt như 1 thằng....lang thang thô bỉ. Hình ảnh này được diễn giải rất đa dạng, như kiểu một linh hồn trước khi được thông não, hoặc một đứa trẻ sơ sinh vừa chào đời, hay gốc gác của tình trạng rối ren. Elizabeth Haich đã đưa ra một cách diễn dịch rất thú vị về biểu tượng thằng cầu bơ cầu bắt của Wirth. Đặt “hắn” giữa “**The Judgement**” và “**The World**”, cô mô tả “**The Fool**” là cách đánh giá của người

ngoài khi nhìn vào một kẻ đã được khai tâm (kiểu, thiên tài thì thường lập dị ấy mà). Bởi vì **“The Fool”** không hề bị luật lệ và điểm yếu của con người trói buộc, nên hẳn ta có vẻ xấu xí dị dạng này. Haich coi cái “mặt tiền” của **“The Fool”** chỉ là một cái mặt nạ bị thế giới chụp vào. Lá cuối cùng, **“The World”** đại diện cho chính người đã được “thông não” đó, nhưng là cách nhìn từ bên trong – là cách mà kẻ đó nhìn chính bản thân mình (*thì ai tự đánh giá chẳng đẹp chẳng xinh = w =*).

Trong một vài bộ **Tarot** từ thời Napoleon cưỡi trường, **“The Fool”** được mừng tượng như một thằng hề bợ ass hoàng gia bợ con, cao ngồng vượt hẳn mọi người xung quanh. Danh tự của chàng ta là **“Thằng Hề của Chúa”**. Cụm này trước đây thường được gán cho những gã ngốc, những thằng điên vô hại, những người thần kinh nặng, và cả những người thông thái đến mức dở người (vì họ được cho là ngoài tầm hiểu biết so với số còn lại).

Nguyên hình này còn tiếp tục dây dưa trong thần thoại hiện đại. Nhờ ơn tính chất ảo lòi nguyên thủy, truyện tranh manga các kiểu thường phản ánh tốt các hình ảnh thần thoại tốt hơn tiểu thuyết – *bạn biết đấy, không phải ai cũng thích đọc để tự động não tưởng tượng (= v =)*. Trong Batman, kẻ thù không đội trời chung của iêng hùng là **“Joker”**, một kẻ không quá khú và 24/7 trát cả tấn phần son loè loẹt trên mặt. Đó là hình tượng **“Le fou”** đó. Sự đối đầu như chó với mèo giữa Batman và Joker đưa đến người coi một thông điệp rõ ràng: đừng có nổi loạn chống lại các giá trị xã hội. Biết điều thì tuân theo luật lệ và mệnh lệnh. Những năm gần đây báo chí miêu tả Joker là kẻ điên nhiều hơn là tội phạm. Với xã hội hiện đại, cung cách bản năng thay vì luật lệ của **“The Fool”** là một căn bệnh “nguy hiểm”.

Cho đến nay cũng ta đã nhìn nhận **“The Fool”** từ góc độ người ngoài, kẻ được chàng hề châm biếm móc mỉa để chúng ta nhận ra thói tự mãn cố hữu của mình. Nếu coi **“The Fool”** là một bản ngã thì chàng ta đại diện cho những nhân vật kinh điển trong cổ tích sến súa ngày xưa, kiểu chuyện mẹ kể bé nghe về thằng khờ ngốc nghếch chân thành vớ được công chúa hoàng tử thay vì anh chị chàng ta.

Thú vị ở chỗ hình ảnh chàng khờ bản ngã xuất hiện trong cổ tích nhiều hơn là trong thần thoại. Chúng ta nhìn thần thoại như một thể lực mạnh mẽ hơn chúng ta; trong khi đó một câu chuyện cổ tích đơn giản ảo tưởng lại cho phép chúng ta thể hiện sự ngốc nghếch của mình.

Như **“Boots”** hay **“Gluck”** trong cổ tích, lúc nào cũng được đám động vật giúp đỡ, luôn có một người bạn đồng hành với **“The Fool”** trong hành trình chàng ta khám phá bộ bài. Trong bộ Waite bạn đồng hành của **“the Fool”** là một con cò hó, trong các bộ khác có thể là mèo, hay thậm chí là cá sấu. Động vật nói chung là biểu tượng của sức mạnh thiên nhiên và bản chất phần **“con”** của một người – **“con”** và **“người”** hoà với nhau tạo thành linh hồn của một kẻ sống bằng bản năng. Những chú chó thần thoại thường khá dữ tợn, ví dụ như Chó săn địa ngục chuyên săn những linh hồn lạc đường. Chúng ta vẫn là con quái vật đó thôi, có cái thái độ được trui rèn nên bên ngoài có vẻ **“cao cấp”** hơn. Từ chối bản chất quái vật thì nó chỉ điên cuồng hơn thôi. (*kiểu càng cấm càng cứ ấy mà*). Tuân theo nó nó sẽ tự biết điều hơn.

**“The Fool”** của Waite tay cầm 1 bông hồng trắng. Hồng là biểu tượng của đam mê, và màu trắng là màu truyền thống đại diện cho sự tinh khiết, và cách chàng hề cầm nó thể hiện rằng đam mê thuần khiết đang sôi sục cao độ. Người Hy Lạp coi thần yêu đương Eros là một kẻ lừa đảo vì yêu đương thường khiến những **“thanh niên nghiêm túc”** nhất cũng hành động ngớ ngẩn như bị thiếu năng. Nhưng những kẻ hành động điên rồ thì thường không bị tình yêu chối bỏ bao giờ. Người Hy Lạp cũng chụp mũ Eros là một thế lực mạnh mẽ có thể quậy tung cả vũ trụ.

Cái túi thổ cẩm treo gậy đằng sau **“The Fool”** là kinh nghiệm của chàng ta. **“The Fool”** không bỏ quên chúng; chàng ta không phải kẻ não phẳng lý như đường băng cán, mà chàng ta chỉ đơn giản không để những kinh nghiệm đó điều khiển chuyển đi của chàng như cách kỷ niệm và những chấn thương ảnh hưởng đến cuộc sống chúng ta. Cái túi thêu hình đầu đại bàng, biểu tượng của linh hồn đau khổ. Anh chàng đang hoàn toàn sống bằng bản năng. Con đại bàng cũng đồng thời là biểu tượng của cung Bọ Cạp nhưng ở **“đẳng cấp”** cao hơn, đó là từ giới tính nâng thành linh hồn. Ý tưởng kết hợp giữa giới tính và linh hồn sẽ còn xuất hiện lần nữa ở lá **the Devil**.

Chàng hề vác hồ một cành củi khô queo như thể thằng lang thang đi bụi. Nhưng cành củi này thực ra là gậy (wands), biểu tượng của sức mạnh. **“The Magician”** và **“The Chariot”** cũng đều cầm gậy, nhưng là cầm có chủ ý và cầm chặt như sợ lơ ngơ phát rớt mất. **“The Fool”** và stripper **“The World”** thì lại cầm đại khái cho tay nó đỡ....cuồng (chăng?). Có kẻ nào bị não đến mức dùng gậy thần làm que vác túi? Cứ tưởng tượng chúng ta đang đọc một câu chuyện cổ tích về 1 chàng trai não phẳng vô (số) tội tự nhiên nhặt được gậy thần của

một phù thủy vô dụng đến mức đánh rớt bên vỉa đường, và nhờ sự ngây thơ không dùng pháp thuật để mưu lợi cá nhân mà chàng ta thoát được kiếp bị thui như anh chị chàng.

## Bộ Gậy (Wands)

Gậy thần của **“The Fool”** màu đen, trong khi các “gậy” khác thì màu trắng. Với chàng ngốc vô tư như ruồi, linh hồn chàng ta luôn luôn trong trạng thái sẵn sàng, đầy tiềm năng nhiệt huyết và chẳng đi đến hướng chủ đích nào. Chúng ta có xu hướng hiểu nhầm màu đen, coi nó như tượng trưng của tà ác, hoặc những điều tiêu cực trong cuộc sống. Thực ra màu đen lại có nghĩa mọi thứ đều có thể, rằng năng lượng của cuộc sống là vô tận, cho đến khi chính ý thức lại dựng lên những rào cản vô hình. Khi chúng ta sợ màu đen hoặc bóng tối, chúng ta đã tự đẩy mình vào nỗi sợ năng lượng vô thức sâu xa của cuộc sống.

Giống như Joker, **“The Fool”** có thể bạ đâu ngồi đó – trước, sau hay giữa các lá khác đều vô tư. Chàng ta mang năng lượng “động” đến cho những lá “tĩnh” đơ như tượng. Trong bộ **Đại Bí Mật**, chàng ta có thể bỏ nhào vào bất cứ đoạn chuyển đổi khó khăn. Do đó vị trí bắt đầu của **“The Fool”** cũng chính là đoạn giao thoa từ cuộc sống thường nhật sang thế giới chân nguyên Bí Ẩn. **“The Fool”** cũng giúp chúng ta nhảy từ dòng này sang dòng khác, từ **“The Chariot”** sang **“The Strength”**, từ **“The Temperance”** sang **“The Devil”**. Để có thể nhón chân với đến **“The Chariot”** hay **“the Temperance”** đòi hỏi sự cố gắng vĩ đại và lòng dũng cảm đáng phục, và không có sự sẵn sàng bất chấp đi đến bất cứ “khái niệm” nào của **“The Fool”**, chúng ta không sớm thì muộn cũng sẽ tự dừng mình lại tự kỉ với những thứ đã đạt được.

**“The Fool”** cũng thường có đôi có cặp với những lá khó nhìn, như **“The Moon”** hay **“Death”** (để ý những con đường quanh co trong 2 lá này), nơi chàng ta sẽ thúc đẩy chúng ta thoát khỏi nỗi sợ.

Trong bộ **Tiểu Bí Mật**, **“The Fool”** “tình thương mến thương” với bộ Gậy (**Wands**) – hành động, đam mê, làm không nghĩ (kiểu...tăng động ấy). Nhưng nó cũng mèo mỡ với bộ Cốc (Cups) nguyên là nhấn mạnh vào trí tưởng tượng và bản năng. Thực chất **“The Fool”** là nửa nạc (Wands) nửa mỡ (Cups). Chúng ta sẽ thấy sự dây dưa này sau – nước và lửa, đại diện cho 1 dạng chuyển đổi (giới tính?! = w =).

Cuối cùng là câu hỏi về vị trí của **“The Fool”** trong bói toán. Tôi đã từng nhắc đến tầm quan trọng của việc đọc bài để có thể thấu hiểu các lá bài. Hơn hết, chúng còn giúp chúng ta áp dụng sự thông tuệ của Tarot vào cuộc sống. Trong đọc bài **“The Fool”** gọi đến sự can đảm và tích cực, thúc đẩy niềm tin vào bản thân và vào cuộc sống. Trong những thời điểm lên voi xuống chó, khi chúng ta đụng chuyện đau đầu từ những người xung quanh, **“The Fool”** nhắc nhở rằng chỉ có thăm sâu bản thân ta biết làm gì là tốt nhất.

**“The Fool”** thường là biểu tượng của sự bắt đầu, dũng cảm nhảy vọt đến một giai đoạn mới trong cuộc sống, đặc biệt là khi cú tung mình đó được thực hiện dựa vào cảm xúc sâu sắc chứ không phải được lên kế hoạch cẩn thận.

Đây là những ý nghĩa cơ bản xuôi. Chúng ta cũng phải xét đến những ý nghĩa **“ngược”** hàn lâm hơn, đó là khi xào bài mà chúng ta rút ra được lá **“The Fool”** trồng cây chuối. Bài “ngược” luôn là 1 chủ đề bị tranh cãi nhiều giữa các nhà luận giải. Với những người “công thức” khô như ngói rang nắng thì thường chỉ đảo ngược công thức giải **Tarot** là xong – một cách thức đơn giản nhưng khiến vài nhà diễn giải “đánh rơi” mất toàn bộ ý tưởng về ý nghĩa bài ngược. Nhưng chúng ta vẫn có thể xem xét sâu hơn. Thông thường một lá ngược chỉ ra rằng tính chất của lá bài đó đã bị phong toả, bị bóp méo hoặc chuyển hẳn sang đường khác.

Với **“The Fool”** ngược đời có nghĩa thất bại tràn trề khi tuân theo bản năng. Nó cũng có thể có nghĩa không tranh thủ vọt lấy cơ hội ở một thời điểm thiết yếu nào đó vì ....sợ, hoặc vì phụ thuộc quá nhiều vào kế hoạch hoặc lời góp ý của người khác.

Một ý nghĩa “ngược” khác đối lập với nghĩa xuôi ban đầu: Bất cẩn, hoang dã và điên cuồng. Nhưng chúng đều thuộc họ thất bại khi hành động theo bản năng (thú vật...). Người khinh suất tự biến mình thành thằng ngu khi anh ta không tin vào bản năng vô thức, và đồng thời anh ta cũng sợ ngồi chơi xơi nước thì sẽ thành “nhà cư vi bất thiện”.

Ý nghĩa “ngược” thứ 2 gọi đến một mặt ẩn của **“The Fool”** – sự thức thòi trước cơ hội tại một thời điểm thích hợp. Sông có khúc người có lúc. Điều cơ bản bất cứ lời tiên tri nào dạy chúng ta rằng không hành động hay thái độ nào là đúng hay sai, ngoại trừ xét chúng trong hoàn cảnh thích hợp.



Tiếp tục đào sâu vào Tarot chúng ta sẽ thấy quan niệm về “hoàn cảnh thích hợp” chi phối tất cả các lá bài và, thực tế, chính là chìa khoá để dùng **Tarot** 1 cách đúng đắn. Lá bài trong bộ Rider nằm chính giữa bộ **Đại Bí Ẩn** của cả 3 bộ 7 lá là lá **“Justice”** – chính là cần phản ứng thích đáng tùy thời.

**Chốt:** “The Fool” – số “0” – âm “ALEPH” trong bảng chữ cái Hebrew (Ox trong bảng Latin) – Nguyên tố đại diện: Khí – Từ khoá: Sự bắt đầu, Sự điên khùng, Sự ngẫu hứng, Niềm tin.

### *Lá Bài The Magician*

**“The Magician”** – Pháp sư kiêm...thầy lừa đảo có “quan hệ” trực tiếp đến là **“The Fool”**. Như đã nhắc ở chương trước, Merlin đóng cả 2 vai trò trên (ngài còn kiêm cả danh hiệu “Người thông thái” và “Người Thầy”), và rất nhiều các dòng thần thoại khác cũng có liên hệ tương tự.

Những bộ **Tarot** cổ lỗ mô tả số 1 trong bộ Ẩn Chính giống một nhà...ảo thuật mua vui thiên hạ hơn là một Pháp Sư – thậm chí còn có những lá vẽ một tay làm...xiếc đang tung hứng những quả bóng màu mè trong không trung. Charles Williams lại thể hiện **“The Magician”** của ông đang...tung hứng các ngôi sao và các hành tinh.

Đa phần các hình ảnh bộ Ẩn chính hiện đại đều mô phỏng theo **“The Magician”** của Waite: một tay giơ Gậy (*cũng chính là...dương vật*) chỉ thiên để “hấp thụ” tinh thần sáng tạo nguyên thủy và nguồn năng lượng siêu nhiên từ thánh thần về cuộc sống. Ngài cầm **Gậy** rất cẩn trọng, nhận thức được cảnh củi khô queo gác hồ trên vai **“The Fool”** mang sức mạnh tâm linh mạnh mẽ. Vì lẽ đó mà lá bài được đánh số đầu tiên **“The Magician”** đại diện cho ý thức, hành động và sự sáng tạo. Ngài là biểu tượng của “biến ý tưởng thành hiện thực”, hay nói cách khác là “dream comes true” (*tất nhiên là phải có cơ sở chứ không phải kiểu mơ hão hao mơ đầu nha*). Chúng ta cũng có thể thấy trên bàn của ngài Pháp sư là 4 hiện vật tượng trưng cho 4 chất bộ Ẩn Phụ. Ngài Pháp sư không chỉ dùng những “vật chất” của thế giới hiện thực để tạo ra phép thuật (4 vật này đều là những vật dụng trong lễ nghi cúng tế), mà còn dùng “tính chất tinh thần” của chúng để tạo ra thế giới, theo nghĩa trao cho cuộc sống ý nghĩa cần có và hướng nó cần đi.

**“The Magician”** đứng giữa tầng tầng lớp lớp hoa hoét (cứ như hoàng tử ấy nhỉ = w = hoa bay bay) có ý nhắc nhở chúng ta rằng sức mạnh sáng tạo và

tình cảm cần phải được chăm chút trong cuộc sống vật chất. Nếu chúng ta tạo nên điều gì đó không phải nhờ khả năng bản thân thì chúng không có thực.

Đám hoa dưới chân **“The Magician”** gồm hồng đỏ và ly. Trong sách không nói nhưng không biết tác giả vẽ hoa ly có chủ đích không. Trong đạo Cơ Đốc, ly mang nghĩa trong sáng, đức hạnh. Trong Kinh Thánh, ly mang tên “tông đồ áo trắng hy vọng”, đại diện cho hy vọng và khát vọng sống. Ly được dâng cho Jesus và đức mẹ Maria, nghe đâu lúc đầu vàng khè sau Đức Mẹ hái mới hoá trắng đại biểu sẽ mang thai Chúa. Trong thần thoại Hy Lạp, nghe đồn rằng hoa ly là những giọt sữa không thành dải ngân hà của Hera sau khi bà đẩy Hercules không cho bú. Trong Kinh thánh Do Thái cũng nhắc đến ly là Shusan – tinh bạch và hạnh phúc. Còn thập cẩm ti tỉ thuyết lên nhờ thánh Google nhé = v =.

**“Khởi đầu vạn vật, Chúa tạo ra Thiên Đường và Trái Đất”**. Kinh Thánh bắt đầu ở thời điểm các linh hồn hạ thế và xâm nhập vào thực thể vật chất. Trong thế giới thực chúng ta chỉ có thể nhận thức được hiện tại. Khi liên hệ Tarot với bảng chữ cái Hebrew, **“The Fool”** cặp bồ với từ đầu tiên **“ALEPH”** (vô âm – là âm câm, biểu tượng của “VÔ”. Nó cũng là chữ cái đầu tiên của 10 điều răn). Điều này có nghĩa ký tự thứ 2 **“BETH”** (chữ đầu tiên có âm luật thực) đại diện cho **“The Magician”**. **“BETH”** là chữ đầu tiên của Sáng Tạo Thế trong bộ Kinh Thánh Cựu Ước (Do Thái và Thiên Chúa giáo đều chung dụng “2 ông 1 bà” bộ Cựu Ước này).

Nhìn vào hình ảnh **“The Magician”** của Waite. Ngài pháp sư này không hề ếm bùa chúa hay triệu hồi ác quỷ như mấy ông bà thầy đồng bịp thiên hạ. Ngài chỉ đơn giản tạo “dáng đứng bên tre”, một tay chỉ thiên một tay hướng địa. Có thể so sánh **“The Magician”** là một....cột thu lôi: anh chàng hấp thu sức mạnh tâm linh rồi truyền thẳng xuống đất mẹ – tức là Hiện Thực.

Chúng ta có thể thấy trong **Kinh Thánh** nói riêng và các thể loại tôn giáo thập cẩm tả phế lù nói chung nhan nhản những cách lý giải cho “linh hồn giáng thế”. Người ta “nói trong vô thức” như bị quỷ nhập ở những nhà thờ **Giáo Hội Ngũ Tuần** và lăn lộn trên sàn sàt tế như bị động giật ở những buổi “gặp gỡ hò hẹn” của hội Phúc Âm. Các vị cha xứ tự coi mình là kênh dẫn, là “đài phát thanh” của Chúa Thánh Thần.

Nhưng chúng ta có thể nhận ra những trải nghiệm này theo cách đơn giản, phi tôn giáo hơn nhiều. Người ta phấn khích khi xem thể thao. Người ta lên đỉnh khi “vui vẻ”. Người ta phát rồ khi giận. Trong thời gian đầu một cuộc

tình, hay lúc khởi nghiệp,...chúng ta có thể thấy một dòng sức mạnh mẽ đến mức ngửa ngáy tràn ngập trong cơ thể. Đôi lúc bạn có thể thấy thiên hạ đang tiếp cận một trang mới của cuộc đời, chân nọ xọ chân kia xoắn cả lại với nhau, hay nhấp nhồm trên ghế như mông dính lò xo. Ở họ dường như tràn đầy thứ năng lượng gì đấy mà ngay cả bản thân họ cũng không kiểm soát được. Rồi những văn nghệ sĩ nói chung, khi công việc của họ thuận buồm xuôi gió bèo chày mây trôi, họ sẽ thấy chính bản thân như một cột sóng thu linh từ thánh thần. Từ **“nguồn cảm hứng”** vốn có nghĩa là **“tràn ngập hơi thở thiêng liêng”**. (*không biết hơi thở thiêng liêng buổi sáng có hôi không nhỉ?*), và đại khái là một trong những thê thiếp râu ria của “tinh thần”.

Ngó lên tất cả những trạng thái “phấn khích” của con người, thì chỉ trừ có Thầy tu và nghệ sĩ là bị biến thành thất thần. Những người đi lễ sùng đạo hay những cậu chàng tuổi choai choai chuẩn bị “bùng nổ” trong một trận đấu đều có chung một cảm giác cơ thể bị năng lượng mãnh liệt quá sức chịu đựng xâm chiếm dần. Nguồn năng lượng đó thậm chí còn có thể nói là đau đớn. Con người trong cơn cuồng tín muốn nhảy nhót tăng động như một cách để giải tỏa thứ năng lượng mà họ không chịu đựng nổi.

Nguồn sức mạnh trong cuộc sống không phải một quý bà dịu dàng hiền thực. Nó phải được tuôn trào, được truyền cho một thực thể, vì cơ thể chúng ta không được tạo ra để chứa đựng năng lượng đó mà chỉ là kênh dẫn truyền nó đi thôi. Dù vậy các nghệ sĩ không tham gia *“hội lên cơn động kinh”* như người thường bởi họ có thể giải tỏa cơn cuồng của mình vào tranh vẽ. Cũng như vậy, cha xứ thì truyền năng lượng qua.... bánh mì và rượu.

Chúng ta là một kênh năng lượng khá hiệu quả. Trừ phi chúng ta đứ theo xì tai của **“The High Priestess”** trong việc tự kỉ thu mình khỏi thế giới, còn không thì cứ sống hết mình quấy hết sức. Con người sống tràn đầy nhất là khi sáng tạo hoặc chủ động. **“Sáng tạo”** không chỉ dừng lại trong nghệ thuật, mà là bất cứ hoạt động nào tạo ra điều gì đó “có thực” và “có giá trị” trong cuộc sống.

Nhiều người trải nghiệm cảm giác “tăng xông” nhiều đến độ họ còn cố “đu” theo nó. Họ hi vọng được tận hưởng những khoảng khắc phép màu bằng cách ngồi chơi xơi nước. Nhưng chúng ta chỉ thực sự bầu vuu núa kéo sức mạnh sau-khi đã “xả” nó nhiệt tình. Lùi 1 bước tiến chục bước – phải nhả vốn ra mới thu thêm lãi về chứ. Cứ bám khư khư vào sức mạnh cũ chũng ta chỉ càng vô tình khoá chặt van thu lôi năng lượng mới của kênh sức mạnh tâm linh thôi,

rồi dần dần sức mạnh cũ cũng sẽ ỉu đi như bánh mì thiu. Khán giả một trận bóng, hay kể cả những con chiên ngoan đạo, sẽ thấy cơn tăng động chập cheng của mình biến mất không lâu sau khi “lên đồng”. Nhưng thầy pháp, nhà khoa học, giáo viên, và cả những người đọc **Tarot** nữa, sẽ thấy năng lượng tăng dần đều sau từng năm nếu họ xả van ngày càng nhiều vào thực tế.

Khi “ngâm cứu” về ngài Pháp sư, những người cảm thấy thiếu thốn trống vắng điều gì đó có xu hướng bị cây gậy phép chỉ thiên cuốn hút. Nhưng phép thuật thực sự lại nằm ở ngón tay chỉ địa. Cái danh tự “The Magician” là nhờ khả năng sáng tạo của ngài. Hình ảnh của ngài không chỉ bắt nguồn từ thầy phù thủy chuyên lừa đảo mà còn từ anh hùng chân chính đầu tiên xuất hiện. Trong thần thoại Hy Lạp anh hùng “chuẩn men” đầu tiên này hẳn là **Prometheus**, titan đã đem ngọn lửa từ thiên đường xuống cho con người yếu đuối và tối tăm (*trong phần thần thoại Hy Lạp có đó nha các bạn bấm sang để đọc*).

Ở phương Tây chúng ta có xu hướng coi phù thủy như những kẻ giết giây thao túng. Họ học những công nghệ bí mật hoặc câu kết thoả thuận với **Satan** để nâng cao sức mạnh của họ. Hình ảnh bị “chế biến” này một phần đến từ chính bản thân những Pháp sư, vì họ hay có trò vẽ bùa viết chú để đi tìm kho báu bị chôn giấu; nhưng đồng thời cũng từ các **Nhà Thờ Giáo Hội** – tổ chức coi những Pháp Sư có mối liên hệ trực tiếp với linh hồn thay vì đi qua kênh dẫn giáo giới “có bản quyền” là đối thủ cạnh tranh – mà ra. **Tarot** và khoa học huyền bí đều thuộc phạm vi “*cách mạng ý thức*”, vì chúng dạy về sự cứu rỗi một cách trực tiếp, trong cuộc sống hiện thực và nhờ chính con người.

*(Đơn giản mà nói, ngày trước con người muốn được “cứu rỗi” thì đến nhà thờ nhờ cha xứ lên đồng, bây giờ thì dùng Tarot và Khoa Học thần Bí tự cứu rỗi mình).*

Ngoài ra nếu chiếu theo hình tượng các **Shaman** (nghĩ bằng nửa than dưới ở bài giới thiệu ấy), hay những dục sư, thì lại thêm vài quan niệm khác về “**The Magician**”. Vì không một nhà thờ Giáo hội có phân cấp nào đặt lệnh trực xuất các shaman nên họ không bị cộng đồng “tẩy chay”. Họ phục vụ dưới danh nghĩa hộ sĩ, thầy giáo, và người dẫn đường các linh hồn sau khi chết. Như các Pháp sư, các **Shaman** cũng học những “công nghệ” phức tạp rồi mù. “*Từ điển ma thuật*” của họ thường lớn và thập cẩm hơn của những người bình thường. Vấn đề ở chỗ, các **Shaman** không bị cách ly bởi họ không tập trung

phát triển cho riêng cá nhân. Đúng hơn, các Shaman chỉ tìm cách thành “kênh vô tuyến không dây” hiệu quả – làm sao để chính họ không bị “quá tải dữ liệu” dẫn đến “đứt cáp giữa đường”, và để phục vụ cộng đồng tốt hơn. Các **Shaman** biết về trạng thái khoái cảm dạt dào khi năng lượng “lên đỉnh” và họ muốn đảm bảo rằng nguồn năng lượng đó không phá huỷ họ và khiến họ thành người vô dụng.

Giống các phù thủy, những **Shaman** bồi dưỡng ý chí bản thân đến điểm có thể chi phối ngọn lửa tràn vào cơ thể và tinh thần. Đồng thời họ cũng phải duy trì sự cởi mở, để cái tôi cá nhân hoà vào sự cuồng nhiệt của tinh thần. Đại khái là có thể tưởng tượng như trong mấy truyện manga là mấy ông thầy pháp đứng trong kết giới hay vòng phép thuật để yêu ma quỷ quái không đụng được đến lòng tư của họ ấy.

Chúng ta có thể ăn hôi cung cách của các **Shaman** đối với **Tarot**. Chúng ta ngâm cứu những lá bài, gặm nhấm đồng ngôn ngữ biểu tượng kì dị và tìm cách tiêu hoá những công thức đặc biệt – tất cả chỉ nhằm việc điều khiển dẫn dắt cảm xúc dâng trào trong ruột gan phề phổi chúng ta như thể các tế bào máu đang đua công thức 1. Nhưng chúng ta cũng tuyệt không được quên rằng ma thuật thật sự nằm trong chính hình ảnh của lá bài, chứ không phải trong những lời diễn giải.

Ý nghĩa bói toán của “**The Magician**” nằm ở cả 2 tay – tay thu linh và tay định giải. Lá 1 mang bao trùm toàn bộ sức mạnh ý thức trong cuộc sống con người, tinh thần và những cảm xúc hứng thú chiếm đoạt con người. Điều này cũng có nghĩa, sức mạnh của người khác ảnh hưởng thế nào đến bạn phụ thuộc vào vị thế và cách phản ứng của bạn. (Kiểu, nói “Tôi muốn thành giám đốc” với người thường thì là điên nhưng với 1 người điên thì là “có chí tiến thủ” ấy). Giống như “**The Fool**”, lá “**The Magician**” cũng đề cập đến khởi đầu – nhưng “**The Magician**” là bước thực đầu tiên (“**The Fool**” lên sàn và “**The Magician**” bắt đầu diễn). Nó mang 2 nghĩa: nghĩa đầu là nguồn cảm hứng để bắt đầu 1 dự án mới, 1 trang mới cuộc đời; nghĩa tiếp là sự hứng khởi “lên cơn” sau khi đã đạt được thành tựu gì đó hoặc đã hoàn thành điều gì đó. Với nhiều người “**The Magician**” là một biểu tượng mang tính cá nhân, mang tính độc tôn và sức mạnh sáng tạo trong cuộc đời họ.

Tiếp đó, ngài Pháp Sư còn mang nghĩa là sức mạnh sẵn sàng – thứ sẵn sàng hướng đến thẳng mục tiêu. Nó cũng mang nghĩa “sức mạnh vĩ đại”, vì tất

cả năng lượng của bạn được dẫn theo 1 hướng chủ đích – những người biết họ muốn gì trong cuộc sống thường tập trung sức mạnh lí trí vào để đạt được điều đó nhiều hơn. **“The Magician”** dạy chúng ta rằng cả sự sẵn sàng và thành công đều bắt nguồn từ *“không có kẻ ngu chỉ có kẻ không biết mình khôn”*. Hầu hết con người hiếm khi nhắc mông lên và hành động cho ra hồn; thay vào đó, họ thụ động trước những trải nghiệm, và không sớm thì muộn cũng bị đòi quật cho bầm dập. Muốn đến nơi cần đến phải sẵn sàng hành động dựa trên điểm mạnh cá nhân.

**“The Magician”** ngược có nghĩa theo một cách giới đánh nào đó dòng chảy năng lượng đã bị phân tán hoặc bị ngăn cản. Nó đồng thời cũng là sự yếu đuối, thiếu sẵn sàng hoặc sự bối rối mất phương hướng dẫn đến làm gì cũng vô dụng. Năng lượng thì vẫn ở đó nhưng chúng ta làm gì cũng không với được đến nó. Lá “trồng chuối” còn có thể mang nghĩa sự tuyệt vọng hoặc đình trệ.

Lá Pháp sư ngược đôi lúc còn mang nghĩa lạm dụng sức mạnh – một người đã cường bức người khác. Ví dụ rõ nhất về trường hợp này là “ma thuật” (*từa tựa như mấy cái bùa yêu mấy nàng bi kịch ếm lên chàng trai họ thích ấy*).

Cuối cùng, lá **“The Magician”** ngược còn chỉ sự bất an tinh thần, ảo giác ảo tưởng, nỗi sợ và đặc biệt là điên cuồng. Mấy thứ cảm xúc “bạo lực” kiểu này hay xuất hiện ở những người nhận được nguồn lửa năng lượng tinh thần nhưng không biết cách “thải” nó ra thực tế như nào. Đại khái là khi buồn nôn mà không phun ra thì cái chất nhầy sẽ tắc trong bụng và gây dăm bảy loại khó chịu khác. Bất cứ ai từng trải qua khoảng khắc hoảng loạn điên cuồng sẽ biết cảm giác tâm trí bấn loạn ảnh hưởng trực tiếp đến cơ thể – cơ thể trở nên mất kiểm soát và hoang dại. Từ “hoảng loạn” đến từ nghĩa “bị thần Pan chiếm giữ” – vị dương thần đang điếm đại diện cho sức mạnh ma quái.

Nghĩ về cột thu lôi lần nữa coi. Nó không chỉ hút sét mà còn truyền sét vào long đất. Không có đường truyền xuống mẹ đất đó, tia sét sẽ đốt trụ ngôi nhà.

Vài tác gia từng ngâm cứu mối “quan hệ thân mật” giữa chủ nghĩa **Shaman** và cái mà dân Tây gọi là **“Tâm thần phân liệt”**. **Shaman** thường được tìm thấy hơn là được chọn lựa. Bình thường nếu một thanh niên nào đó đột nhiên trải nghiệm những ảo ảnh bất thường mà không biết phải xử lý thế nào, thì anh ta sẽ tìm cách dùng chúng bằng thuốc hoặc tự kiểm soát. Trong một vài nền văn hoá khác, anh ta sẽ được huấn luyện.

Đây không phải có ý nói rằng cơn điên loạn không tồn tại hay không được nhận thức trong văn hoá cổ. Nói đúng hơn, sự huấn luyện đó nhằm ngăn chặn sự điên loạn bằng cách hướng những trải nghiệm theo đường hữu ích.

Những nghiên cứu thông qua “phỏng vấn” những Shaman “có chứng nhận bản quyền” và qua những công nghệ tâm lý (kiểu như ăn chay hay tự ngược = w =) nhằm tìm hiểu cơ cấu của những trải nghiệm tiên tri bói toán đối với cuộc sống xã hội. **“The Magician”** ngược không nên bị tẩy chay cách ly; ngược lại, chúng ta phải tìm cách để xoay nó lại.

**Chốt:** “The Magician” – số 1 – âm “BETH” trong bảng chữ cái Hebrew (B.V trong bảng Latinh) – hành tinh Mercury (sao Thủy – truyền đạt thông tin) – Ngày đại diện: Thứ 4 – Từ khoá: Hành động, Ý thức, Quyền lực, Tập trung.

*Lá Bài The High Priestess*

**Bill Butler** trong *“The Definitive Tarot”* có bài luận giải xuôi tai nhất về lịch sử của hình mẫu **“The High Priestess”**. Suốt thời Trung Cổ từng thịnh hành một câu chuyện về một người phụ nữ được bầu là Giáo Hoàng. Sau bao nhiêu năm giả nam, “nàng” **Giáo Hoàng Joan** này đã leo lên bị trí “đỉnh của đỉnh” trong hệ thống cấp bậc của Giáo hội, rồi dùng một cái bị Diêm Vương “hỏi thăm” khi sinh một đứa trẻ trong lễ **Phục Sinh**.

**Giáo Hoàng Joan** gần như là một huyền thoại; nhưng những nữ **Giáo Hoàng Visconti** thì lại có thật. Giữa cuối thế kỉ 15, một nhóm hội của Ý tên **“Guglielmites”** tin rằng người sáng lập của họ – **Guglielma từ Bohemia**, ngỏm từ 1281 – sẽ đội mồ sống dậy vào năm 1300 để bắt đầu **Kỉ Nguyên Mới** cho phép giới nữ làm Giáo Hoàng (*đại khái là theo chủ nghĩa mẫu hệ ấy mà*). Và họ đã tiên phong bằng cách bầu ra một người đàn bà là **Manfreda Visconti** là Nữ Giáo Hoàng chuôt bạch thử nghiệm đầu tiên. Nhà Thờ kiên quyết vùi dập tư tưởng phụ nữ lên ngôi bằng việc thui Sơ **Manfreda** vào đúng năm 1300 – năm được mong đợi là sẽ bắt đầu **Kỉ Nguyên Mới**. Vài trăm năm sau cũng chính cái họ **Visconti** đó đã pr bộ **Tarot** đầu tiên. Lọt giữa những lá chính vô số vô tên tòi ra một lá có hình một người đàn bà, mà về sau đã mang tự **“The Papess”** (Mẹ Xứ, Nữ Giáo Hoàng, tùy bạn chọn).

Cái tên này tồn tại cho đến thế kỉ 18 khi **Court từ Gebelin** tin rằng **Tarot** được “nhập khẩu” từ một tôn giáo thờ cúng thần Isis của người Ai Cập cổ và đổi tên **“The Papess”** thành **“The High Priestess”** (Nữ Tư Tế). Ngày

nay thì các tác giả thích chêm sang tên nào cũng được (kể cả “Isis Che Mạng”), và trong hình tượng của **Waite** thì quần áo Nữ Tư tế đu theo “phong cách” của **Nữ Tư Tế Isis**, đặc biệt là vương miện 3 kì trắng.

Bên trái là nữ thần Isis đang chỉ dẫn cho nữ hoàng Nefertiti (đầu đội vương miện 3 kì trắng, giống “**The High Priestess**” chưa?). Bên cạnh là lá “**Isis**” trong Tarot Ai Cập thay cho lá “**Nữ tư tế**”.

Huyền thoại **Giáo Hoàng Joan** và **Manfreda Visconti** không chỉ đơn thuần là “chuyện lạ có thật” mang tính lịch sử. Chúng vẽ nên viễn tượng khôi phục một xã hội mẫu hệ đề cao vai trò phái nữ và tính nữ (*như tộc Amazon sexy chẳng hạn*) trong tín ngưỡng và vũ trụ thời kì **Trung Cổ**. Những hình tượng và quan niệm này cũng trực tiếp tuyên cáo giáp lá cà với vai trò được của các quý-ông được là nghiễm nhiên đã thống trị **Giáo Hội** và đạo **Do Thái** hàng thế kỉ. Kết quả, người bình thường coi tôn giáo của linh mục và giáo sĩ như “thuyết trên trời chỉ để làm cảnh”, khó nhằn khô khan – vì chúng chỉ chăm chăm vào tội ác, sự phán xét hay sự trừng phạt. Con người thêm khát lòng khoan dung và tình yêu – những điều hay đi cùng tính nữ. Như cánh chim của bà mẹ che chở cho đứa con khỏi sự nghiêm khắc của ông bố, một “thánh nữ” can thiệp biện hộ cho những tội lỗi có thể thông cảm của đám con chiên trước sự phán xét cứng như đá của Cha (*Father, vừa là cha, vừa là cách gọi linh mục Giáo Xứ*).

Khá thú vị khi nhận ra theo nhiều cách **Nhà Thờ** coi **Christ - Chúa Con** – trong vai trò ban phát tình yêu và lòng nhân từ này. Vấn đề ở chỗ con người ta khoái đàn bà cơ :v. Ngay cả ý tưởng tạo ra “**Giáo Hội Mẫu Hệ**” cũng chẳng xi nhê. Cuối cùng Giáo hội đành phải thêm mắm dặm muối lảng xê cho hình tượng của **Đức Mẹ Đồng Trinh Mary** đến khi độ “lỗi tiếng” xấp xỉ **Chúa Christ**.

Nhiều tác gia và nghiên cứu gia tin rằng phiên bản váy xống quần áo được “nâng cấp hoá” của Mary – cũng như những bộ áo chùng lườm xườm của tu sĩ – bắt nguồn từ khao khát muốn đồng hoá với những vị nữ thần xa lắc xa lơ từ thời **Thiên Chúa** chưa giáng sinh của **Giáo Hội**. Nếu điều này có căn cứ thì nó chỉ ra: không phải chủ nghĩa bảo tồn văn hoá có hiệu quả, mà là bản thân hình tượng tính nữ tự nó có sức mạnh riêng để duy trì và không bị vùi dập.

Trong đạo **Do Thái**, tín ngưỡng được “*đăng kí độc quyền*” của mấy bố tu sĩ làm ăn hiệu quả hơn, trấn áp được “*cách mạng đòi nổi dậy*” của nữ quyền.



Cũng vì thế mà giáo dân đâm bỏ đầu vào tròng si trong sân lĩnh vực khác: **Huyền Thoại Qabalah**. Những nhà **Qabalah** “mượn” cụm từ “**Shekinah**” từ dân Do Thái – từ “**Shekinah**” có nghĩa Tuyên Ngôn Của Chúa trong thế giới thực – rồi “phẫu thuật” nó thành một phần bản ngã của Chúa, hay phần nữ tính. Mấy ông **Qabalah** cũng nhào nặn ra Adam với nguyên thể bất nam bất nữ nửa nạc nửa mỡ. Sự phân tách của Eve ra khỏi Adam, hay thậm chí là sự “li dị không chính thức” của **Shekinah** khỏi Chúa, trở thành kết quả của **Sự Sa Ngã**; sự vắng vẻ những bóng hồng nhan trong tôn giáo chính thống gần như đã thành tội lỗi chứ không phải trinh bạch.

Chúng ta đã thấy được phẩm chất nhân từ của người mẹ trong hình tượng tính nữ thần thoại. Tuy nhiên trong huyền thoại các vị nữ thần nói chung đều ẩn núp trốn tìm trong bóng tối, thể hiện mặt đen tối bị che giấu. Đàn bà vốn phức tạp, mặt nọ mặt kia oánh nhau loạn xạ không thể chỉ 1 lá mà vẽ nên hết. Cái khó ló cái khôn – bộ **Tarot** chia hai hình mẫu của đàn bà ra 2 lá Ẩn chính, và gán tính khoan dung nhân từ cho lá thứ 2 (lá Ẩn Chính thứ 3), “**The Empress**”. “**The High Priestess**” tự thân thể hiện mặt thâm nho sâu xa của phái nữ – là mặt tối, bí ẩn bị che giấu của đàn bà.

Nàng là nhị nguyên nhất thể – sự kết hợp trinh bạch của **Mary Đồng Trinh** và mặt con gái tinh khiết trong trắng của **Shekinah** (nguyên được dựng làm hình tượng cho người mẹ, người vợ, đứa con gái).

Những đức tính này vốn do phái nam gán cho phái nữ. Những nhà **Qabalah** học, những nhà thần học và những họa gia thiết kế **Tarot** đều buồn ơi là sầu cho sự tách biệt giữa đàn ông và đàn bà, rồi đi truyền bá rằng sự thống nhất là cái đích chính nhất. Lá “**The World**” đại diện cho hi vọng này. Bét ra họ đã qua mặt được những tôn giáo chính thống thậm chí còn từng tranh cãi xem phụ nữ có... linh hồn hay không. Với đàn ông, phụ nữ lúc nào cũng bí ẩn, kì quặc, và an toàn trong vai trò làm mẹ, đầy tình thương và nhân ái. Trong mắt đàn ông, phụ nữ bị xếp vào hàng....người ngoài hành tinh – suy nghĩ thì rối rắm và phi lý trí. Hiện giờ vẫn đầy rẫy những bộ phim tiểu thuyết trong đó đám đàn ông đơn giản bị những người phụ nữ tâm cơ quay như châu chấu.

Sự thật là chu kì....kinh nguyệt dài như kì trăng đã kết nối phụ nữ với hành tinh bạc kì bí đó. Tự bản thân kinh nguyệt– chảy máu dài dài từ cơ quan sinh dục mà không ảnh hưởng đến mạng sống – đã khiến đàn ông sợ mất dép

hàng thế kỉ. Thậm chí ngay cả bây giờ mấy cha Do Thái mê tín vẫn tin một giọt máu kinh nguyệt có thể giết....1 cái cây. Tiếp đó, nỗi sợ về khả năng sinh sản của đàn bà càng khiến đám đàn ông (chui từ chính bụng đàn bà mà ra đấy) coi phụ nữ thuộc về bóng tối. Bào thai lớn lên và linh hồn nhập vào bào thai đó trong tử cung tối tăm ẩm ướt. Tính mẫu nối phụ nữ với đất đai trù phú, cũng chính là nơi bóng tối ngự trị. Hạt giống nằm trong đất xuyên mùa đông buốt giá, vươn lên thành thực phẩm dưới ánh mặt trời ấm áp – điều mà nhiều nền văn hoá định là tính nam.

Giống như mặt trời chiếu thẳng vào mặt đất, đàn đông cũng “đâm thẳng, xuyên thủng, rẽ lung tung” trong cơ thể đàn bà và để lại “hạt giống” trong tử cung người đàn bà. Chúng ta có thể dễ dàng thấy đàn ông tự nhận thể chủ động và coi đàn bà thuộc loài bị động và thần bí. Thường thì con người gán mác tiêu cực và yếu xìu cho sự thụ động. Nhưng sự thụ động cũng có mặt mạnh riêng của nó. Nó cho não có cơ hội làm việc. Mấy người chỉ làm mà không nghĩ là “hữu dũng vô mưu” – họ thường không nhận ra bài học từ hành động của chính họ. Sâu xa hơn, sự thụ động bồi dưỡng siêu tâm. Chỉ khi né được những ảnh hưởng bên ngoài chúng ta mới có thể nghe thấy tiếng nói của các thể loại sức mạnh tâm linh tự nhiên bên trong. Nhiều người để tránh nghe thấy tiếng nói này đã lao đầu vào hành động. Xã hội của chúng ta dựa hoàn toàn vào những thành tựu bên ngoài, khiến việc bồi dưỡng tâm thức trở nên ngớ ngẩn ngu ngốc; thế nhưng nếu không có sự thông tuệ đó, chúng ta sẽ không bao giờ lĩnh hội được đầy đủ tri thức về bản thân hay về thế giới.

**“The High Priestess”** đại diện cho những phẩm chất: bóng tối, bí ẩn, năng lượng tâm linh, sức mạnh của mặt trăng khuấy động tâm thức, sự thụ động và sự thông thái từ bên trong. Sự thông thái này không thể diễn tả bằng ngôn ngữ của lý trí; cố gắng diễn giải nó chỉ khiến nó bị giới hạn, nông cạn và méo mó đi thôi. Hầu hết con người vào một ngày đẹp trời giời đánh thánh đập nào đó đột nhiên cảm thấy họ hiểu ra cái gì đó từ sâu sâu bên trong mà không tài nào giải thích được. Thần thoại đóng vai trò như phép ẩn dụ cho những cảm xúc tâm linh sâu xa; nhưng tự thân thần thoại, giống như những bài nghiên cứu của những nhà tâm linh học và nhân loại học chém ra, đều chỉ là biểu tượng. **“The High Priestess”** có nghĩa sự thông tuệ thẳm sâu bên trong.

Nàng ngồi giữa 2 cây cột lấy nguyên gốc từ đền thờ **Isis** và đền thờ Hebrew cổ đại ở **Jerusalem**, nơi Chúa đăng ký tạm trú ở nhân gian, hay nói cách khác, nhà của **Shekinah**. Tấm màn treo lủng lẳng giữa hai cây cột ý nói

chúng ta bị “cắm cửa” khỏi thế giới thông tuệ. Hình ảnh đèn thờ phủ màn treo rườm rà hoặc chốn linh thiêng xuất hiện trong rất nhiều tôn giáo. **Shekinah** được cho là ẩn mình ẩn nấp ở đâu trong rương chứa pháp điển đằng sau tấm màn treo trong đền chùa.

Giờ đa số cho rằng chúng ta bị cấm không được vượt qua 2 cây cột của **“The High Priestess”**. Nhòm vào phía sau tấm màn tức là sẽ nhận thức được trí tuệ vô thức. Đó cũng chính là điểm cuối toàn bộ hành trình của bộ **Đại Bí Mật**. Săm soi thật kỹ hình ảnh của Smith. Bạn có thể thấy thứ lấp ló đằng sau tấm rèm – Nước. Không phải một cái đèn to tổ bố hay mô biểu tượng hầm bà lằng, chỉ đơn giản là bể **Nước**, một đường chân trời, và bầu trời. Bể nước ngầm hiểu là sự vô thức và sự thật ẩn giấu. Nước là sự vô cảm, là bí mật trong tâm bóng tối, ẩn thân bên dưới bề mặt phẳng lặng. Đối với chúng ta, hầu hết thời gian tâm thức loạn như cào cào châu chấu vẩn trốn sau lưng ý thức tĩnh lặng kiềm chế. Chúng ta không thể đột kích vào đền thờ trí tuệ thiêng liêng bởi chúng ta tự thân không biết chiến thuật; vì vậy chúng ta phải lê lết qua đủ tất cả những lá bộ **Thiên Định** cho đến khi với đến gót chân **“The Star”** và **“The Moon”**, điểm mà chúng ta cuối cùng cũng có thể khuấy động đến **“Nước”** và tìm về đến cội nguồn trí thức sáng rõ dưới **“The Sun”**.

Đền thờ giới thiệu 2 cây cột – đại diện cho sự đối lập và đối tính. Hình ảnh cặp cột này xuất hiện lại rất nhiều lần trong những lá Thiên Định, ở những nơi lộ liễu một cách hiển nhiên như trong nhà thờ của lá **“the Hierophant”**, hay 2 ngọn tháp trong **“The Moon”** (là cách nhìn khác của đôi cột trong **“The High Priestess”**), nhưng cũng có thể theo cách đánh đố người ta hơn, kiểu như cặp nhân sư trong **“The Chariot”**, hoặc người đàn ông người đàn bà trong **“The Lovers”**. Cuối cùng, lá **“The Judgement”** với hình ảnh đưa trẻ trời lên từ mộ giữa một người đàn ông và một người đàn bà, và lá **“the World”** tay ôm hồ 2 cây gậy phép, đặt dấu chấm hết cho “nhị thân” và trở thành “nhất thể” – kết hợp cả cái thần bí bên trong và cái nhận thức bên ngoài.

Chữ **“B”** và **“J”** là viết tắt cho **“BOAZ”** và **“JAKIN”**, hai cái tên của cặp cột trong đền chùa ở Jerusalem. Không phải nói cũng biết cột đen **BOAZ** đại diện cho sự thụ động và bí ẩn trong khi cột trắng **JAKIN** đại diện cho chủ động và ý thức. Nhưng chú ý tí nữa thì lại thấy màu của **BOAZ** và **JAKIN** lại ngược – B trắng J lại đen. Giống như những dấu chấm trong hệ thống biểu tượng Âm-Dương, nó chỉ ra rằng sự phân cực chỉ là tương đối, trong cái này có cái kia.

“**Mẹ xú**” ôm trong lòng một cuộn giấy ghi chữ “**TORA**”. Đây là cái tên ngụ ý chỉ bộ luật Do Thái, **Ngũ thư của Moses**, mà trong tiếng anh đọc là “**Torah**” (kinh Torah ấy). Cách phát âm đặc biệt này cho phép đảo thành từ “**Taro**”. Như những vấn đề gốc rễ của phái thiền Qabalah (*kiểu kiểu như tích Chúa bị đóng đinh câu rút trong Thiên Chúa Giáo ấy*), kinh Torah mang ý nghĩa đặc biệt bí hiểm. Những nhà **Qabalah** học tin rằng kinh **Torah** đọc vào sáng thứ bảy trong giáo đường Do Thái chỉ là loại kinh thư đại diện, là “cái bóng” được những ghi chép lại bởi cách nhìn người trần trong hang động dựa trên “**Torah**” IDEA ngoài hang (*đọc thêm Thuyết Hang Động của Platon nha, thú vị lắm;*)), nơi Chúa xuất hiện trước cả vũ trụ, và nó mang trong mình tất cả những gì chân thực nguyên bản nhất. “**Mẹ xú**” ôm Tora bị cuộn và một phần ẩn dưới cánh tay áo có nghĩa những tri thức cao xa khó hiểu đó vượt khỏi tầm học thức “lùn” của con người hoá ra lại khá gần gũi. Chúng ta có thể mô tả nó như sự thực tâm linh hiện hữu nhưng chỉ là phiên bản móp méo của thần thoại và mơ tưởng.

Các chương trước chúng ta nói đến “**The Fool**” xuất hiện ở những thời khắc quyết định “ngàn vàng” và thúc đẩy chúng ta tiến tới. Khoảng cách giữa “**The High Priestess**” và “**The Empress**” chỉ là 1 sợi chỉ mỏng manh. Chúng ta có thể dễ dàng “trồng cây si” bởi bóng tối lạnh lẽo của lá Ẩn chính thứ hai, kể cả nếu chúng ta chẳng bao giờ mó được đến gấu váy của “**The High Priestess**”. Con người khi muốn lao đầu vào tâm linh học các kiểu thường khoái....ảo tưởng về nó hơn là trải qua quá trình học tập rèn luyện vốn khó nhọc nhưng cần thiết để tiến bộ. Nhiều người bình thường không nghĩ đến tâm linh này nọ thì hay thấy cuộc sống bi kịch, nặng nề, vân vân mây mây.... quá khó khăn để hoà đồng. “**The High Priestess**” hữu dụng nhất là khi con người dùng cái thụ động của nàng để cân bằng với cái thái độ trưng ra cho thiên hạ chỉ trở của “**the Magician**”, nhưng nhiều người lại cho rằng mặt thụ động mới thực sự quyến rũ. Họ cho rằng sự thụ động này là một câu trả lời cho sự đấu tranh, một cách rút lui trong êm thấm hay vì phải chịu đựng sự phê phán của người đời khi hoàn toàn thể hiện bản thân.

Vấn đề ở chỗ đầu óc con người không làm việc cái kiểu đó. Nó đòi hỏi đam mê và sự kết nối với thế giới. Nếu chúng ta không thể làm đà điểu trốn sau tấm màn thông thái của đền thờ, trốn tránh khỏi thế giới là vô nghĩa. Ai mà cứ cố sống thụ động sẽ nhanh chóng trầm cảm, và ngày càng bị tắc tịt trong vòng tuần hoàn nhạt nhẽo, sợ hãi và lạnh lẽo.

Hầu như tất cả các nữ thần mặt trăng trong các thể loại tôn giáo đều khá hung dữ đanh đá. **Ovid** từng kể một câu chuyện về **Actaeon**, một thợ săn trẻ tuổi – đại diện hoàn hảo của thế giới hành động. Một ngày giời đánh thánh đêm nào đó, chàng ta đi săn và ngẫu nhiên thấy một dòng suối đẹp, và quyết định men theo nó đến đầu nguồn (lại nữa, nước là biểu tượng của vô thức). Chàng tách khỏi bạn đồng hành và đám chó săn, và khi đến được nguồn dòng suối, thoát khỏi thế giới “hành động”, chàng ta thấy một đám tiên. Giữa họ, khoả thân và hoàn toàn trinh trắng là nữ thần ghét trai **Diana** (*xem các sự tích về Diana nha, bà này mê gái chứ hổng mê trai*). Giờ thì, nếu **Actaeon** ngay lập tức đánh bài chuẩn về thế giới bên ngoài có khi chàng ta vẫn còn sống nhăn răng. Nhưng thay vào đó, chàng ta để sắc đẹp của **Diana** đánh gục; chàng ta nán lại quá lâu, và vị nữ thần nổi tiếng ghét đàn ông đó đã phát hiện ra Actaeon đang xem phim nóng của mình (hãy so sánh lớp áo diêm dúa của “**The High Priestess**” với màn khoả thân nóng bỏng của “**The Star**”), đã biến **Actaeon** thành một con hươu. Khi **Actaeon** chạy trốn, đám chó săn của chính chàng đã cắn xé chàng thành từng miếng.

Đến đây “**The Fool**” lại mò vào (*và đừng quên con cờ hó của chàng Ngốc đang nhún nhảy cạnh chàng ta*), nhắc nhở chúng ta vừa nhảy vừa né khỏi việc bị 2 thế giới này huyễn hoặc cho đến khi chúng ta hoàn toàn sẵn sàng thuần hoá chúng.

Ý nghĩa tiên đoán của “**The High Priestess**” đầu tiên phải kể đến những cảm quan bí ẩn trong cuộc sống – những thứ chúng ta không biết và những thứ không thể biết. Nó chỉ ra bóng tối không chỉ là những nỗi sợ ẩn giấu trong tinh thần con người nó cũng một vẻ đẹp đặc trưng. Chui xó tọt kĩ trong một thời gian nhất định có thể bồi dưỡng cuộc sống của chúng ta, cho phép vài thứ khó kể tên bên trong chúng ta thức tỉnh.

Dưới vai trò biểu tượng của những tri thức bí mật, lá ẩn chính nay chỉ ra trực giác thấu hiểu câu trả lời khi đối mặt với một vấn đề lớn lao nếu chúng ta có thể diễn đạt câu trả lời đó một cách có ý thức. Đặc biệt hơn, lá bài có thể đề cập đến những ảo ảnh hoang tưởng và những thứ thần bí khó giải thích, như kiểu tiên tri chẳng hạn.

Mặt tích cực nhất của “**The High Priestess**” là tiềm năng trong cuộc sống – tiềm năng mạnh mẽ mà chúng ta chưa bới ra được dù có “cảm giác” có thể. Phải hành động hoặc tiềm năng sẽ tiếp tục mọc rêu trong con người.

Ngoại trừ trí tuệ sâu thẳm, lá bài đôi lúc còn mang ý nghĩa tiêu cực. Như đa số các lá **Thiên Định**, giá trị của **“Mẹ xứ”** phụ thuộc vào nội dung các lá rêu ria khác. Mặt tiêu cực thì lá này chỉ ra sự bị động nhằm thời điểm hoặc trong thời gian quá dài, dẫn đến nhu nhược, sợ hãi với con người và cuộc sống. Nó cũng gọi đến những người có trực giác mạnh mẽ nhưng không biết cách biến chúng thành hành động. Nhưng dù tốt hay xấu thì lá bài này phụ thuộc đa phần vào cá lá đi kèm hoặc trực giác người đọc bài. Thường thì lá này rất ba phải, nghĩa nào cũng có – con người lăm mắt mà.

**“The High Priestess”** là một hình tượng chân nguyên, một bức hình mang mặt nghĩa đơn lẻ của sự tồn tại. Khi đảo ngược nó chúng ta sẽ đem lại những phẩm chất thất lạc. **“Mẹ xứ”** trông chuỗi có nghĩa hướng đến một niềm đam mê, sự dính dáng sâu sắc với cuộc sống và con người trong mọi mặt: tình cảm, tính dục và đấu tranh. Tuy nhiên, con lắc có thể bật quá mạnh, và lá ngược sẽ thành biểu tượng của sự mất mát tri thức quý giá: sự cảm nhận bản ngã bên trong.

**Chốt:** **“The High Priestess”** – số 2 – âm GIMEL trong bang chữ cái Hebrew – Ứng với Mặt Trăng – Ngày đại diện: thứ 2 – Từ khoá: Không hành động, Tiềm năng, Bí ẩn, Vô thức.

## **Chương 4: Chuỗi vật chất trong Tarot**

### *Bộ Ẩn Chính và Sự Phát Triển Cá Nhân*

Bộ 7 lá đầu của bộ Đại Bí Mật lèo lái chúng ta trên hành trình trưởng thành: đi từ giai đoạn trẻ thơ được cha mẹ thương yêu bảo bọc, rồi thông qua giáo dục để trở thành một cá nhân độc lập. Bên cạnh đó, những lá này đồng thời dây mơ rễ má đến một sự phát triển rộng hơn, mà so với nó sự phát triển cá nhân chỉ bằng con vi trùng tí tẹo. Chúng mô tả sự tạo lập xã hội loài người, bên ngoài những hình mẫu chân nguyên từng tồn tại và năng lượng hỗn độn của tự nhiên.

Khi thiết lập tiêu chuẩn mẫu cho 1 bộ bài, **“The Magician”** và **“The High Priestess”** có vai trò rất sang chảnh trong dòng 7 lá đầu tiên. Sự tác động lẫn nhau giữa các mặt đối lập là nhịp điệu cơ bản nhất của thế giới vật chất. Không cái gì tồn tại độc lập một cách nghiêm nhiên. Như Ursula Le Guin từng phán: **“Ánh sáng là cánh tay trái của bóng tối và bóng tối là cánh tay phải của ánh sáng.”** Khi áp dụng lí thuyết “trong này có nọ” trên vào **“The**

Empress”, chúng ta có thể thấy các mặt đối lập giao thông kết hợp với nhau một cách hiển nhiên để tạo ra thực thể trong vũ trụ.

Ba lá bài giữa dòng là một “bộ 3 quyền lực”. Chúng đại diện cho Tự Nhiên, Xã Hội, và Giáo Hội. Chúng cũng tượng trưng cho ba, mẹ và giáo dục. Theo truyền thống Ai Cập cổ thì vị thần đứng đầu thường được xem như “bộ tam hoàn vũ”. Bộ tam này thay đổi theo không gian và thời gian, thường được gán là 1 nữ 2 nam – trong đó người phụ nữ đóng vai trò tối thượng. (*Thần thoại nhiều nước đi theo hướng này lắm, ngay cả Việt Nam cũng có một thần thoại tựa tựa là “2 ông 1 bà đầu rau” ấy, tuy không mary sue bằng thôi*). Trong Tarot, tự nhiên biểu tượng bởi lá “The Empress”, là thực tế nền tảng, trong khi đó hai đại thần hộ tống bà (The Emperor và The Hierophant) là biểu tượng thiết chế con người.

Hai lá bát bửu đại diện cho những vấn đề của mỗi cá nhân: tình yêu, đau khổ, đầu hàng và ý chí. Con người ai cũng tự nhiên có một “ngày đẹp trời” nào đó buộc phải học cách phân tách bản thân với thế giới bên ngoài. Trước thời điểm “huy hoàng” đó, nhân cách vẫn chỉ đại khái là tạo tác không hoàn chỉnh của cha mẹ và xã hội. Những ai không bao giờ có cú nhảy tách biệt ngoạn mục thì vĩnh viễn sẽ chỉ sống trong trạng thái nửa vùi. Với đa số, “cú nhảy” tách khỏi bố mẹ chính là sự trỗi dậy trong suy nghĩ về giới tính (nghe thì rối rắm nhưng thực ra là ám chỉ tuổi dậy thì ấy mà). Chẳng có gì tình cờ khi đám trẻ “nổi loạn” trong tư tưởng, sở thích, phong cách ăn mặc cùng với phát triển hình thể để nhắm đến sự trưởng thành.

Sự phát triển mỗi cá nhân chỉ là một phần của quá trình trưởng thành. Mỗi người phải tự biết đường mà đi tìm mục tiêu và thành tựu riêng. Cùng lúc người đó sớm muộn cũng phải đối mặt với tang thương, bệnh tật, hay đại khái là những cái tự nhiên sinh lão bệnh tử. Chỉ khi đạt đến level thấu hiểu toàn diện cuộc sống bên ngoài của con người thì chúng ta hằng mong đến việc nhìn ngược vào sự thật sâu thẳm bên trong.

### *Lá Bài The Empress*

Như đã nói ở chương trước, lá bài *The Empress* đại diện cho những khía cạnh dễ tiếp cận hơn, nhân hậu hơn của nguyên mẫu nữ. Bà là tình mẫu tử, tình yêu, sự dịu dàng. Cùng lúc, bà biểu thị cho tính dục, cảm xúc và tính làm chủ của nữ giới. Cả tính mẫu và tình dục đều bắt nguồn từ những cảm giác phi lý tính và là điều cơ bản của cuộc sống. Là những đam mê hơn là lý trí.

Lá *The High Priestess* đại diện cho mặt tinh thần của nguyên mẫu nữ; sự thấu hiểu bằng trực giác sâu thẳm của nàng. Lá *The Empress* thì thuần cảm xúc.



Giống như Người Đàn Bà Xảo Trí (*Cunning Woman*), chúng ta thấy hình ảnh nàng phản ánh trong điện ảnh và tiểu thuyết như một người nữ luôn gây chuyện, một người vừa hay thất vọng vừa nhiều ham thích, bởi vì suy nghĩ của nàng không theo phát triển lý tính. Nhiều người phụ nữ thấy hình ảnh này là một sự xúc phạm, một phần bởi vì nó đại diện cho những giá trị và cách tiếp cận bị xã hội gia trưởng của chúng ta đánh giá là tiêu cực, và một phần vì người ta thường phạm lỗi khi cho rằng đàn ông và đàn bà nên thể hiện những quan niệm nguyên mẫu này theo cá nhân. Nhưng những hình ảnh xã hội cũng đang lụn bại đi theo một cách khác. Chúng thật tầm thường. Lá *The Empress*, cùng với những hình ảnh thần thoại tương ứng như *Aphrodite*, *Ishtar* hoặc *Erzulie*, đại diện cho một cái gì đó cao quý hơn nhiều. Họ biểu thị cho sự đam mê hướng tới cuộc sống. Họ cho đi và tiếp nhận trải nghiệm với những cảm xúc không hề kiểm soát.

Cho đến khi ta học được cách trải nghiệm hoàn toàn cuộc sống bên ngoài thì ta mới có thể hi vọng vượt qua được nó. Do đó bước đầu tiên đến sự khai



sáng là cảm xúc khoái lạc. Chỉ thông qua nỗi đam mê, ta mới có thể cảm nhận, từ tận sâu bên trong chứ không phải từ những tranh luận trí óc, cái tinh thần lấp đầy mọi sự tồn tại.

Nhiều người xem tôn giáo như một sự thay thế cho thế giới tự nhiên, thế giới mà họ theo cách nào đó lại thấy không trong sạch hoặc dơ bẩn. Dù những truyền thống văn hóa của chúng ta vay mượn tính hai mặt này, đó thực sự là một ảo ảnh vô thực, và người hướng đến sự duy linh bằng cách này để trốn chạy sẽ gần như không bao giờ đạt được một sự giác ngộ. Cơ thể, và thế giới tự nhiên, là những thực thể phải được kết hợp với nhau hơn là bị chối từ.

Trong thần thoại Phật giáo ta thấy rằng các vị thần đã thao túng cha của thái tử *Siddhartha* để ông cho con trai mình, *Gautama*, mọi thỏa mãn xác thịt. Người cha tin rằng những khoái lạc sẽ ngăn con trai ông từ bỏ thế giới và trở thành một vị Phật. Ý đồ này đã phản tác dụng, vì ngay sau khi trải nghiệm hết những lạc thú thái tử đã có thể đặt chúng lại phía sau. Sau khi từ bỏ thế giới, *Gautama* đã tu khổ hạnh, một thái cực khác (đối lập với những hoan lạc – ND). Nhưng ngài chạm tới sự khai sáng chỉ khi ngài từ bỏ hai điều thái quá để đến với Trung Đạo (*Middle Way*). Vì thế, ta có thể thấy Phật trong người vũ công của lá *The World*, người nhẹ nhàng nắm giữ cả *The Magician* lẫn *The High Priestess* trong tay nàng.

Như một sự kết hợp số 1 và 2, số 3 biểu thị sự tổng hợp và dung hòa. Thế giới tự nhiên kết hợp *The Magician* và *The High Priestess* trong một thống nhất không thể chia tách của sự sống và cái chết, của bóng tối và ánh sáng. Quan niệm về cảm xúc cũng mang nguyên mẫu *The Magician* của chủ động đến với nguyên mẫu *The High Priestess* của bản năng.

Hãy đánh giá tiến trình sáng tạo mà xem. Lá *The Magician* biểu trưng cho năng lượng của cuộc sống, lá *The High Priestess* là những khả năng phát triển tương lai. Cái thực tế của lá *The Empress* là kết quả từ kết hợp của hai lá này. Gần đây, *Carl Sagan* chứng minh rằng sự sống trên trái đất bắt đầu khi một tia sét đánh xuống biển nguyên thủy. Một lần nữa ta thấy, từ tia sét của *The Magician* đánh xuống nước của *The High Priestess* đã xuất hiện thế giới tự nhiên.

Hệ thống biểu tượng trong lá *The Empress* của *Waite-Smith* phản ánh quan niệm về tự nhiên với tất cả những mạnh mẽ và vinh quang của nó. Tự thân lá *The Empress*, gợi cảm và đầy khoái lạc, cho thấy những đam mê. Tắm

khien của nàng là một trái tim với dấu hiệu của *Venus*, phiên bản La Mã của Nữ Thần Vĩ Đại (*Great Goddess*). Những nữ thần, như *Demeter*, *Astarte*, *Nut* đã cai quản khắp thế giới cổ đại cho đến khi những kẻ xâm chiếm gia trưởng giáng họ xuống làm vợ (và cuối cùng trục xuất họ hoàn toàn bằng một nam thượng đế). Ở chân *Empress* là một đồng lúa mì; nữ thần cai quản nông nghiệp, và ở Tây Bắc châu Âu thì được gọi là “Nữ thần Ngũ Cốc” (*Corn Goddess*). Bà đeo một chuỗi vòng có chín hạt trai, đại diện chín hành tinh, vương miện của bà có mười hai ngôi sao cho mười hai cung hoàng đạo. Nói ngắn gọn, bà dùng vũ trụ làm trang sức của mình. Người Mẹ Vĩ Đại (*Great Mother*) không phải là các dạng thức của tự nhiên, mà là quy luật cơ bản của cuộc sống. Những ngôi sao mang sáu cánh là một biểu tượng cổ xưa hơn nhiều so với vai trò tượng trưng cho Do Thái của nó như hiện nay. Ngôi sao sáu cánh kết hợp hai hình tam giác; một hướng lên tượng trưng cho lửa, một hướng xuống tượng trưng cho nước. Một lần nữa, lá *The Empress* kết hợp lá số 1 và 2 trong một thực thể mới.

Dòng sông biểu trưng cho sự thống nhất của thay đổi và ổn định. Nước trong dòng chảy không bao giờ là một, nhưng nó vẫn luôn luôn là dòng sông đó, với những tính chất đặc trưng của nó. Loài người thay đổi từng ngày, những tế bào của cơ thể chúng ta chết đi và những tế bào mới lại thế chỗ nhưng ta vẫn là chính ta đấy thôi.

Việc số 3 được sinh ra từ sự kết hợp của số 1 và 2 cũng mang đến một ý khác. Cũng như số 1 và 2 đặc biệt đại diện cho nam giới và nữ giới, nên số 3 thể hiện một đứa trẻ được sinh ra khi họ kết hợp với nhau. Đứa trẻ sinh ra như một sinh vật của tự nhiên, không mang gánh nặng của cái tôi và nhân cách, trải nghiệm vũ trụ một cách trực tiếp với không một kiểm soát hay định kiến nào. Chỉ khi ta lớn hơn thì ta mới học cách đặt ra những hàng rào ngăn giữa ta và cuộc đời. Một trong những mục tiêu của Tarot là mang lại cho chúng ta trạng thái tự nhiên của việc trải nghiệm trực tiếp thế giới quanh ta.

Nhưng nếu lá *Empress* biểu trưng cho đứa trẻ thì bà cũng đại diện cho người mẹ. Tình mẫu tử là cái nền cơ bản từ đó cuộc sống tiếp diễn khắp tự nhiên. Và bởi mối liên kết thể chất của người mẹ và đứa trẻ thì rất trực tiếp, tình yêu của mẹ, trong dạng thức mạnh mẽ nhất của nó, là một cảm giác thuần khiết, được trao đi mà không có một cân nhắc lý tính hay đạo đức nào. (Đây, tất nhiên, là một lý tưởng, và trong thực tế thì tình yêu như vậy có thể được trao đi từ người bố nhiều hơn người mẹ, hoặc đáng buồn hơn là, không có chút tình nào cả). Xuyên suốt lịch sử, người ta đã nhận dạng tình mẹ với tự nhiên,

thể nên cụm từ “Người Mẹ Vĩ Đại” dùng chỉ chính trái đất xuất hiện trên khắp thế giới, và ngay cả ngày nay chúng ta cũng tự động nói về Mẹ Tự Nhiên (*Mother Nature*).

Trong quẻ bài, lá *The Empress* đại diện cho khoảng thời gian đầy đam mê, một giai đoạn khi ta hướng đến cuộc sống qua những cảm giác và niềm vui hơn là những nghĩ suy. Đam mê này là tình dục hoặc tính mầu; nói cách khác đó là trải nghiệm sâu sắc và trong bối cảnh thích hợp thì lá bài có thể mang đến một sự thỏa mãn lớn. Khi sai bối cảnh, lúc phải cần đến những phân tích, lá *The Empress* có thể mang nghĩa một cách tiếp cận thuần cảm xúc ngoan cố, một lời từ chối cân nhắc sự tình. Bà cũng có thể thể hiện một vấn đề khác: niềm đam mê lạc thú khi cần phải giữ chừng mực. Tuy nhiên, thường thì bà biểu hiện cho những thỏa mãn và thậm chí là giác ngộ đạt được qua cảm xúc.

Nghĩa ngược của những lá bài cũng có bối cảnh tích cực và tiêu cực. Mặt khác nó cũng thể hiện một sự thoái lui khỏi cảm giác, cũng là sự từ bỏ cảm xúc và cố gắng kiềm chế khao khát của bạn, đặc biệt là những ham muốn tình dục. Tuy nhiên, cũng như lá *The High Priestess*, lá bài ngược thêm vào những yếu tố bị thiếu của tình huống, nên lá *The Empress* ngược có thể mang nghĩa một sự nhận thức mới đầy tri thức, đặc biệt là cách giải quyết một vài vấn đề phức tạp mang tính cảm xúc bằng cách bình tĩnh suy xét nó.

Trong dạng nghĩa xuôi và ngược, hai lá chính 2 và 3 soi vào nhau. Đôi khi điều này xảy ra khi một người bộc lộ cả những khía cạnh cảm xúc và khía cạnh tinh thần mang tính trực giác, nhưng theo một cách tiêu cực. Tính hợp lý đến như một phản ứng với những tình huống cảm xúc thừa thãi, trong khi một cảm giác cô lập hay lạnh lùng sẽ dẫn đến những đam mê. Nếu hai khía cạnh của những nữ thần này có thể được trải nghiệm theo chiều xuôi thì người đó sẽ đạt được sự một cân bằng vững vàng hơn và thỏa mãn hơn.

### *Lá Bài The Emperor*

Với mỗi đứa trẻ, cha mẹ chúng là những tấm gương, tròn méo gì thì chúng cũng cứ soi vào cha mẹ đầu tiên. Không chỉ cha mẹ, mà cả Cha và Mẹ. Các bà mẹ có công sinh thành và dưỡng dục, nên chúng ta có xu hướng coi họ như hình tượng của tình yêu và lòng khoan dung (và rất dễ buồn khi họ hành động nghiêm khắc hay lạnh lùng). Nhưng người Cha, đặc biệt cái thời định kiến giới tính còn hoành hành, là hình ảnh của sự tiết chế và nghiêm túc. Cha là người nắm giữ thẩm quyền trong nhà, là thẩm phán, người trừng phạt (và mẹ thì hay

can thiệp), là người giáo dục các con về luật lệ xã hội và yêu cầu sự phục tùng. Với đứa trẻ, người cha gắn liền với xã hội, cũng như người mẹ thì đi đôi với tự nhiên. Một trong những điều đau đớn nhất trong quá trình trưởng thành là đứa trẻ nhận ra những giới hạn rất con người của bố và mẹ (*đại khái hồi nhỏ thì tưởng bố mẹ biết tuốt, lớn lên mới biết bố mẹ cũng chỉ là người chú đầu phải siêu hơn*).

Ông bố lý tưởng và bố...

Trong đề tài nghiên cứu của Freud về phát triển tư duy, người cha có liên kết chặt chẽ với các nguyên tắc xã hội. Tâm lý của đứa trẻ đòi hỏi sự thoả mãn không ngừng, đặc biệt là đòi hỏi về thức ăn và sự nuông chiều từ mẹ (những người chạy theo học thuyết Freud phán rằng mong ước của đứa trẻ đi liền với với người mẹ trong vô thức). Can thiệp vào mối quan hệ giữa đứa trẻ và mẹ nó người cha gọi lên cảm giác thù địch từ đứa trẻ, và trong tiềm thức của đứa trẻ ngây thơ thì sự thù địch đó là khao khát muốn loại bỏ kẻ quấy rầy đó.

Sự thúc đẩy phá huỷ người cha lại không thể hiện lên trọn vẹn hay thậm chí còn không thể bị nhận ra, và theo như tâm lý học, để xả van sự ức chế, đã đồng hoá cảm xúc đó với hình tượng người cha, tạo ra một loại siêu kí như một loại chỉ dẫn mới cho bản thân (thay thế cảm xúc bản năng dễ dẫn đến khủng hoảng). Nhưng “siêu-kí” có dạng thức nào? Chính xác mà nói đó là luật lệ của xã hội, thường được tiếp nhận thông qua sự chỉ dạy của người cha.

Lá 3 và 4 của Tarot đại diện cho bố mẹ trong vai trò chuẩn mực nhất. Nhưng giống như The Empress là hiện thân của thế giới tự nhiên, thì The Emperor mang tính khái quát hơn, đó là xã hội kết hôn với tự nhiên. Ông là biểu tượng của lễ thói xã hội, cả mặt tròn lẫn méo, và sức mạnh kiềm nén trong chúng.

Thời cổ đại, khi các vị nữ thần hăng còn ngự trị, các vị vua có vai trò riêng. Cuộc sống mới chỉ có thể bắt đầu từ cái chết; thế nên, mỗi mùa đông, các ông/bà đồng đại diện cho các nữ thần lại “cúng” một cựu hoàng, từng xẻo ông ta rồi mỗi chỗ chôn một miếng để bón đất (*chế biến rồi ăn như Hannibal vui hơn a~~*). Sau đó, khi đám đàn ông “lên hương”, nhà vua lại trở thành biểu tượng của sự cai trị, trị vì những thứ được cho là hỗn loạn, đen tối và ma quỷ của trật tự cũ. Chúng ta thấy kiểu hình bi kịch (*giờ vàng*) này trong rất nhiều thần thoại; ví dụ như Marduk, anh hùng dân tộc của Babylon, đã “làm gỏi” Tiamat – mẹ thủy tổ sáng tạo – vì bà đẻ ra quái vật. Dù có coi những cách thức

cổ lỗ ngày xưa có tàn bạo và vô lý đến đâu đi chăng nữa, hay văn minh ngày nay có tiến bộ ra sao, thì The Emperor vẫn là đại diện cho sự thay thế của những khái niệm trừu tượng xã hội cho trải nghiệm trực tiếp từ tự nhiên.

Ở Rome, khái niệm của luật chống lại sự hỗn độn được duy trì ở tính ổn định, hay “luật pháp và trật tự” theo cách gọi thời hiện đại, trở thành một loại đức hạnh thay vì ý nghĩa đạo lý vốn có. Không chuyện gì có thể thực hiện trong tình trạng vô chính phủ (quản lý những tranh cãi); luật pháp tồi thì phải được thay đổi; nhưng điều kiện tiên quyết là luật pháp phải được thực thi bằng mọi giá. Bất cứ kẻ hờ nào cũng chỉ phá huỷ xã hội mà thôi. Ngày nay, chúng ta thấy cách tiếp cận này xuất hiện trong một khái niệm trừu tượng mang tên “hệ thống”. Người La Mã nhìn nhận nó cụ thể hơn thông qua hình tượng Đức Vua, người được coi như là cha của thiên hạ (*vua Tàu kiêu hơn vua Tây, xưng là con trời chứ không chỉ là cha thiên hạ*).

Sự ổn định cũng thúc đẩy sự phát triển tinh thần. Ở nhiều quốc gia, xã hội duy trì tôn giáo (*mặc dù cách sắp đặt này vẫn còn gây tranh cãi. Nhưng khá hiển nhiên là nhà thờ dùng tiền của xã hội đấy chứ?*) Ở một vài nước phương Tây, các thầy tu được phép tự do theo đuổi ngành nghiên cứu họ thích vì các giáo dân thường cúng tiền cho họ (*cụm từ “tiền chùa” sinh ra cũng có lí do của nó*). Nếu không có phong tục kiểu này thì họ đã phải nai lưng kiếm tiền bỏ bụng.

Mặt tiêu cực của The Emperor đại diện những luật lệ phi lý trong một xã hội ưu tiên sự ổn định thay vì đạo đức. Một khi luật lệ và trật tự đóng vai trò tối thượng thì một nhà lãnh đạo biến chất sẽ biến tất cả mọi thứ thành thảm họa. Nhưng nếu cả một hệ thống trở nên thối nát thì sẽ đẻ ra những lãnh đạo tồi, và rồi sự ổn định lại biến thành kẻ thù không đội trời chung với luân lý đạo đức. Giá trị biểu tượng của The Emperor phụ thuộc chặt chẽ vào không gian và thời gian. Trong một xã hội hỗn loạn, sức mạnh của Emperor chỉ là một loại rào cản ngoan cố đối với phát triển cá nhân. Rất nhiều người bị tổng cổ vào tù vì dám đứng lên chống lại những luật lệ bất công.

Ngay cả trong điều kiện tốt nhất The Emperor cũng vẫn bị giới hạn. Ông tìm cách áp đặt một mạng lưới ngay để đàn áp ngay cả sự tự phát của The Empress. Nếu chúng ta mất liên kết với đam mê thì cuộc sống sẽ trở nên lạnh lẽo và cần cỗi. Bộ Rider vẽ The Emperor già và cứng nhắc, mặc bộ đồ thép nặng trĩu, đại diện cho sự cứng nhắc của một cuộc sống bị luật lệ mài mòn.

Dòng sông dồi dào màu mỡ dưới chân The Empress trở thành một dòng suối tẻo teo, chỉ vừa đủ để duy trì cuộc sống khô cằn miền sa mạc.

Các biểu tượng khác trong lá bài thể hiện tính đa chiều. Ông cầm Ankh, biểu tượng của sự sống theo truyền thuyết Ai Cập, ý nói rằng ngoài luật pháp ông còn nắm giữ sức mạnh của sự sống và cái chết, và hy vọng sẽ dùng chúng một cách đúng đắn. Bốn con cừu đực – biểu tượng của cung Bạch Dương – khắc trên ngai vàng, đồng thời vương miện của ông cũng có biểu tượng Dương Cưu (không may thay thể hiện ý nghĩa thúc đẩy). Giờ thì, Bạch Dương là biểu tượng của sức mạnh cưỡng ép, xâm lược và chiến tranh, nhưng dưới vai trò dấu hiệu đầu tiên của cung hoàng đạo, nó mang nghĩa một mùa xuân mới, cuộc sống mới có thể được sinh ra từ sự ổn định của một xã hội công bằng.

Là lá giữa thuộc hàng đầu Bộ Ẩn Chính, The Emperor là hiện thân của thử thách mang tính quyết định. Trong quá trình trưởng thành, nhiều người sẽ thấy luật lệ của xã hội là thứ khó chinh phục nhất. Chúng ta phải tiêu hoá đồng luật lệ này, cũng như truyền thống và niềm tin chung, rồi sau đó mới có thể vượt qua chúng để tìm cách thể hiện bản lĩnh cá nhân. Điều này không có nghĩa là “luật sinh ra là để phá vỡ” à nha. Những người nào cảm thấy thèm khát phá vỡ luật lệ nhất lại chính là những người bị luật lệ trói buộc chặt chẽ nhất, cũng như những người làm theo luật lệ một cách mù quáng.

Bởi vì vai trò của người cha trong việc dạy chúng ta cách chấp nhận những hình thái xử sự trong xã hội, những người bị sa lầy trong giai đoạn của The Emperor thường là những người không thực sự chấp nhận tính cộng đồng chung của con người từ người cha. Đại khái là về mặt trí tuệ thì họ cũng biết đấy, nhưng mấy thứ luật lệ đó khiến họ bị kiềm nén và bí bức. Những vấn đề tương tự cũng dần xéo vằn vò những người bị chôn chân ở cấp độ của The Empress.

Ý tưởng gắn hình tượng The Emperor với những giá trị hạn chế trong cấu trúc xã hội được xác lập chủ yếu từ Waite và những tín đồ của ông. Bức tranh bên phải của Paul Foster Case vẽ bởi Jessie Burns Parke lại đi theo chiều hướng khác. Ở truyền thuyết này The Emperor là biểu tượng của tất cả những tri thức tinh thần. Ông được vẽ dựa trên hồ sơ hình ảnh của Qabalist về Chúa như một Thủy Tổ Sự Sống – ngồi nghiêng trên ngai vàng (mặt của Ancient bao giờ cũng khuấy một nửa, chỉ có vương miện với ánh sáng ở dưới).

Tay và chân của The Emperor tạo thành hình tam giác đều trên thánh giá – hình ảnh đại diện cho lửa trong giả kim thuật. Tạo hình này sau đó được lật lại ( trong bộ của Waite cũng như Case) trong lá The Hanged Man. Như nhắc ở trên, chân vắn chéo là dấu hiệu bí hiểm và cũng được mô tả ẩn trong lá The World. The BOTA Emperor ngồi trên một khối lập phương thì đúng hơn là ngai vàng – biểu tượng của thế giới và của chính Tarot, cũng như bảng alphabet trong tiếng Hebrew và trong các đường của Cây Đời. Các biểu tượng được tạo thành từ những tính cách của khối lập phương: mười hai cạnh, sáu mặt, ba trục đối xứng và tâm, tổng là hai mươi tư (tổng số lá bộ Ẩn Chính, số chữ cái Hebrew, và số đường của Cây Đời). Và bởi vì Cây Đời đại diện cho tất cả những sang tạo nên đại khái mà nói thì khối lập phương đại diện cho cả vũ trụ.

Trong đọc bài The Emperor ám chỉ (theo hình ảnh bộ Rider) sức mạnh của xã hội, luật lệ trong nó và đặc biệt là quyền lực chứa đựng trong những luật lệ đó. Cách thể hiện lá bài chỉ ra sự song hành với luật lệ. Tóm lại, vua tốt xấu tùy hoàn cảnh (hiếu kiều, vua hiếu chiến không tốt trong thời bình nhưng lại rất cần thiết trong thời kiến ấy).

Cá nhân hơn, The Emperor có thể là dấu hiệu báo hiệu thời gian ổn định và trật tự trong cuộc sống con người, hy vọng dẫn lối cho năng lượng sáng tạo. Lá bài này cũng có thể để chỉ một cá nhân đặc biệt nắm giữ quyền lực lớn lao về cả vấn đề và cảm xúc. Thường thì đối tượng này là người cha, nhưng cũng có thể là người chồng hoặc người tình, đặc biệt là những người coi người yêu như một bản sao thay thế người cha và chấp nhận để người đó kiểm soát cuộc sống của họ. Đôi lúc do sự kiểm soát của một Emperor mà mọi thứ trở nên đè nén và không được thoả mãn triệt để.

Như Empress ngược, Emperor ngược sẽ nhận những nguyên tố bổ sung phẩm chất ông nắm giữ ở chiều xuôi. Trong cách giải thích của Waite thì là “nhân từ và trầm ẩn” – cuộc sống mới vươn lên từ sa mạc khô cằn. Nhưng cái gì cũng có giới hạn. Emperor ngược cũng mang nghĩa chưa trưởng thành, chưa có khả năng quyết định những thứ quan trọng và kiên trì thực hiện theo những quyết định đó.

### *Lá Bài The Hierophant*

Đa số các bộ Tarot được để ra đến nay đều đặt tên lá số 5 bộ Ẩn Chính là “Cha xứ” (The Pope) hoặc “Linh mục” (The High Priest) – cụm từ liên kết nó

với lá thứ 2 (chân lý nguyên bản bên trong). Waite viết rằng ông không ưa các “Bổ xứ” vì cái danh xưng này khiến ý tưởng tổng quát của lá bài trở nên cụ thể quá đà do có một hình tượng đặc trưng. Cái tên “Hierophant” sinh ra từ những bí ẩn về các đại tư tế Hy Lạp vùng Eleusinian. Waite mô tả lá bài của ông như một biểu tượng ngoại đạo của nhà thờ và giáo lý. Nhưng cách dùng cụm từ bí hiểm này gợi nên một cách diễn đạt khác, và thường được những người coi Tarot như loại học thuyết về mấy thứ tu tập huyền bí này hơn là những hình tượng nguyên thủy cơ bản nhất của con người khoái hơn. Cách truyền đạt này được mô tả cực kì sinh động trong bộ Book of Thoth mà Frieda Harris vẽ theo ý tưởng của Aleister Crowley. Ở đây lá chính này mang nghĩa sự khởi đầu của một giáo lý bí mật, như kiểu mấy hội nhóm bí mật tẩy chay người ngoại đạo sinh sôi nảy nở những khi chuyển giao thế kỉ, và những nhóm hội đã trải qua cuộc khôi phục đức tin ở Anh và Mỹ. Hội Bình Minh Vàng là “sân chơi bí mật” của cả Waite và Crowley, và được bán tín bán nghi là nơi nghĩ ra cái tên “Hierophant” cho lá chính 5.

Hai ý nghĩa, “ngoại đạo” và “giáo lý bí mật” bon chen vào cả những cấp độ cơ bản nhất để tạo nên những mâu thuẫn. Lý thuyết thì khác nhau nhưng thực tế thì như nhau cả. Con chiên được Nhà Thờ thừa nhận hay tín đồ được cộng đồng huyền bí kết nạp đều phải cắm đầu vào một mớ giáo lý và nốc vào hàng đồng đức tin. Hiển nhiên là có vài khác biệt cơ bản giữa nói suông, giáo lý đầy chữ và những nghi thức của Hội Bình Minh Vàng. Tuy nhiên trong cả hai trường hợp, lá chính này để chỉ sự giáo dục và tính truyền thống. Nếu chúng ta coi dây đầu miêu tả sự phát triển nhân cách thì lá Hierophant, theo sau thế giới tự nhiên và xã hội, ám chỉ truyền thống có ý thức của một cá nhân trong một cộng đồng đặc thù nào đó, và giáo dục mà người đó nhận được từ cái truyền thống đó.

Theo như cách diễn đạt của Waite (đặc biệt về các “bổ” phương Tây), chúng ta thấy rằng “The Hierophant” như một người bạn đồng hành ngang tài ngang sức với “The Emperor”. Từ “giáo hoàng” (pope) đồng nghĩa với “cha” (father) (thế nên thiên hạ vẫn gọi cha xứ là ông bô ế), và như Đại Đế La Mã, giáo hoàng được coi là một người cha thông thái dẫn dắt đám con chiên (*tuy nhiên thiên hạ cũng coi các ông bô là người chặn dắt đám cừu non “ngu” đạo nửa đấy*). Họ cùng nhau “chia sẻ ngọt bùi” các trách nhiệm với nhân loại, một người lo lót các nhu cầu vật chất, người kia hướng dẫn tinh thần phát triển. Một trong những khảo luận sớm nhất đã thúc đẩy “cuộc chia ly” giữa Nhà Thờ



và Nhà Nước – Dante phán rằng cả 2 cơ chế tuyệt đối không được sớm tối “hẹn hò”, vì điều đó chỉ dẫn đến sự thối nát mà thôi. Thế mà ông chẳng bao giờ thắc mắc trước ý tưởng rằng Nhà Thờ chịu trách nhiệm cho linh hồn con người.

Ngày nay, nhiều người thậm chí còn chẳng hiểu cả cái khái niệm cơ bản của nghề linh mục. Thời đại dân chủ thái quá phủ nhận cái rập các quan niệm về một người trung gian kết nối giữa cá nhân và Chúa. Nhưng cứ phải nhớ là “The Hierophant” cũng có thể là biểu tượng của một nhà độc tài trong chế độ chuyên chính vô sản, hoặc bất cứ tay ưu tú tinh hoa nào lãnh đạo đám đông đi theo một con đường nhất định. Theo nguyên bản thì việc của các giáo sĩ rõ ràng rành rành: họ chém gió với chúa thánh thần thông qua những những lời sấm truyền, một loại tu tập quái thai đáng sợ, và đa phần con người khoái có người gánh việc đó thay họ. Khi Công Giáo chốngông quay đít với kiểu truyền đạt trung gian đó mà thay bằng “nối mạng” trực tiếp với Chúa, ý nghĩa sinh tồn của các linh mục trở nên trù tượng, giống như The Emperor. Về cơ bản nó phụ thuộc vào suy nghĩ thông thường rằng chẳng mấy ma nào thực sự “give a shit” về Chúa. Những người tầm tầm vui nhất là khi cầm đầu cầm cổ đuổi theo công danh, tiền bạc, gia đình và chính trị. Tuy nhiên có dăm người đơn lẻ có loại khí chất bí ẩn nào đó cảm thấy thứ linh hồn chạy xuyên khắp các thể sống một cách trực tiếp. Được thụ phong chức danh linh mục bằng chính nhận thức nội tại, họ đàm đạo với Chúa thay chúng ta. Quan trọng hơn là họ nói được tiếng người với nhân loại để dịch lại luật lệ của Chúa theo cách “trần tục” nhất có thể, và đại khái là để sau khi mờ xanh má đẹp thì con người có thể mò lên nhận thưởng với Chúa. Sau sự phục sinh chúng ta sẽ chìm trong linh hồn của Chúa. Nhưng trong cuộc sống thì chúng ta cần một gã linh mục chặn chiên.

Đến phần tranh cãi. Kể cả khi chúng ta đồng ý với những ý tưởng chính, thì các thể thức tu tập lại chống lại điều đó. Con người trở thành linh mục vì đủ các thể loại động cơ “phồn thực”, như tham vọng hay gánh nặng gia đình, vân vân mây mây – trong khi những người thực sự đang nghẹn ngào trước tiếng mời gọi trà nước với Chúa từ tận trong tiềm thức lại chẳng mấy khi thể hiện được khả năng giao tiếp với người bình thường. Hơn nữa, giống như thể chế của The Emperor, thể chế tín ngưỡng của Hierophant có thể dễ dàng trở nên thối ruỗng khi những kẻ đứng đầu được trao quyền lực và tự biết thân có oai có thế, cuối cùng tán dương sự phục tùng ngu muội hơn sự khai mở thông não thực sự. Hiển nhiên là vị trí bảo vệ những giáo lý rất hấp dẫn với những kẻ giáo điều.

Nhưng có lẽ chúng ta phủ nhận vai trò dẫn dắt của các linh mục vì một lí do xảo quyệt hơn. Từ khi phong trào Cải Cách ngày càng lộng hành hơn ở châu Âu, quan niệm về trách nhiệm đối với bản thân càng được ủng hộ tợn. Ý tưởng đại khái của học thuyết loại này, loại tín ngưỡng đề ra luật lệ và niềm tin, dựa trên giả thuyết rằng đa phần con người khoái “được” người khác bảo phải làm gì và nghĩ gì hơn. (*Nói cách khác, đa phần con người là M*). Dám đúng lắm chứ! Để lôi cổ được “Chúa” trong tâm khảm bạn phải trải qua dăm bảy loại đối đầu khó chịu với chính tâm thần (*biến thái*) của chính mình. Đồng thời, để tự thân lý trí quyết định cái gì hợp lý mà làm trong mọi trường hợp cũng yêu cầu một quá trình chọn lựa dai dẳng đau đớn. Dù sao thì bây giờ cũng có sa số người chỉ đơn giản là không chấp nhận được việc Nhà Thờ hay Xã Hội đỡ gánh trách nhiệm thay cuộc đời họ.

Có lẽ biện giải của lá Hierophant hướng tới mấy loại học thuyết bí mật hợp “mốt” chúng ta hơn. Vì như thế giáo lý sẽ không phán thánh phán tướng rằng ta phải làm cái này theo cái nọ, thay vào đó chỉ đưa ra những chỉ dẫn rời rạc để chúng ta tự túc là hạnh phúc. Và bài Tarot, như đã xét qua ở lá The Magician, đứng ở vị thế đối lập với Nhà Thờ Giáo Hội bằng việc dẫn dắt chúng ta theo con đường tự cứu chuộc trong cuộc sống. Với Crowley lá The Hierophant đại diện cho công cụ khai sáng, mở cửa bắt đầu hành trình đồng hoá cá nhân với vũ trụ. Hình thái và giáo lý của sự khai tâm này mỗi thời kì của thế giới lại đu một xì tai khác nhau như đàn bà đu thời trang; sau khi quấy gần hai ngàn năm, kỷ nguyên Song Ngư chuẩn bị kết thúc, thế nên The Hierophant cũng đang rục rịch chuẩn bị đổi mốt, cũng như tất cả các mối quan hệ khô cứng của con người nữa. Crowley nói rằng chỉ tương lai có thể cho chúng ta biết cái dòng chảy khai tâm đó là cái quý gì. Nhưng tính chất đồng đánh hoà hợp với vũ trụ cơ bản của loại “khai thông” này sẽ luôn được giữ nguyên.

Trong bộ BOTA lá Hierophant (cùng tên bộ Rider), cặp chìa khoá đặt chéo nhau dưới chân Hierophant là khoá vàng khoá bạc, đại diện cho thể thức bên ngoài và bên trong, mặt trời và mặt trăng, The Magician và The High Priestess, đại khái là mấy thứ đối lập mà học thuyết đã “lên lớp” chúng ta về cách kết hợp. Trong bộ Rider cả hai khoá đều bằng vàng, chỉ rằng mặt tối bị ẩn giấu đối với những người chạy theo mốt giáo lý bên ngoài.

Trong bộ Waite-Smith không bồi thêm vài vóc mảnh màn gì để ngăn cách chỗ cửa vào Nhà Thờ như trong đền thờ của High Priestess. Nhưng cặp cột đều màu xám. Kẻ nào lơ ngơ chui vào đó sẽ không chạm nổi đến gấu váy của bí mật

đối tính. Sự vô thức vẫn ngủ yên. Trong nhiều bộ Tarot, The High Priestess thay vì ôm cuộn giấy lại thành ôm một cuốn sách nhỏ bị khoá. Và cặp khoá của Hierophant không mở được ổ khoá trên ngườì đó.

Thế nhưng chúng ta không được nghĩ rằng giáo lý “ngoại” bị tín ngưỡng “cho rơi” hoàn toàn vô dụng với kẻ truy tìm. Cũng như chương trình giáo dục chung là để tạo nền tảng vững chắc cho con người có gốc có rễ mà phát triển. Phương Tây hiện đại có loại hiện tượng về một thứ thần bí chiết trung được nhào trộn thập cẩm từ đủ mọi loại tín ngưỡng và một thứ phát triển hoàn toàn biến dị. Điều này rất có thể được dựa trên nhận thức toàn cầu, nhồi thêm những quan điểm tôn giáo dưới dạng một giai đoạn tâm lý tách biệt khỏi khoa học và lịch sử. Do đó chúng ta coi tín ngưỡng như một trải nghiệm thay vì là một lời giải thích của vũ trụ, và chấp nhận rằng tuốt tuột các trải nghiệm mang tính tôn giáo đều đáng giá, bất chấp việc về bề nổi chúng oánh nhau chan chát. Trong khi ý tưởng này mở ra vô số những khả năng to lớn thì thiên hạ khối kẻ chỉ để tâm đến tiềm năng nông cạn của nó. Sự thật là, xuyên suốt các thế kỉ, những bí ẩn vĩ đại luôn lẫn khuất vẫn hét lên căm lạng trong truyền thống. Những nhà Qabalah học Do Thái, Thomas à Kempis là một người Công Giáo chính hiệu, và những người Sufix (Hồi giáo Mật Tông) lại cúi đầu quỳ lại dưới trướng Mecca cùng với những người theo đạo Hồi chính cống khác. Mặt tốt nhất của The Hierophant (trong giáo lý ngoại) là có thể tạo bước đệm bắt đầu kiến tạo ý thức cá nhân về Chúa cho chúng ta.

Những biểu tượng sâu xa hơn của lá bài xứng đáng được chú ý đặc biệt. Vị trí của ba người (một kẻ chủ trì hai con chiên) thể hiện mô típ kinh điển như hai cặp cột của The High Priestess, xuyên suốt Bộ Ẩn Chính, và được giải quyết triệt để ở lá Judgement và lá The World. Hai lá ngay tiếp đó sau, lá số 5 lặp lại mô típ thiên thần bay lớn vờn như ruồi trên đầu The Lovers, và hai nhân sư canh bên cỗ Chariot.

“Bộ Tam Hoàn Hảo” này là biểu tượng của bộ ba muôn thuở, như Tam Vị Nhất Thể trong Công Giáo, hay ba ngôi trong tâm trí (theo lý thuyết phân tâm học Sigmund Freud: cái ấy, cái tôi và cái siêu tôi), hoặc vô thức/ý thức/siêu thức – ba dòng trạng thái của bộ Ẩn Chính. Để hiểu nghĩa của hình ảnh chúng ta phải trở lại với The High Priestess. Bà tọa chồm hồm giữa cặp cột biểu tượng đối tính trong cuộc sống. Bản thân bà cũng là một biểu tượng mặt này trong khi The Magician là mặt còn lại. The Hierophant dẫn dắt hai thầy tu giúp lễ vào đền thờ của ngài. Thế nên chúng ta thấy rằng The Hierophant và The

Lovers và the Chariot tất cả đều đại diện cho nỗ lực kết hợp hai mặt đối lập của cuộc sống và tìm cách trung hoà, cân bằng chúng nhưng không khiến chúng bị bão hoà. Có một học thuyết tôn giáo với mô luật lý và biện giải những câu hỏi cơ bản nhất về cuộc sống làm được điều đó. Nếu chúng ta đầu hàng Nhà Thờ, những mâu thuẫn của cuộc sống chỉ được giải đáp mà không được giải quyết.

Trong đọc bài, lá bài có nghĩa Nhà Thờ, Học Thuyết, Giáo Dục nói chung. Mặt tâm lý nó có thể để chỉ sự chính tông, tuân theo lý tưởng chung của xã hội, luân lý trong hành vi, cũng như sự đầu hàng trước các trách nhiệm. The Emperor biểu tượng của kẻ thống trị và quyền lực thực thi; The Hierophant chỉ ra những giác quan phức tạp bên trong chính chúng ta. Lá ngược có nghĩa bất chính tông, đặc biệt chỉ đến tâm thần – những lý tưởng riêng biệt. Nó cũng có thể mang nghĩa khờ dại, và ý kiến này gợi đến loại đức hạnh khác của lá bài khi lật xuôi. Một xã hội xây dựng nên những truyền thống trí tuệ của nó qua hàng trăm năm đằng đẳng. Có những người chấp nhận những truyền thống đó như một phần nền tảng cơ bản để phát triển, vặn nắn, biến tấu thành những ý tưởng và thông tin mới. Có những kẻ lại nhồi nhét những giáo lý khô cứng vào con cái như nhồi vịt lấy gan, từ đó chúng biến thành những giáo lý mới, tạo nên những nhóm chính trị cực đoan kiểu mới, nhưng cũng cứng rắn như thế, chỉ có điều nông cạn hơn. Từ chối bản sắc truyền thống chưa chắc là hoàn toàn từ chối Hierophant. Họ chỉ không chấp nhận trách nhiệm tự tìm con đường của chính họ thôi.

### *Lá Bài The Lovers*

Giữa vô số những “cải tiến” Arthur Waite và Pamela Smith nê nếm vào bộ bài Tarot truyền thống thì lá The Lovers là lá “nữ hoàng bi kịch” nhất. Lá The Lovers của bộ Tarot de Marseilles vẽ một anh chàng trẻ tuổi nằm trong tầm ngắm của thần tình yêu Cupid và buộc phải kén lấy một trong hai người đàn bà, còn bộ Rider lại tả cảnh một người đàn ông đã trưởng thành với một người đàn bà độc thân, với một thiên thần chủ trì phía trên. Sâu xa hơn, trong khi đa phần các bộ Tarot khác đi chỉ thể hiện tình huống xã hội, thì bộ Rider vạch mặt chỉ tên cảnh Vườn Địa Đàng, hay đúng hơn, Tân Vườn Địa Đàng, với cây cối đem lại sự Khai Sáng chứ không phải sự Sa Ngã.

Phiên bản già cỗi hơn của lá chính số 6 đôi lúc mang tên The Choice (Sự Lựa Chọn), và trong bói toán nó mang nghĩa sự lựa chọn quan trọng giữa hai

ham muốn. Trong bộ Marseilles, một bà da trắng loá một bà đen thùi lù, nhưng không phải ám chỉ phân biệt chủng tộc đâu nhé, mà là biểu tượng truyền thống ở châu Âu chỉ Cái Ác và Cái Thiện, còn đàn bà phụ nữ nói chung là chỉ sự cám dỗ – đồng nghĩa với hai sự lựa chọn: một bên thì đứng đắn nhưng nhàm chán còn một bên là khao khát mãnh liệt nhưng không chính tông (kiểu vợ nhà chân ngắn với tình nhân chân dài ấy mà). Lá bài có thể ám chỉ từ một lựa chọn cơ bản cho đến khủng hoảng lớn trong cuộc sống một cá nhân. Chúng ta có thể thấy biểu tượng cổ đại này xuất hiện nhan nhản trong nhiều thể loại tiểu thuyết và phim ảnh về những người đàn ông trung niên hoặc thuộc tầng lớp trung lưu cố gắng từ bỏ mấy bà vợ yêu quý nhạt nhẽo vì mấy em gái trẻ trung hoang dại.

Thực tế sự lựa chọn có thể kéo dài hết cuộc đời một người. Ngay cả những người không bao giờ bận lòng đến ranh giới đạo đức trong tầng lớp trung lưu của họ cũng có thể cắm đầu vào những sự lựa chọn như một kẻ phạm tội chung thân. Và có rất nhiều người sống cuộc sống vẻ ngoài thì đứng đắn nhưng bên trong luôn dẫn vật khôn nguôi với những khát khao, những thôi thúc ngoại tình, bạo lực, hoặc chỉ đơn giản là bỏ nhà để thành một lữ khách lang thang.

Trong cấp độ huyền bí, sự lựa chọn giữa người đàn bà da trắng và người đàn bà da đen thể hiện sự lựa chọn giữa con đường bên ngoài (Hierophant), con đường mà cuộc sống trải thảm sẵn chỉ việc đi, hoặc con đường bên trong cho những kẻ tu tập có thể dẫn đến những mâu thuẫn với các khao khát ẩn giấu bên trong. Nhà Thờ gắn mác ma quỷ cho những pháp sư, và trong mớ phúng dụ Thiên Chúa Giáo thì người phụ nữ da đen thường đại diện cho Satan.

Những ý nghĩa này đều chỉ đến sự lựa chọn giữa ánh sáng và bóng tối theo cụm nghĩa rộng nhất có thể. Hàng Ản Chính đầu tiên chúng ta có thể nhìn những lựa chọn đó một cách điển hình hơn, rằng sự lựa chọn thiết thực đầu tiên của con người là độc lập khỏi cha mẹ. Cho đến khi những ham muốn tình dục xuất hiện đa phần con người thoả mãn với việc hành động khác với mong đợi của cha mẹ. Đến “tuổi nổi loạn” thì ham muốn tình dục lại là kim chỉ nam chỉ ra nó muốn đi đến đâu. Cuối cùng chúng ta bắt đầu thác loạn tràn sang cả các lĩnh vực khác nữa. Hiếm khi nào đối tượng cha mẹ chọn cho chúng ta lại trở thành đối tượng chúng ta sẽ chọn cho bản thân. Nếu sự khác biệt quá nhức nhối, hoặc cha mẹ quá kiểm soát, thì người đó sẽ phải đối mặt với những lựa chọn đau thương.

Paul Douglas đã bình phẩm người đàn bà tóc đen trông có vẻ già cỗi hơn chính là mẹ của người đàn ông, và sự lựa chọn là hoặc tiếp tục nép sau váy bà hoặc tự thân vận động. Những người như Freud tin rằng khao khát đầu tiên của một cậu bé liên kết trực tiếp với bà mẹ sẽ cảm thấy phức cảm Oedipus cổ điển (bi kịch Oedipus). Một phần nhân cách mong mỗi duy trì cuộc sống ảo tưởng gắn kết với người mẹ, trong khi phần còn lại thêm khát “tình yêu đích thực” trong hiện thực thuộc thể hệ của cậu bé. Nhưng chúng ta không phải nhúng mũi vào phân tâm học của Freud mới thấy được sự hàm ý rộng hơn của sự lựa chọn kiểu này. Dù có “ham muốn thầm kín” với mẹ hay không, thì sống ăn bám vào bố mẹ hiển nhiên là an toàn và nhàn hạ. Nhưng anh ta (hoặc cô ta, về cơ bản con gái cũng có những vấn đề tương tự dù đôi lúc ở hình thái khác) sẽ không bao giờ trở thành một cá nhân độc lập nếu không tách ra. Và chẳng thứ gì hiệu quả triệt để hơn tình dục.

Thế nên, phiên bản truyền thống của lá chính 6 đại diện cho “tuổi nổi loạn”. Thời kì này không chỉ xuất hiện kích dục mà còn xuất hiện cả sự độc lập về trí tuệ và đạo đức. Lá 3, 4, 5 đã tạo ra khuôn hình cơ bản của con người thông qua 3 thế lực: bố mẹ, tự nhiên và xã hội. Lá 6 cá nhân trở nên cá nhân hơn, nhân cách thực sự với những lý tưởng và mục đích riêng biệt đã có thể quyết định những lựa chọn dựa trên phân tích khao khát cá nhân và trách nhiệm thay vì dựa trên mệnh lệnh của cha mẹ.

Những ý nghĩa này thuộc về cấu tạo truyền thống của lá bài. Trong thiết kế phiên bản *The Lovers*, Waite hướng tới mục đích khác. Tình dục và tình yêu đóng vai trò gì trong cuộc sống một người? Và người ta có thể tìm thấy loại sức mạnh bi kịch lớn lao nhưng sâu sắc nào trong cuộc “đâm chọt mây mưa” giữa hai trái tim và hai cơ thể? Waite gọi bức tranh của ông, “lá bài tình yêu của nhân loại, xuất hiện ở đây như một phần của lựa chọn, chân lý, và cuộc sống”.

Xu hướng tình dục giúp chúng ta thoát khỏi sự cô lập. Nó đẩy chúng ta vào những mối quan hệ “sinh động” với người khác, cuối cùng để mở ra con đường đến với tình yêu (về cơ bản thì đoạn này đang khuyến khích ngủ trước yêu sau). Thông qua tình yêu chúng ta không chỉ đạt được sự thống nhất với một ai đó, mà chúng ta còn chạm tới một mảnh tin hìn trong khối ý nghĩa vĩ đại sâu sắc của cuộc sống. Trong tình yêu chúng ta rũ bỏ cái tôi kiểm soát từng tách chúng ta khỏi cộng đồng và cuộc sống. Thế nên thiên thần treo lủng lơ trên đầu người đàn ông và người đàn bà là một ảo tưởng không thể đạt đến, nhưng cũng thương tình hạ xá để họ thoáng thấy dung nhan.

Tôn giáo, triết học, nghệ thuật luôn khoái nhào nặn biểu tượng nam nữ để thể hiện sự đối xứng. Chúng ta đã thấy ý tưởng này xuất hiện trong The Magician và The High Priestess, cũng như giữa The Empress và The Emperor. Chủ nghĩa biểu tượng ở đây được củng cố bằng sự thật rằng Cây Đời với ngọn lửa biểu tượng của The Magician đằng sau người nam, trong khi Cây Trí Tuệ với con rắn trườn (rắn không phải là ma quỷ như thiên hạ đồn đại đâu, mà là sự thông thái vô thức) được vẽ đằng sau người nữ. Thiên thần chứng giám kết hợp hai nguyên lý này. Đạo học truyền thống cổ hủ hay có trò “nam nữ thụ thụ bất thân”, rằng mỗi cơ thể chứa một đạo sống khác nhau. Thông qua tình dục những đạo sống này kết hợp lại.

Những nhà thần bí học luôn nhìn thấy cả hai nguyên tố này trong mỗi cá nhân. Ngày nay chúng ta nghe khối nhà khoa học phán rằng ai cũng nửa nạc nửa mỡ; tuy nhiên thường thì họ đang vơ đũa cả nắm những hành vi xã hội, như sự nóng nảy và dịu dàng. Khi đàn ông và phụ nữ được nhìn nhận như những khía cạnh đối lập dựa trên những tính chất tự nhiên sâu xa nhất, thì quan điểm của những nhà huyền học triết để hơn nhiều. Có một cách để mô tả mục đích của bộ Ẩn Chính, đó là làm rõ và thống nhất những phẩm tính đối lập. Thế nên nhiều bộ bài, vũ công thoát y The World là một ái nam ái nữ.

Theo như những nhà Qabalah học và những triết gia thuộc trường phái kì bí, toàn bộ nhân loại (bao gồm cả Thượng Đế) đều có nguyên bản là lưỡng tính; đàn ông và đàn bà chỉ bị tách biệt sau cú Sa Ngã. Thế nên sinh ra câu nói mỗi người chỉ là một nửa và chỉ hoàn thiện khi tìm thấy nửa kia của đời mình (mịa sến súa đến thế là cùng!)

Chúng ta bắt gặp ý tưởng tương đồng trong Plato, nhưng với sự đa dạng thú vị hơn. Một trong những thần thoại Plato kể rằng con người nguyên thủy là những cặp sinh vật đôi, gồm ba loại: nam-nữ, nam-nam, và nữ-nữ. Tin rằng con người chằm mút quá nhiều sức mạnh nên Zeus một chém sét xẻ đôi những thống nhất thể, và giờ mỗi người trong chúng ta phải lật đật đi tìm nửa kia của mình. Đối lập với Do Thái giáo và Thiên Chúa giáo, thần thoại Plato đưa ra thực tế công bằng hơn cho người đồng tính. Thế nên nếu chỉ phân định đối lập nam nữ một cách dễ dãi là rất ngu xuẩn. Ai cũng mang trong mình cả The Magician và The High Priestess. Và cặp đang yêu nào cũng có thể triệu gọi thiên thần. Vai trò không quan trọng, quan trọng là hiện thực của sự thống nhất.

Trong những diễn giải theo xu hướng đăm đông của Thiên Chúa Giáo về Kinh Sáng Thế, Eve mắc trọng tội, không chỉ vì ăn trái cấm trước, mà vì sự quyến rũ của nàng đã câu dẫn Adam mắc tội theo (có bản dịch là nàng quyến rũ Adam, nhưng không phải đâu nhé). Đàn ông bị chế ngự bởi lí lẽ và đàn bà bởi khoái lạc (*ở đây dung từ “reason” – có thể dịch là “lí lẽ” hoặc “lí trí”. Nhưng cá nhân tôi cho là dùng từ “lí lẽ” thì hợp lí hơn, bởi “lí lẽ” là thể thức cao hơn của lí trí, sau khi dùng lí trí đạt được kiến thức thì con người mới sinh ra những “lí lẽ”.*) Sự phân chia này dẫn đến dăm kẻ theo Công Giáo tuyên bố rằng phụ nữ không có linh hồn. Nhưng thực chất toàn bộ thần thoại về Cú Ngã nhấn mạnh vào sự bất tuân và sự trừng phạt lại mang nghĩa đàn áp và tẩy não đăm con chiên. Khoái lạc thể xác được xem là nguy hiểm với xã hội thể nên phải bị kiểm soát. Như Joseph Campbell chỉ ra trong “Những Mặt Nạ Của Chúa”, tôn giáo thờ nữ thần cổ đại Palestine cũng có loại “bi kịch gờ vàng” với rắn, với Cây Đồi và Trái Táo kiểu này. Nhưng trong truyện cổ, nữ thần đã cho kẻ được thông nào trái táo trí tuệ để được bước vào thiên đường, chứ không phải nguyên nhân anh ta bị trục xuất. Người Hebrew cổ đã xáo trộn mắm muối thần thoại, một phần dưới danh nghĩa ngăn chặn sự đòi truy, nhưng cũng vì họ, như những người Babylon, coi những cách thức cũ là “đáng ghê tởm”.

Tuy vậy bài Tarot là một cách giải phóng. Điều Jahweh sợ, rằng nhân loại “sẽ trở thành như chúng ta”, chính xác là mục đích của Tarot – phô bày đầy đủ những tia sáng thần thánh trong con người và thống nhất chúng với nhận thức của chúng ta, để chấm dứt tính hai mặt của Chúa và con người, kết hợp chúng làm một. Vậy nên dù có nhồi nhét hàng tá biểu tượng như Kinh Sáng Thế, thì The Lovers của bộ Rider đảo nghĩa một cách triệt để.

Hãy để ý rằng trong khi người đàn ông “nhòm” sang người phụ nữ thì người phụ nữ lại ngược mắt ngắm thiên thần. Nếu người đàn ông thực là “lí lẽ”, thì trí tuệ chỉ có thể vượt qua giới hạn nhờ đăm mê tâm thường. Về cơ bản, trí tuệ điều khiển và kiểm chế, trong khi đăm mê đập đổ mọi giới hạn. Truyền thống của con người khiến cơ thể và lý trí trở thành hai kẻ qua đường xa lạ. Tarot xuất hiện là để dạy chúng ta mai mối kết hợp chúng (một ngọn núi đơn ngăn cách giữa hai người tình), và rằng không phải khả năng kiểm soát của lý trí nâng các giác quan lên một cấp độ cao hơn. Đăm mê mới đúng.

Chúng ta có thể thấy điều này trong thuật ngữ tâm lý học. Đa số con người bị trói buộc bởi cái tôi của mình hoặc những lớp mặt nạ họ trưng ra cho thế giới chiêm ngưỡng. Nhưng nếu họ có thể đầu hàng trước những đăm mê nhục



dục, họ có thể, ít ra là trong một khoảnh khắc, vượt khỏi sự cô lập. Nhưng người không bỏ được cái tôi, dù chỉ trong chốc lát, thì sẽ hoặc lạm dụng tình dục hoặc bị tình dục lạm dụng. “Yêu” trở thành công cụ thao túng người khác, nhưng lại chẳng bao giờ “lên óc nhà”. Khi một người từ chối khao khát “xôi thịt” để giải tỏa nhu cầu với người khác, người đó sẽ trầm cảm. Thiên thần đã bị xua đuổi.

Đồng thời chỉ những đam mê cũng không đủ khả năng lôi cổ thiên thần đến. Chúng cần phải được định hướng bằng lí trí, cũng như lí trí cần đam mê để trở có thể quấy nhiệt tình. Những người chỉ lao theo đam mê thường bị vắn từ trải nghiệm này sang trải nghiệm khác.

Paul Foster Case đặt tên thiên thần là Raphael, người làm chủ siêu thức. Điều này dẫn chúng ta quay về tư duy tam thức nhất thể; tại đây chúng ta biết được rằng ba cấp độ của ý thức không hề bị tách biệt hay bị cô lập, giống như ba câu chuyện chung một nhà, nhưng siêu-thức thì lại là sản phẩm được đẻ ra từ sự kết hợp của ý thức và vô thức. Đường mòn nằm giữa vô thức vì đó là nơi ta tìm thấy năng lượng chân nguyên của cuộc sống. Thực tế, siêu thức có thể được mô tả như năng lượng của vô thức nhưng nâng cấp lên trạng thái cao hơn. Một phần của sự chuyển hoá nằm trong ý thức, tạo nên hình thái, định hướng và ý nghĩa cho năng lượng.

Nếu trong mô típ ba bên hai hình trên đại diện cho những cặp đối tính trong cuộc sống, và hình tượng lớn ở trên đại diện cho sức mạnh trung hoà giữa các cặp đối tính, thì trong lá chính 6 “thứ” trung hoà chính là tình yêu nhục dục. Khi chúng ta đầu hàng trước khoái cảm thể xác, chúng ta trải nghiệm bất chợt một thứ gì đó còn vĩ đại hơn cả chính chúng ta. Chỉ là bắt gặp thoáng qua thôi; sự giải phóng thực sự đòi hỏi lắm trò hơn là chỉ mình đam mê. Nhưng tình yêu có thể giúp chúng ta nhìn thấy con đường, và biết đôi dăm lạc thú đang chờ đợi chúng ta ở cuối con đường đó. Chẳng thiếu gì những nhà thần bí học, điển hình như thánh Teresa, đã mô tả cuộc kết hợp với Chúa bằng hình thức khoái lạc xác thịt (chắc là dùng Chúa để thẩm du?).

Ý nghĩa bói toán trong hình ảnh bộ Waite-Smith khá thẳng thắn. Họ đề cập đến tầm quan trọng của tình yêu trong cuộc đời một con người đối với một người tình cụ thể; thường chỉ những cuộc hôn nhân hoặc những mối quan hệ lâu dài. Lá bài ngụ ý rằng một mối quan hệ đặc biệt đã và sẽ chứng minh nó rất có giá trị với một người, giúp anh ta hoặc cô ta có những thấu hiểu mới về

cuộc sống. Nếu một vấn đề cụ thể đang được xem xét trong khi đọc bài thì The Lovers ám chỉ sự giúp đỡ theo đôi cách – sự ủng hộ của người yêu cả về cách xử lý lẫn tinh thần. Nhưng không phải lúc nào nó cũng đúng. The Lovers, trong vị thế quá khứ, đặc biệt trong mối tương quan với những lá ám chỉ sự từ chối không đối mặt với tình huống hiện tại, có thể thể hiện sự luyến tiếc bất an với cuộc tình đã mất.

Những lá trước đó đều đại diện cho những chân nguyên tinh khiết nhất. Khi chúng ta đảo ngược chúng, chúng ta nếm nếm những nguyên tố thiếu hụt. Nhưng ở cấp độ này, tính cá thể lên ngôi, ý nghĩa ngược lại thể hiện sự yếu đuối và bế tắc. Đầu tiên nó nói về tình yêu không lối thoát và huỷ hoại, đặc biệt là những cuộc hôn nhân tồi tệ. Nó cũng có thể ám chỉ vấn đề tình dục hoặc mối tình lãng mạn đảo lộn cuộc sống một người, theo cả nghĩa những khó khăn với một người cụ thể, hay đơn giản đi tìm tình yêu đã là một vấn đề lớn. Vì bộ Waite-Smith hướng đến tình yêu trưởng thành, và hình ảnh truyền thống thể hiện quá trình quyết định của tuổi dậy thì, nên cả hai phiên bản lộn cây chuối đều chỉ tình yêu non nớt của trẻ con; “tuổi nổi loạn” kéo dài khiến dăm người ôm thứ ảo tưởng trẻ con trong thời gian dài kể cả khi cơ thể đã hoàn toàn trưởng thành.

### *Lá Bài The Chariot*

Phiên bản cổ của lá bài này với hình cỗ xe ngựa vàng kéo bởi cặp ngựa thay vì cặp nhân sư được chấp ghép từ thập cẩm các nguồn lịch sử hay thần thoại. Khởi đầu thì hình ảnh này được để ra từ những đám rước các anh hùng trở về sau những trận chinh chiến đánh đông dẹp bắc đại thắng trong sự tung hô của dân đen. Phong tục này là câu trả lời cho nhu cầu tâm lý sâu xa của đám đông. Chúng ta vẫn giữ trò tung hô này cho đến ngày nay, hai nghìn năm sau, trong những cuộc diễu hành dành cho mấy ông tổng thống, các vị tướng quân, phi hành gia, với “cỗ xe ngựa vàng” là ô tô limousine xa hoa.

The Chariot hàm ý điều còn cao cả hơn một chiến thắng vinh quang. Điều khiến “động cơ” hai ngựa chạy nước kiệu một cách chủ động đòi hỏi sự kiểm soát tuyệt đối hai con thú (đại diện cho ý chí mạnh mẽ). Plato trong cuốn Phaedrus đã đề cập rằng trí não tương tự một cỗ xe ngựa kéo bằng cặp ngựa đen trắng – cũng chính là hình ảnh của Tarot.

Một thần thoại cụ thể (*không nêu tên thì thánh mới biết*) của đạo Hindu kể rằng nữ thần Shiva phá huỷ một phần ba thành phố của lũ quỷ. Để “quay tới

bến” được vậy, nữ thần phải quy phục toàn bộ sinh vật dưới trướng mình. Các vị thần rên cổ xe ngựa cho Shiva không chỉ bằng sức mạnh thần thánh mà thậm chí còn “bòn rút” cả các nguyên vật liệu của thiên đường, cũng như “mút mát” các vật liệu của Đất Mẹ. Mặt trăng và mặt trời trở thành bánh xe còn gió thành ngựa kéo (biểu tượng phía trước The Chariot trong Tarot, như đai ốc thọt bu lông, như bánh xe và trục đỡ, được gọi là “lingam” và “yoni”, đại diện cho Shiva thiên tính nam và Parvati thiên tính nữ, kết hợp thành nhất thể). Thông qua những hình ảnh của thần thoại, chúng ta biết được rằng chúng ta chiến thắng ma quỷ xấu xa trong tâm linh khi chúng ta có thể tập trung toàn bộ tự nhiên, cả năng lượng vô thức ẩn trong Shiva bộc phát qua ý chí chủ động.

Hai “chuyện mẹ kể bé nghe” này thể hiện hai mặt khác biệt trong quan niệm về ý chí. Câu chuyện về Shiva là chiến thắng đích thực, khi tinh thần tìm thấy mục tiêu để giải phóng toàn bộ sức mạnh. Nhưng Phaedrus lại là về chiến thắng của cái “tôi” – thứ kiểm soát chứ không phải giải quyết những xung đột trong cuộc sống. Những nhà biện giải Tarot nào mà xem xét những lá bài dưới hình thức những hình ảnh tách biệt, mỗi hình ảnh có ý nghĩa “dạy đời” một kiểu, thì có xu hướng bồi rộng ý nghĩa của The Chariot. Họ chỉ ra rằng tên gọi trong Qabalah cho số 7 với tất cả những nghĩa huyền bí của nó là “Chiến Thắng”.

Ở nhiều vùng đất, đặc biệt là Ấn Độ, giống ngựa liên tưởng tới Cái Chết và Tang Tóc. Khi chế độ phụ hệ xoá bỏ nghi thức hiến tế nhà vua, họ giết ngựa thể vào. Sự hiến sinh của ngựa trở thành sự hiến tế linh thiêng nhất, được gán với bất tử. Ngay cả ngày nay ngựa vẫn được dùng để kéo áo quan cho những nhà lãnh đạo vĩ đại (người ta tìm ra một đầu mối kì dị giữa hai khía cạnh của The Chariot trong cái chết của John Kennedy. Ông ta bị giết trong chiếc limousine trong cuộc diễu hành, rồi con ngựa – chống lại lệnh của người quản ngựa – đã kéo áo quan của ông trong tang lễ. còn tui thì tui thấy điều điều....) Những mối liên quan này gợi đến ý tưởng chiến thắng tâm hồn vượt lên trên cái chết.

Khi nhìn vào những lá bài một cách tuần tự, chúng ta thấy rằng số 7 chỉ là chiến thắng của dòng đầu bộ Ẩn Chính mà thôi. Nó cho thấy trạng thái đạt được sự trưởng thành, nhưng về cơ bản nó chẳng xó rớ gì được đến vùng vô thức và siêu vô thức rộng lớn hơn. Theo cách diễn giải này thì khi đến Chariot là chúng ta đã phát triển được cái “tôi”; những bài học đầu tiên về thực tại đã ngấm; thời kì trẻ trâu đi tìm bản thân đã qua, giờ chúng ta bước sang cuộc sống của người trưởng thành, thành công trong cuộc sống, được người người

ngưỡng mộ, tự tin và thoả mãn về bản thân, có khả năng kiểm soát cảm xúc, và trên hết, định hướng ý chí.

Giống như The Magician, người đánh xe ngựa cũng cầm gậy phép. Khác với Magician, anh ta không giơ gậy phép lên đầu hướng về thiên đường. Sức mạnh của anh đã phục tùng trước ý chí của anh. Tay anh chẳng nắm sợi cương quản ngựa nào. Chỉ cần nhân cách mạnh mẽ thôi cũng đủ để đối mặt với những thử thách trong cuộc sống.

Lingam và Yoni thể hiện khả năng kiểm soát nhục dục trưởng thành của anh ta. Anh ta không còn là nạn nhân của cảm xúc nữa, và tình dục trở thành một loại hưởng thụ trong cuộc sống. Hình vuông phát sáng trên ngực anh ta, một biểu tượng của những xung động tự nhiên, kết nối anh ta với thế giới nhục cảm của The Empress, nhưng ngôi sao tám cánh trên mũ miện của anh ta lại thuộc về năng lượng tinh thần định hướng những đam mê (*những nhà biểu tượng học coi ngôi sao tám cánh là lưng chừng giữa thế giới vật chất và vòng tròn tâm linh. Còn như tứ thì thấy nói dài dòng cũng chỉ để diễn tả rằng anh chàng này đã hiểu thế nào là sex có trách nhiệm \*đùa thôi\**). Cổ xe ngựa của anh ta còn bự hơn cả thị trấn ở đằng sau chỉ ra rằng ý chí của anh ta còn mãnh liệt hơn cả luật lệ của xã hội. Tuy nhiên, sự thực rằng cổ xe của anh ta không chuyển động lại ám chỉ rằng anh ta không nổi loạn. Cặp bánh xe ngựa ngập trong nước mang nghĩa anh ta bòn rút năng lượng từ sự vô thức, mặc dù bản thân cổ xe lại ở trên cạn tách biệt anh ta khỏi “kết nối trực tuyến” với nguồn năng lượng vĩ đại đó.

Chúng ta đã đề cập đến biểu tượng tính dục của Lingam và Yoni. Trong khi thần thoại Hindu gán ghép loài ngựa với chết chóc, những người chạy theo thuyết phân tâm học của Freud lại cho rằng chúng liên quan đến năng lượng tính dục trong ham muốn thể xác. Bằng cách kiểm soát cặp ngựa (hoặc cặp nhân sư), Người Quản Ngựa điều khiển được cả những ham muốn bản năng của mình.

Cơ thể anh ta dính chi chít các biểu tượng ma thuật. Chiếc áo giáp mang những biểu tượng của ma thuật nghi thức, chiếc chuông đại diện cho các dấu hiệu và các hành tinh. Hai khuôn mặt hình mặt trăng trên vai anh ta được đặt tên là “Urin và Thummim”, hai cầu vai được cho là của The High Priestess ở Jerusalem, thế nên gọi đến The Hierophant. Đồng thời mảnh trăng khuyết gọi

đến The High Priestess. Tấm màn thêu sao trên khung xe cũng gọi đến tấm màn của The High Priestess; anh ta đã đặt bí ẩn vô thức ở phía sau.

Vậy nên chúng ta có thể thấy tất cả hệ thống biểu tượng của dòng đầu bộ Ẩn Chính đều được nhồi nhét vào lá The Chariot. Gậy gộc và biểu tượng chỉ Pháp sư, Nước, Nhân sư, tấm màn của Nữ Tư Tế, hình vuông và địa cầu chỉ Nữ Hoàng, thành phố chỉ Hoàng Đế, đôi cầu vai là Đại Tư Tế, lingam và yoni chỉ Người Tình. Tất cả các loại năng lượng đều chen chúc lại tạo nên nhân cách nền tảng bên ngoài.

Thế mà, quan sát The Chariot với những phẩm chất cứng rắn của nó. Quan sát người cầm cương có nửa thân dưới gắn chặt vào động cơ đá. Phục tùng hoàn toàn trước nhận thức sẽ phải đối mặt với nguy cơ trở nên “khô như sỏi” và “cứng như đá”, cắt đứt với những thế lực nó đã học được cách kiểm soát. Tiềm thể nhòm qua cả cặp nhân sư đen trắng không hoà thuận với nhau. Mỗi con nhìn một hướng. Ý chí người cầm cương thuần phục chúng trong một trạng thái cân bằng cứng nhắc. Nếu trạng thái đó đổ vỡ, cỗ xe và người lái sẽ “anh đầu sông em cuối sông” ngay.

Paul Douglas đã so sánh The Chariot với ý tưởng “cá nhân” của Carl Jung. Khi lớn lên chúng ta tạo ra một loại mặt nạ để đối mặt với thế giới bên ngoài. Nếu nốc ao thành công nhiều thử thách của cuộc sống, thì những khía cạnh khác biệt sẽ hoà hợp với cái “tôi-mặt-nạ” này. Nhưng chúng ta có thể dễ dàng làm tưởng cái thành công cá nhân này với bản ngã, thậm chí đến mức nghĩ rằng lột mặt nạ đồng nghĩa với một loại mất mát tương tự cái chết. Đây là lí do dòng trạng thái thứ hai của bộ Ẩn Chính, nhằm mục đích giải phóng bản ngã khỏi vỏ bọc bên ngoài, đặt lá Death ngay cạnh lá cuối cùng.

Đến đây chúng ta đã suy xét về The Chariot như một tượng đài trưởng thành. Nhưng quan niệm về ý chí con người vượt khỏi tầm cá nhân. Với hình ảnh mang tinh thần chinh phục và điều khiển những thế lực của cuộc sống, The Chariot là một biểu tượng hoàn hảo cho nền văn minh, tạo ra luật lệ từ tự nhiên hỗn loạn, bằng cách sử dụng chính thế giới tự nhiên như những vật liệu thô để kiến tạo văn hoá và thành thị. Một trong những lý tưởng chủ chốt của Qabalah đã mở rộng quan điểm này. Bằng mối quan hệ dây dưa với chữ “Iain” của bảng chữ cái Hebrew, The Chariot có đặc tính của “ngôn ngữ”. Ngôn ngữ luôn được coi như đại diện của trí tuệ và quyền lực vượt trên tự nhiên. Cho đến giờ chúng ta biết chỉ mỗi con người mới sở hữu ngôn ngữ (mặc dù đám

ting ting đã thể hiện rằng chúng có khả năng học ngôn ngữ dấu hiệu của loài người, cá voi và cá heo có thể giao tiếp bằng loại ngôn ngữ riêng), và chúng ta có thể nói rằng ngôn ngữ giúp chúng ta tách hẳn khỏi phần động vật. Adam giành phần kiểm soát quái vật ở Vườn Địa Đàng bằng cách gọi tên chúng. Quan trọng nhất là, loài người dung ngôn ngữ để truyền đạt thông tin để tiếp nối văn minh.

Thế nhưng, cũng như cái “tôi” bị giới hạn, ngôn ngữ cũng có giới hạn của nó. Đầu tiên, ngôn ngữ có “hôn thú ràng buộc” với những trải nghiệm thực tế. Bằng cách lập khuôn thức diễn đạt về thế giới, cộp mác cho mọi thực thể, chúng ta lại tự dựng lên một rào chắn giữa bản thân và trải nghiệm. Khi ngó một cái cây, chúng ta không nghĩ đến những vận động của một cơ quan sống; đúng hơn, chúng ta nghĩ về “cái cây” rồi...phủi dít bỏ đi. Cái mác đã thay thế bản chất. Hơn nữa, với việc dựa dẫm quá nhiều vào tính chất lý tính của ngôn ngữ mà chúng ta “ăn bánh bơ đội mũ phớt” những trải nghiệm không thể diễn đạt được thông qua ngôn từ. Chúng ta đã thấy cách Nữ Tư Tế thể hiện sự minh triết trực giác vượt khỏi ngôn ngữ tầm thường. Những trải nghiệm cụ thể, đặc biệt là sự thống nhất kì diệu với tinh thần, không thể mô tả nổi. Ngôn ngữ chỉ trót quớt cái vỏ ngoài với những phép ẩn dụ và những chuyện kể hoang đường. Những người nào phụ thuộc hoàn toàn vào ngôn ngữ khẳng khẳng rằng trải nghiệm vô lời hoặc những trải nghiệm không thể đánh giá được bằng những bài kiểm tra tâm lý là không tồn tại. Điều này chỉ đơn giản là chúng không thể bị lí giải một cách khoa học thôi. Những võ đoán như vậy thể hiện qua sự gắn liền của tay đánh xe với khúc đá.

Đến nay chúng ta đã vắn vò từng biểu tượng trên hình trù biểu tượng rõ ràng phang thẳng mặt nhất: cặp nhân sư. Waite vay mượn hình ảnh cách tân này từ Eliphas Lévi, một nhà tiên phong vĩ đại của Tarot theo trường phái Qabalah. Như cặp cột đen trắng của The High Priestess, hay cặp ngựa đen trắng ở phiên bản cũ mềm, cặp nhân sư mang nghĩa đối tính và các phân mặt đối lập của cuộc sống. Một lần nữa, cái mô típ tam thể lại đập vào mặt chúng ta không thương tiếc. Ở đây lực lượng trung hoà chính là ý chí.

Dùng cặp nhân sư thay vì cặp ngựa ám chỉ đôi dăm ý nghĩa sâu xa hơn. Nhân sư trong thần thoại Hy Lạp là một kẻ thách đố, đại diện cho mặt bí ẩn của cuộc sống với dân chúng thành Thebes bảy cổng. Thần thoại này kể lại rằng con nhân sư chặn đường những thanh niên trẻ đến thành phố như bọn lưu manh chặn đám đầu to mắt cận, nhưng thay vì hỏi tiền thì lại đố: “Sinh vật gì

sang đi bốn chân, chiều đi hai chân và tối đi ba chân?”. Nó xé xác những kẻ không trả lời được. Câu trả lời là “con người” – bò bốn chân khi còn bé, trưởng thành đi bằng hai chân, và về già hai chân thêm cây gậy chống. Ngụ ý rõ ràng rành rành. Nếu không hiểu bản chất nhân loại ở cả mặt mạnh và yếu, thì cuộc sống sẽ cắt tiết bạn nhanh thôi. The Chariot là biểu tượng của sự trưởng thành, chấp nhận các giới hạn của cuộc sống, thêm sự trợ giúp của ngôn ngữ và thấu hiểu lý tính, trước thì để định nghĩa trải nghiệm, sau là để kiểm soát chúng.

Nhưng vẫn còn ý nghĩa khác chơi ú tim ở đây đây. Chàng thanh niên giải được câu đố của nhân sư là Oedipus, người đến thành Thebes sau khi hạ sát cha mình. Điểm nhấn của Freud về tội loạn luân đã lôi kéo sự chú ý đáng lẽ phải dành cho thông điệp sâu xa hơn của câu chuyện về Oedipus. Oedipus là hình mẫu một người đàn ông thành đạt hoàn hảo. Không chỉ cứu Thebes khỏi mọi đe dọa và trở thành vua, chàng cũng là người thấu tình đạt lý sự sống. Chàng biết con người là gì. Nhưng vấn đề ở chỗ chàng biết người mà cóc biết mình. Bản chất bên trong đóng cửa tẩy chay chàng cho đến tận lúc thánh thần bắt chàng đối diện với nó. Và các thánh thần ép chàng theo nghĩa đen thật. Nếu lời sấm không rỉ tai cha chàng trước rồi đến chàng, Oedipus sẽ chẳng đời nào làm những chuyện chàng đã làm. Thế nên, dù thấu hiểu ý nghĩa bên ngoài của cuộc sống một con người, chàng chẳng biết chàng là ai, hay mối quan hệ của chàng với thần thánh kiểm soát đời chàng. Và đây chính xác là hai vấn đề mà dòng hai với dòng ba bộ Ấn Chính tìm cách giải quyết. Dòng 2 chúng ta tìm kiếm thứ vượt trên cái tôi để đến với bản chất. Dòng ba chúng ta giáp lá cà trực diện một cách cởi mở với những năng lượng chân nguyên của sự tồn tại, để cuối cùng tiếp cận với sự hoà nhập của các mặt đối tính – điều mà tay quản ngựa có thể thống trị nhưng không bao giờ hoà hợp.

Ý nghĩa bói toán của The Chariot bắt nguồn từ ý chí mạnh mẽ của nó. Trong đọc bài lá này mang nghĩa một người đã thành công kiểm soát tình huống nhờ tính cách cứng rắn. Nó còn ám chỉ một tình huống có nhiều mâu thuẫn chưa được tổng hoà mà chỉ đơn thuần được đặt trong vòng kiểm soát. Cũng không cần thiết phải làm quá lên mặt tiêu cực của lá này. Khi nó lật xuôi thì The Chariot mang nghĩa cơ bản là thành công – một nhân cách đang là trung tâm của thế giới. Nếu nó xuất hiện trong vai trò kết quả một vấn đề thì ám chỉ chiến thắng.

Lật ngược, những mặt đối lập của lá bài mang sức mạnh dữ dội hơn. The Chariot trồng cây chuối mang hàm ý rằng sự tiếp cận sức mạnh ý chí không

thành công, và vấn đề vượt khỏi tầm kiểm soát. Trừ phi người đó tìm được cách tiếp cận khó khăn khác, không thì anh ta hoặc cô ta sẽ phải đối mặt với thảm họa. Sức mạnh ý chí không thể thường trực 24/7 quanh ta. Như Oedipus, thỉnh thoảng chúng ta phải học cách để “nước chảy bèo trôi” phó mặc mọi sự cho trời.

## **Chương 5: Quay vào bên trong**

*Tìm kiếm sự tự tri*

### **Biết người là trí biết mình là sáng (Lão Tử).**

Với dòng hai bộ Ẩn Chính, chúng ta nhảy từ thế giới bên ngoài và những thử thách của nó vào bản chất bên trong. Những phần đối lập bị nhồi nhét trong sức mạnh của The Chariot giờ phải được lôi ra ánh sáng. Cái mặt nạ của cái “tôi” phải được xé nát.

Nghe thì cứ như phim bi kịch giờ vàng thôi chứ thực ra nó cũng rất phổ biến, không trong thực tế thì cũng là nhu cầu. “Tự vấn” và “tự tìm kiếm bản thân” được coi là một trong những đặc tính “già đời” của những người bước vào tuổi trung niên. Khi còn trẻ trâu người ta thường để tâm vào đốn ngã chinh phục những thử thách của cuộc sống, tìm một bạn đời và đạp chân lên bệ chiến thắng hơn. Khi đã lên đỉnh thành công con người lại bắt đầu xét nét giá trị của thành công đó. Câu hỏi “Ta là ai dưới của cái của ta, dưới hình ảnh thiên hạ thấy ta?” ngày càng rầm rứt. Ngày nay, nhiều thanh niên không đợi đến khi tóc hoa râm mới tự vấn điều đó. Một tính chất của thời đại của chúng ta là khao khát tìm thấy ý nghĩa của cuộc đời, một thứ tinh hoa bên trong. Và ngày càng nhiều người quyết định đi tìm những ý nghĩa đó từ bản thân họ đầu tiên.

Thực ra ý tưởng này chỉ đúng một nửa. The Magician dạy chúng ta rằng, như những sinh vật khác, chúng ta chỉ tìm thấy thực tế trong mối liên hệ với thế giới bên ngoài; sự thật bên trong của The High Priestess là một tiềm năng và chỉ có thể đạt được thông qua ý thức của The Magician. Những miễn là cái mặt nạ và thói quen và thành trì còn ngăn chúng ta khỏi sự tự tri, thì mọi thứ chúng ta làm đều vô nghĩa. Dòng chảy giữa The Magician và The High Priestess cần phải được khơi thông thì cuộc sống mới định được giá trị.



Bởi vì dòng này về cơ bản đảo ngược trọng tâm ý nghĩa của bảy lá đầu tiên, nhiều lá đóng vai trò như tấm gương của lá song song dòng trên. Hai cực giới tính của lá 1 và 2 được lộn ngược trong lá Strength và The Hermit, trong khi bản chất của ánh sáng và bóng tối, ngoại và nội, vẫn giữ nguyên vị trí. Ở cuối dòng lá Temperance đại diện cho một loại chiến thắng mới. Sức mạnh kiểm soát của The Chariot được thay thế bằng sự cân bằng và bình tĩnh. Viên đá nửa thân dưới của người đánh xe ngựa đã nhường chỗ cho đôi chân kết nối trực tiếp với mẹ đất và sông nước – thiên thần Tiết Chế (Temperance) một chân trên cạn một chân nhúng nước, ngụ ý sự hài hòa giữa cá nhân và cuộc sống.

Một chủ đề khác cũng xuất hiện ở tầng trạng thái dòng 2. Cho đến giờ những lá bài đã đại diện cho 1 mô hình học dạy đời chúng ta, những điều chúng ta phải biết về cuộc sống để trở nên chính chắn và thành công trong cuộc sống cộng đồng. Nhưng sự khai sáng lại là trải nghiệm cá nhân bên trong. Không thể học nó hay ngẫm suy về nó, chỉ có thể sống để cảm nó. Loạt bài học về thế giới bên ngoài “lên đỉnh” ở lá Wheel of Fortune (Bánh Xe May Mắn) thể hiện sự nhìn nhận thế giới và bản thân – những thứ cần được trả lời. The Hanged Man (Người Treo) lại mang nghĩa hoàn toàn khác. Ở đây chúng ta không đối đầu với một bài học, mà là sự tự khai sáng, với nhân cách bên ngoài “trồng cây chuối” bằng một trải nghiệm thực tế và cá nhân.

Giữa hai lá này, ở vị trí chính giữa bộ Ẩn Chính là lá Justice (Công Lý), cần trọng cân bằng những bậc thang giữa nội tại và ngoại tại, quá khứ và tương lai, lý trí và trực giác, trải nghiệm và tri thức.

### *Lá Bài Strength*

Trong khi sự thay đổi lên lá The Lovers của Waite là rõ ràng nhất, thì việc ông đảo chỗ lá Strength và lá Justice lại gây tranh cãi nhất. Bản thân ông cũng chẳng đưa ra lời biện hộ cụ thể nào cho sự thay đổi đó. “Vì những lí do thoải mái cá nhân, ông thấy lá này sang vị trí của Justice (Công Lý) vốn mang số 8. Sự biến đổi này chẳng mang nghĩa gì với người đọc bài nên chẳng lí gì ông phải giải thích tường tận.” Các lí do chắc chắn nằm ngoài phạm vi cá nhân. Không chỉ Waite mà cả Paul Foster Case và Aleister Crowley đặt lá Strength (Sức Mạnh) vào số 8 và Justice số 11. Những người xếp bài theo nguyên tắc này hẳn đã đi theo lối mòn của Hội Bình Minh Vàng, hội mà các bộ Tarot cũng đổi chỗ hai lá này.

Mối liên hệ với một hội kín gợi đến sự khai tâm. Tất nhiên thời nay Hội Bình Minh Vàng không khởi xướng mấy vụ tu tập tự ngược để “đả thông não bộ” nữa, mặc dù hội tuyên bố được nhận những chỉ dẫn tâm linh đặc biệt trực tiếp từ những người hướng dẫn tinh thần. Sự khai tâm được thừa nhận từ hàng ngàn năm trước, từ những đền thờ Ai Cập cho đến những hoang mạc ở Úc. Nó có nghĩa sự biến chuyển tâm lý – chủ đề chính dòng hai Tarot. Bằng cách quy chiếu Justice và những lá bài “vệ tinh” quanh nó với tư tưởng cổ đại, chúng ta sẽ thấu hiểu Tarot hơn dưới dạng một trải nghiệm.

Chúng ta ngó lại cách sắp xếp cổ truyền của những lá chính cũ một chút. Hình ảnh của Justice gợi đến những gánh nặng trong trạng thái cân bằng trong cuộc sống. Dòng hai lôi chúng ta khỏi ánh sáng thành công của cuộc sống ngoại tại và đẩy chúng ta vào bóng tối nội tại. Nếu đặt Justice ở vị trí đầu dòng hai nó sẽ mang nghĩa sự đánh giá những thứ trọng yếu trong cuộc sống của bạn. Nó hiển nhiên có lý. Nhưng nếu Justice đặt trước thì tất cả những đánh giá của bạn đều xuất hiện một cách có tính toán – sự đánh giá chỉ là phản ứng có ý thức trước các bất mãn. Nhưng nếu những đánh giá này bộc phát từ trong nội tại thì sẽ có tác động mạnh hơn rất nhiều, và chúng ta sẽ buộc phải nhận ra chúng thông qua tầm nhìn của Wheel of Fortune (Vận Xa). Thanh kiếm hai lưỡi của Justice ám chỉ hành động – lời xác nhận tri thức rút ra từ sự đánh giá. Hành động thực tế từ đánh giá dẫn chúng ta đến Người Treo (Hanged Man). Nếu Justice đứng trước thì tiếp đến phải là Hermit (Ẩn sĩ). Dưới vai trò một người tìm kiếm sự thông tuệ, Ẩn Sĩ cũng đại diện cho lời xác nhận những phán xét của Justice. Nhưng nếu thừa nhận trí tuệ đó trước Justice, thì Người Treo lại là câu trả lời sâu trong nội tại.

Giờ cùng xét Sức Mạnh (Strength) ở cả hai vị trí. Lá bài có hình một người phụ nữ thuần phục sư tử. Nói ngắn gọn, nó mô tả năng lượng vô thức được giải phóng, được bình ổn, được “thuần hoá” nhờ định hướng của nhận thức. Ý tưởng kiểu đó đứng đầu giữa đuôi chỗ nào chẳng hợp. Nó thể coi nó như “bài kiểm tra tâm lý” cuối cùng của dòng bài. Và hẳn nhiên sự bình chân như vại của Người Treo ở vị trí tiếp là hoàn hảo.

Nhưng chúng ta cũng có thể coi Sức Mạnh là phẩm chất thiết yếu để bắt đầu hành trình mới. Không thể nhờ đến cái tôi để khám phá nội tại. Chúng ta cần phải đối đầu với những tình cảm và khao khát vốn luôn chơi ú tim với nhận thức. Nếu nỗ lực thay đổi bản thân bằng lý trí thì chúng ta sẽ tạo ra một loại nhân cách khác. Mấy trường hợp kiểu này xảy ra khá thường xuyên. Nhiều

người thấy họ sống thiếu tự phát. Họ nhìn quanh mình, đọc sách tâm lý, quan sát những người sống “hoang dại” với cảm thụ ghen tị hoặc thậm chí tự xấu hổ về tính tự chế của bản thân. Và rồi, thay vì chọn con đường gập ghềnh để giải phóng nỗi sợ và khao khát bị kiềm nén, họ cần trọng “bắt chước” tính tự phát. Họ “tôn vinh” The Chariot lên một “tầm cao” mới.

Đặt lá Strength vào số 8 tức là đẩy nó vào vị thế đối lập với Chariot – một loại sức mạnh khác, không phải ý chí của cái tôi, mà là cái Sức Mạnh Nội Tại để đối diện với bản ngã một cách bình thản không sợ hãi (*nói đơn giản thì, Chariot đối ngoại, Strength đối nội*). Chúng ta có thể lờ những bí ẩn ra ánh sáng vì đã tìm thấy Sức Mạnh để đối mặt với chúng (Strength vừa là tên lá bài, vừa mang nghĩa Sức Mạnh). Con sư tử đại diện cho cảm xúc, nỗi sợ, khao khát và bất an có khả năng kiểm soát cuộc sống nhưng lại bị cái tôi đè nén. Người Đánh Xe triệu năng lượng nội tại làm nguồn sức mạnh nền tảng, nhưng luôn cẩn thận định hướng loại năng lượng đó theo con đường nhận thức muốn đi. Sức Mạnh mở đường cho đam mê nội tại “cách mạng” như bước đầu tiên vượt khỏi “cái tôi”.

Ở cấp độ đơn giản, chúng ta có thể thấy sự “trỗi dậy” của những cảm xúc bị đè nén trong một con người này qua cách cư xử “trẻ con” của họ – khóc nức nở hay hò hét; nói cách khác, tất cả những điều trước đó có vẻ ngu xuẩn và đáng xấu hổ. Ở cấp độ sâu hơn, con sư tử đại diện cho toàn bộ sức mạnh cá nhân bị chuẩn mực xã hội “dao kéo đẽo gọt”. Sức Mạnh mở xích cho nguồn năng lượng này để dùng nó như một thứ nhiên liệu dự trữ trong chuyến du hành nội tại của Ấn Sĩ. Nhưng chỉ có thể chất được thứ “nhiên liệu” đó khi người ta thuần hoá được con sư tử ngay khi nó được rũ xiềng. Strength giải phóng nhân cách như Pandora mở hộp cấm. Nhưng nguy hiểm là vậy, thì kết quả thật ngọt ngào: cảm giác thanh thản, tình yêu cuộc sống, và sự tự tin to lớn. Trừ phi chúng ta thực lòng tin tưởng vào sự tự khám phá bản thân là một niềm vui, nếu không chúng ta chẳng bao giờ hoàn thành nó cả.

Hệ thống biểu tượng của tranh ảnh và số má củng cố thêm sự đối lập giữa Strength và Chariot. The Chariot vẽ đàn ông còn Strength vẽ đàn bà. Tất nhiên là theo truyền thống, chúng đại diện lý trí – tình cảm, xâm lược – phục tùng. Cũng như truyền thống, số 7 của The Chariot thuộc về ma thuật “dương”, còn số 8 là “âm”. Tính biểu tượng này để ra từ giải phẫu học. Cơ thể đàn ông có bảy “lỗ” (tính cả mũi), còn đàn bà 8 “lỗ”. Tiện thể, cơ thể đàn ông có 7 điểm: hai tay,

hai chân, cái đầu, trung tâm và “của quý”. Đàn bà thì có 8: cặp núi đôi thay cho “của quý” :v.

Phép thuật “nam” “nữ” là có ý gì? Lý thuyết bí truyền coi năng lượng giới tính là biểu hiện của những nguồn năng lượng chính dưới toàn vũ trụ; đàn ông và đàn bà giống như điện tích âm và điện tích âm trong nguyên tử. Thông qua sự vận động của năng lượng lưỡng cực, “phép thuật” xuất hiện. Những nhà thần bí học coi những hoạt động khoa học này chẳng kém huyền bí so với vận động năng lượng nguyên tử hiện đại. Có thể miêu tả Lovers của bộ Rider là sơ đồ năng lượng giản lược. Thế nên, The Chariot và Strength là một “cặp đôi hoàn hảo” như The Magician và The High Priestess được sinh ra là dành cho nhau.

Về mặt tâm lý chúng cũng mang hai loại sức mạnh khác nhau. Xã hội chúng ta nhấn mạnh vào tính “dương” kiểm soát; chinh phục, thống trị thế giới thông qua lí lẽ và ý chí. Nhưng cái chất “âm” của trực giác và cảm xúc tự phát cũng chẳng phải liễu yếu đào tơ gì cho cam. Để bộc lộ những tình cảm sâu sắc nhất với tình yêu và lòng tin đòi hỏi sự dũng cảm vĩ đại và sức mạnh to lớn.

The Fool – Gã Ngốc – lại chen vào đây. Chỉ bằng biến chuyển tâm lý chúng ta mới có thể từ Ý Thức tìm đến Vô Thức. Chỉ có Kẻ Ngốc mới chọn làm việc đó, vì tại sao chúng ta phải từ bỏ quyền kiểm soát và thành công? Chúa thánh thần đã ép Oedipus; thế nhu cầu nội tại nào ép buộc số chúng ta?

Vị trí đầu dòng của Strength liên kết nó với The Magician, cùng cả dấu hiệu vô cực trên đầu nòng gọng đến số 8 (biểu tượng vô cực là số 8 nằm ngang). Sự đảo ngược giới tính chỉ ra sự kết hợp giữa hai hình mẫu nam và nữ. Sự tiếp cận chủ động của The Magician với cuộc sống đã được “phẫu thuật thẩm mỹ” bằng thanh thần nội tại trong The High Priestess.

Dung mạo gợi cảm của người phụ nữ, mái tóc “vàng hoe” và đai lưng hoa nổi nòng với con sư tử cũng gợi đến Nữ Hoàng (Empress). The Empress đại diện cho thiên tính tự nhiên và đam mê; chúng ta (lại) thấy bóng dáng của năng lượng cảm xúc, “khao khát thú vật” như cách vài nhà diễn giải Tarot nói, giải phóng và thuần hoá. Waite miêu tả chiếc đai lưng hoa như một biểu tượng vô cực thứ hai, một đầu quấn eo người phụ nữ, một đầu tròng vào cổ con sư tử. Chúng ta có thể coi Strength là The Magician đã qua “hôn thú” với The Empress; đó là sức mạnh Nhận Thức và Định Hướng của The Magician đã hoà với nhục dục của Nữ Hoàng Khiêu Gợi khiến sức mạnh đó có mục đích và dẫn

đến Ẩn Sĩ (The Hermit). Để ý rằng dòng đầu 1 thêm 3 bằng 4, lá Emperor. Giờ dòng 2 thì 1 thêm 3 thành 2 nhân đôi; sự thật nội tại của The High Priestess.

Một mặt khác của lá chính này đưa sự kết hợp của 1 và 3 lên tầm cao hơn. Case và những người khác đã gán chữ Teth trong bảng chữ cái Hebrew cho Strength. Teth đề cập đến “rắn” trong tín ngưỡng Qabalah; nhưng trong tiếng Hebrew rắn cũng có nghĩa là “pháp thuật”; từ những con rắn trong gậy ma thuật của Hermes đến sức mạnh kudalini (theo yoga là nội công của giới nữ, tồn tại trong xương sống) của phép tu Đất Đặc La (trantra) ở Ấn Độ và Tây tạng Và con rắn, trong kudalini hay dăm nơi khác nữa, đại diện cho tính dục. Trong Tarot, từ con rắn vượn quanh Cây Đồi đằng sau người đàn bà trong lá The Lovers, xem con rắn là tình dục thúc đẩy sự Khai Tâm (*hiểu theo nghĩa đen là làm tình thì thông thái đấy:)))*) Theo mặt thần bí, nếu Strength đại diện cho những cái tu tập pháp thuật giới tính có thật, thì về tâm lý nó đề cập đến giải phóng nguồn năng lượng mạnh mẽ nhất trong con người đó. Khi đặt Sức Mạnh và Quỷ Dữ (Devil) lên bàn cân chúng ta sẽ thấy rằng sự giải phóng ở đây không đến nơi đến chốn. Con sư tử bị kiểm soát và bị dẫn dắt thay vì được làm theo ý nó.

Trong giả kim thuật sự tự tượng trưng cho vàng, mặt trời và lưu huỳnh. Lưu huỳnh là một nguyên tố thấp hơn trong khi vàng là cao nhất. Quá trình lưu huỳnh trở thành vàng chính xác là quá trình nâng cấp bản thân. Và thiết kế lá Tiết Chế (Temperance), lá cuối cùng của dòng này, với chất lỏng chảy từ cốc này sang cốc khác, miêu tả mục đích của giả kim thuật trong việc hoà trộn các mặt đối lập để tạo nên một hỗn thể mới và có ích.

Những người hay than thở về sự kiểm soát nghiêm ngặt trong cuộc sống, những người coi sự vô thức là “cái rãnh đạo đức” của sự kiềm chế (như Jung phê phán tầm nhìn hạn hẹp của những tín đồ Freud), và thấy những đam mê là loại giày vò, thì sẽ thấy con sư tử như những thể lực tự nhiên mà lý trí phải hạ gục. Vài bộ Tarot cổ hơn, gồm cả bộ của nhà Visconti, vẽ hình Heracles giết sư tử Nemean. Đam mê chinh phục lý trí. Nhưng con sư tử cũng đại diện cho Christ, sức mạnh lý trí của Chúa. Ai để năng lượng vô thức nội tại trỗi dậy, định hướng nó với tình yêu và niềm tin cuộc sống, sẽ nhận ra đó không phải loại năng lượng phá huỷ mà là loại năng lượng tâm linh hút về phía gậy tầm sét của Pháp Sư (The Magician).

Trong đọc bài lá Strength chỉ ra khả năng đối mặt với cuộc sống, đặc biệt là với các khó khăn hoặc đến lúc phải thay đổi, với hi vọng và kiên quyết. Nó ám chỉ một con người mạnh mẽ từ nội tâm, trải nghiệm cuộc sống bằng đam mê nhưng thanh thản mà không bị đam mê chiếm hữu. Lá bài đại diện việc tìm thấy Sức Mạnh để bắt đầu hoặc tiếp tục những dự án khó khăn, bất chấp căng thẳng hay sợ hãi.

Nếu Sức Mạnh xuất hiện trong mối liên kết với Cổ Xe (The Chariot), nó có thể mang nghĩa một sự thể chân với sức mạnh lý trí, đặc biệt trong trường hợp lá The Chariot rút ngược. Hai lá đồng thời cũng biểu trưng cho những mặt bổ khuyết lẫn nhau – thể bài tối nhất của Sức Mạnh là Nội Tại, và Cổ Xe ngoại tại (các đường ngang dọc của chữ thập). Thế là chúng ta đã thấy một người có hành động hiệu quả mà lại luôn điềm tĩnh.

Sức Mạnh lật ngược nhấn mạnh đến sự yếu đuối đầ tiên. Lòng can đảm để đối mặt cuộc sống đã lung lay và người đó cảm thấy bị dòng đời cuốn trôi và tiêu cực. Nó cũng mang nghĩa sự tự day dứt. Phần “thú” của con sư tử đã xông khỏi cái lồng tạo nên từ tinh thần và cảm xúc. Các đam mê trở thành kẻ thù, đe dọa huỷ hoại nhân cách ý thức và cuộc sống mà ý thức đã xây dựng cho bản thân.

### *Lá Bài The Hermit (Ẩn Sĩ)*

Như ngôi sao sáu cánh bị nhét trong chiếc đèn lồng của Hermit (Ẩn sĩ), ý niệm về Ẩn sĩ chia theo hai hướng như tóc chẻ hai ngọn; một trong, một ngoài. Về cơ bản lá bài có nghĩa rút khỏi thế giới ngoại tại mới mục đích kích hoạt trí tuệ vô thức (*chắc vì thế mà mấy ông hiền triết đều về ở ẩn cả?*). Chúng ta thấy quá trình này được khắc họa trong tam giác ngược chỉ “nước” – như cách các nhà giả kim thuật gọi. Nhưng Ẩn Sĩ cũng mang nghĩa là một người thầy mở đường bước vào quá trình này, và giúp chúng ta đi đúng hướng. Tam giác xuôi chỉ lửa chính là hướng dẫn đặc biệt này – tức người thầy đó có thể sẽ là một thầy giáo huyền bí, một nhà điều trị tâm lý, hoặc những giấc mơ của chúng ta, hay thậm chí chính là tinh thần thức tỉnh từ bản ngã.

Ẩn Sĩ đứng trong một khung cảnh tượng trưng thời Trung Cổ. Sống trong rừng rậm hoặc hoang mạc, thoát hẳn khỏi mọi sự vụ trần tục, lão ẩn sĩ là biểu tượng thay thế Giáo Hội (*trong phương Đông thì chắc là chùa chiền?*). Khoác vai một yogi khổ hạnh phiên bản châu Âu, ẩn sĩ đại diện cho khả năng tiếp cận Chúa không qua các trải nghiệm cá nhân. Con người ta thường thờ cúng các ẩn

sĩ đạo trưởng như những vị thánh sống, và cho rằng họ có đủ thứ phép thần thông (hơn cả Tôn Ngộ Không) sau khi nghe phong thanh chữ được chữ không về những “chuyện lạ có thật” về những thầy yoga của những người luyện tập.

Mặc dù Ấn Sĩ về ẩn cư tách khỏi xã hội, anh hoặc cô ta\* (\*đàn bà hay trở thành Nữ Ấn Sĩ và sự ghét bỏ giới nữ thời trung cổ đôi lúc trở thành sự tôn sùng một người đàn bà cụ thể khi bà được cho là đã chinh phục con quỷ nhục dục) không tự đá mình khỏi nhân loại. Bên cạnh những công việc thường nhật, họ tạo nơi trú ẩn và đôi lúc trao những lời chúc phúc cho những kẻ du hành. Vô số những câu chuyện, đặc biệt là trong những huyền thoại về Chén Thánh, mô tả Ấn Sĩ trong địa vị người trao sự thông thái cho kị sĩ để vượt qua các kiếp nạn tâm linh. Đó chính là hình ảnh kép của The Hermit: ví dụ và dẫn dắt.

Lá The Hermit tồn tại rất lâu ngay cả sau khi những tu tập đặc biệt đã mất đi. Triết gia tiên nghiệm Ralph Waldo Emerson đã du hành đặng đặng qua vùng Scotland xa tít mù để tìm căn chòi gỗ nát của Thomas Carlyle. Bạn củ Emerson, Henry David Thoreau, sống trong một căn nhà gỗ ở đầm Walden để tìm kiếm cảm giác về bản thân và thiên nhiên. Rồi ông ta viết về nó để làm ví dụ cho kẻ khác. Cuốn *Dus Aprach Zarathustra* của Nietzsche gợi mở về hình tượng Ấn Sĩ; cuốn sách bắt đầu với sự trở lại của Zarathustra sau khi đạt được những biến chuyển cá nhân. Và ngày nay cũng có sa số người hiến thân cho những giáo trưởng đông phương với hi vọng những người ẩn-sĩ-một-phần này có thể biến đổi cuộc sống của họ.

Với những người không thể tìm thấy sự dẫn dắt phù hợp thì chính tinh thần lại dẫn dắt họ. Jung và những người theo học thuyết của ông đã miêu tả rất nhiều giấc mơ của bệnh nhân của họ về một người đàn ông già cõi thông thái dẫn dắt họ trong những cuộc hành trình bí hiểm vào tâm thức. Trong nhiều trường hợp, những nhà phân tích giấc mơ phát hiện ra rằng mơ mộng thay cho vai trò nhà trị liệu. Vô thức có thể nhận ra người thầy Ấn Sĩ trước cả Ý Thức.

Nhà Qabalah học vĩ đại thế kỉ 15, Abraham Abulafia, đã khắc hoạ ba cấp độ của Qabalah. Đầu tiên là học thuyết học qua sách vở chữ nghĩa. Cấp 2 đến từ sự hướng dẫn trực tiếp của một giáo viên riêng; trong khi cấp 3, “cao cấp” nhất, đến trực tiếp từ trải nghiệm “lên đỉnh” khi kết hợp với Thánh Thần. Ba cấp độ “dây dưa” trực tiếp với Tarot, không chỉ qua cách chia ba dòng bộ Ẩn Chính, mà còn qua ba lá cụ thể tạo thành tam giác cân. Cấp 1 chính là The

Hierophant (Đại Tư Tế); cấp 3, cách 1 cấp dưới lá Hierophant, chính là The Sun số 19 tươi vui. Tuy nhiên cấp 2 lại không phải lá nằm giữa tương ứng Người Treo (Hanged Man), mà là lá cuối dãy bài 2 – Ẩn Sĩ (The Hermit).

Đạo thuyết và huyền thoại đều là đoạn kết của quá trình; học thuyết là vì bạn phải sắp xếp cuộc sống trước khi tiếp cận loại học hành bằng một cách đặc biệt (những nhà Qabalah học thường giới hạn những văn bản đặc biệt cho những người sau ba lăm tuổi), và phải say mê chúng vì bạn phải trải qua những đương đầu nguyên bản với bóng tối và bí ẩn. Tuy thế nhưng nếu có một người hướng dẫn ngay từ đầu hành trình thì ít ra bạn sẽ có thêm Sức Mạnh tiếp bước.

Là biểu tượng của sự phát triển cá nhân, Ẩn Sĩ (The Hermit) mang nghĩa chỉ khi rút khỏi bộn bề ngoại tại, chúng ta mới đánh thức được bản ngã nội tại. Những người nào tách Tarot ra hai nửa với điểm chính giữa là lá Wheel of Fortune sẽ coi The Hermit như “quãng lặng” nguy hiểm trước khi Bánh xe Vận Mệnh xoay chuyển sang cấp 2. Khi chia Tarot thành ba hàng bảy lá chúng ta mới nhận ra cái ẩn mình đó, và bản thân góc nhìn của Bánh Xe chính là những bậc thang hướng đến mục đích cao cả hơn.

Chúng ta thấy Ẩn Sĩ tự kỉ một mình trên đỉnh núi băng giá (*cá nhân người dịch lại mê Hermit trên đường mòn giữa vực thẳm của bộ Gilded hơn*). Ông đã rời khỏi thế giới giác quan để tiến vào tâm trí. Quan điểm tâm thức được mô tả như cái đỉnh cô độc lạnh lẽo này thực ra chỉ truyền tải một phần sự thực, hay đúng hơn là, một ảo ảnh. Tâm trí dồi dào những biểu tượng, hứng khởi, với ánh sáng là tình yêu của linh hồn. Nhưng trước khi chinh phục được những thứ đó chúng ta phải trải nghiệm sự trầm lặng của tâm trí thay thế cho thế giới giác quan ồn ào cái đã. Với những pháp sư, cái đỉnh cần cỗi đó còn có thực. Ở một nơi tách biệt thuộc Siberia và tây nam nước Mỹ, những ứng viên pháp sư sẽ đến những nơi hoang vu tìm kiếm hướng dẫn tinh thần để học cách chữa trị.

The Hermit còn mang nghĩa quá trình chuyển đổi. Thông qua thiền định, tu tập tinh thần, hoặc phân tích, chúng ta cho phép những phần ẩn của tâm lý cất tiếng nói với chúng ta. Sau đó chúng ta sẽ trải qua sự tái sinh, trước hết là dưới vai trò một thiên thần (phần bất diệt của bản ngã, vượt khỏi cái tôi), rồi tiếp nữa, cảm nhận sâu sắc hơn, như một đứa trẻ tự do lao khỏi khu vườn của những kinh nghiệm trong quá khứ. Hiện tại, con đường mà lão nhân thông thái



đang đi một mình được sưởi ấm bằng tấm áo choàng xám xơ cứng của sự tĩnh tại.

Biểu tượng đèn lồng dẫn ta trở lại quan điểm coi Ẩn Sĩ là người thầy hướng dẫn. Ông châm đèn soi đường, ám chỉ sự sẵn sàng dắt tay dẫn bước chúng ta và khả năng tìm thấy con đường của chúng ta nếu chúng ta biết dùng Sức Mạnh. Dăm bộ bài Ẩn Sĩ giấu chiếc đèn dưới tấm áo rách – biểu tượng của ánh sáng Vô Thức giấu dưới tấm áo Ý Niệm. Bằng cách khiến nó hiện hữu, nhưng lại khoá trong lồng đèn, bộ Rider hàm ý nói rằng chúng ta giải phóng nguồn sáng qua một quá trình tự nhận thức xác định, và rằng ai cũng có thể bắt lấy quá trình đó.

Chúng ta đã thấy ngôi sao dưới cả vai trò biểu tượng người thầy Ẩn Sĩ lẫn ánh sáng Vô Thức, dự đoán chúng ta khám phá những bí mật của nó. Ý nghĩa sâu xa hơn là mục đích giải quyết những mặt mâu thuẫn của cuộc sống. Tam giác nước và lửa về truyền thống đại diện không chỉ hai nguyên tố về tính chất là đối lập, mà còn về tính tam và tính nữ kết hợp vào một thể (*Song bích hợp kiếm ấy mà*).

Gậy chống của Ẩn Sĩ gọi đến gậy của pháp sư, nói cách khác là gậy pháp của The Magician. Nếu Chàng Ngốc The Fool dung gậy pháp một cách bản năng, Ẩn Sĩ dùng nó chống đỡ như một điểm tựa Ý Thức. Thế nên nó biểu trưng cho cái sự học giúp mở đường vào nhận thức sự Vô Thức.

Nằm ngay dưới lá The High Priestess, Ẩn Sĩ The Hermit có liên quan đến những nguyên tắc rút lui của nàng, (một lần nữa) chỉ ra rằng chúng ta phải rũ khỏi thế giới bên ngoài nếu muốn khai phá nội tại. Như với Sức Mạnh Strength dòng hai đảo ngược hình mẫu giới tính. Vai trò biểu tượng ở đây chỉ ra những nỗ lực chủ tâm của lý trí dựa trên tính toán và học thức, đưa chúng ta vượt khỏi trực giác bị giấu khoá trong đèn thờ đóng của The High Priestess. Dòng nước của đèn thờ đó không được hoàn toàn khai thông; tấm màn vẫn xuất hiện cho đến khi ngọn sét đánh vào Ngọn Tháp (The Tower), phía dưới Ẩn Sĩ (The Hermit) xé nó tan tành. Dưới ảnh hưởng của lá chính 9, Vô Thức lên tiếng từ đằng sau tấm màn nhờ mượn đỡ tiếng nói của các biểu tượng, giấc mơ, tầm nhìn.

Sự phân biệt giữa hệ thống biểu tượng nam-nữ và hiện thực của mỗi cá thể khiến chúng ta tiếp cận với vài sự giác ngộ quan trọng về các hình mẫu chân nguyên. Chúng ta có xu hướng tưởng tượng các ẩn sĩ dưới hình ảnh

những người đàn ông già cõi thông thái, ngay cả khi trong mơ, vì chế độ phụ hệ kéo dài hai ngàn năm đã khắc hình tượng này vào ý thức của chúng ta. Những thời kì sớm hơn, người dẫn dắt lại đa phần là phụ nữ – những đại diện của Nữ thần Vĩ Đại, và thậm chí trong thời đại này những người đàn bà như Quý bà Blavatsky cũng đảm nhiệm vai trò cổ xưa này. Những mơ mộng của con người thường tự kỉ ám thị với hình ảnh lão nhân già khú thông thái nói lên sự thật là Vô Thức bị những quan niệm từ nền văn hoá của người nằm mộng “hấp diêm” quá nặng. Nhiều người coi những hình ảnh chân nguyên như những hình ảnh cố định không thể bị thẩm mỹ suốt cả cuộc đời. Đúng hơn, những hình mẫu nguyên bản là những khuynh hướng mà trí não dựa vào để tạo hình những *chúng* hình ảnh nhất định, ví dụ như Ấn Sĩ, và mẫu hình cụ thể đó phụ thuộc mạnh mẽ vào nền tảng văn hoá và kinh nghiệm cá nhân. Truyền thuyết Chén Thánh thời trung cổ và các nghi thức nơi hoang mạc Úc đi theo cùng một mô hình nguyên bản đó; mô hình đó làm nền tảng cho những tưởng tượng như một mạng lưới bẫy ruồi “nhận thức thông thường”. Thế nhưng dạng thức bên ngoài của mô hình này lại rất phong phú.

Ý nghĩa bói toán của Ấn Sĩ liên quan đến cả hai mặt ẩn trong lá bài. Một mặt nó đại diện sự rút khỏi những lo lắng ngoại giới. Một người có thể rời bỏ chính mình về mặt thể chất, nhưng không thực sự cần thiết. Điều quan trọng là sự biến đổi nội tại tập trung vào “nhận và dùng”, như Wordsworth gọi những hoạt động trần tục, đến những như cầu bên trong một con người. Thế nên nó đòi hỏi sự ẩn dật về mặt cảm xúc khỏi người khác để tự phát triển bản thân nội tại. Trong mối liên hệ với mục đích này và với bức hình lão nhân, lá bài khắc hoạ sự chính chắn và khả năng nhận định những điều thực sự quan trọng trong cuộc sống của người đó.

Lá bài cũng đại biểu cho một sự giúp đỡ từ một hướng dẫn cụ thể, đôi lúc, như đã chỉ ra ở trên, sự hướng dẫn tâm lý từ nội tại, nhưng thường thì là một con người thực sẽ giúp bạn tự khám phá bản thân. Đôi lúc tự than chúng ta chẳng nhận ra sự tồn tại của hướng dẫn đó. Nếu Ấn Sĩ xuất hiện trong đọc bài Tarot thì tốt hơn là bạn nên quan sát những người quanh bạn cho kĩ. Trong trường hợp bạn đang đang giúp người khác hiểu về bản thân họ thì The Hermit đại diện cho bạn trong vai trò người thầy, người hướng dẫn.

Khi đảo ngược lá bài chúng ta đảo luôn ý nghĩa rút lui về nội tại. Cùng với ý nghĩa đảo của Nữ Tư Tế (nỗi sợ trong cuộc sống), Ấn Sĩ ngược cũng có thể ám chỉ nỗi sợ con người. Nếu rút khỏi xã hội dưới dạng tháo chạy, thì hiện

thực của cuộc rút lui mang tính chi phối hơn, dẫn đến nỗi ám ảnh hoặc trầm cảm hoang tưởng. Như với những lá chính khác, cặp mặt tiêu cực và tích cực của The Hermit phụ thuộc vào hoàn cảnh. Hermit ngược đôi lúc chỉ mang nghĩa đơn giản là ở thời điểm đó người xem bài cần hoà hợp với người khác nhiều hơn.

Nhưng lá bài ở trạng thái xuôi lại gợi đến sự trưởng thành, Hermit ngược thỉnh thoảng ám chỉ phong cách sống trẻ con (phong cách Peter Pan). Người đó bám vào những hoạt động vô nghĩa, hoặc cư xử nhiệt tình như lũ trẻ con (một loại tự phát) để trốn tránh trách nhiệm với cuộc sống. Tôi liên tưởng cách biện giải lá Ẩn Sĩ ngược này với một người bạn của tôi ở New York; từ đó tôi phát hiện nhiều cách đọc bài hữu dụng. Thú vị thay, tôi gặp người đàn ông đó thông qua một người bạn khác – người coi người đọc tarot là một hướng dẫn viên cá nhân để phát triển tinh thần.

#### *Lá Bài The Wheel of Fortune (Vận Xa)*

Như vài lá chính xác (nhất là lá Death), Vận Xa được để ra từ kinh Phúc Âm thời trung cổ. Giáo Hội coi Kiêu Hãnh (Tự Cao) là đại tội lớn nhất của kẻ phạm tục, vì trong Kiêu Hãnh con người có thể tự đặt mình ngồi lên đầu Chúa Thánh Thần. Bài học cảnh cáo tội Tự Cao tiêu biểu nhất là câu chuyện về một vị vua vĩ đại bị truất mất quyền lực. Rất nhiều phiên bản của vua Arthur huyền thoại đã kể rằng trong đêm trước trận đại chiến cuối cùng, Đức Vua mơ thấy đứng trước ngài là một vị vua giàu có và quyền lực ngồi trên đỉnh một bánh xe khổng lồ. Đột nhiên nữ thần May Mắn nổi hứng troll nhà vua nên đã đẩy bánh xe quay đủ một vòng và nhà vua lộn cổ 180 độ xuống đáy. Bị táng tơi bời cho tỉnh khỏi cơn say kiêu ngạo, Arthur nhận ra rằng dù có ngồi cao trên đỉnh quyền lực thế tục đến đâu đi chăng nữa thì số phận con người vẫn nằm trong tay Chúa (*người tính không bằng trời tính*). Những lá bài nhà Visconti chỉ rõ đạo lý này.

Giờ chúng ta có thể xem xét câu chuyện đạo lý súc tích này đã được đá xa khỏi hệ thống những biểu tượng bí ẩn và quyền lực đập vào mặt chúng ta từ lá bài Waite-Smith (**lá bài**), và phiên bản Oswald Wirth (**lá bài**).

Nhưng nữ thần May Mắn và cái bánh xe lóng lánh của nàng có một lịch sử kì lạ. Đầu tiên là hình ảnh đặc chất trung cổ này được sinh ra từ rất lâu trước đó, khi May Mắn là đại diện của Nữ Thần Vĩ Đại, và “đè bẹp” Đức Vua, là sự kiện có thật. Mỗi năm vào giữa mùa đông, các nữ tư tế sẽ “cúng” một Đức Vua;

bằng cách mô phỏng cái chết của năm cũ, họ hạ mình trước quyền lực của Nữ Thần; và bằng việc tuyển lựa một đức vua mới, họ kín đáo gợi ý rằng Bà có thể đưa xuân về đây đông đi một lần nữa – với những người không biết đến lý thuyết quy luật tự nhiên thì sự đổi mùa vốn tất yếu lại là một điều kì diệu. Như vậy, Bánh Xe về cơ bản là đại diện cho cả sự bí ẩn của tự nhiên và khả năng “chấm nút” vào hoạt động tự nhiên của con người bằng các nghi lễ cúng tế. Hãy chú ý vị trí của lá bài: đứng ngay dưới lá Empress – biểu tượng của Mẹ Vĩ Đại.

Khoảng thời Trung Cổ, Bánh Xe không giữ được ý nghĩa gốc của nó; nhưng điều đó không có nghĩa là nó mất cả sức mạnh gợi mở những bí ẩn của cuộc sống. Trong phiên bản vua Arthur của Thomas Malory, chúng ta nhận thấy Bánh Xe là biểu tượng của “vận” – vòng quay may mắn ngẫu nhiên. Tại sao dăm đứa giàu dăm thằng nghèo? Sao một vị vua quyền lực lại ngã chổng chơ, trong khi một tay bù nhìn vẫn bò lên được ngai vàng? Ai, hay cái gì, kiểm soát vòng quay cuộc đời? Malory cho rằng vận số quay vòng tưởng chừng vô nghĩa nhưng nằm sẵn trong “số trời định” rồi; vị thần định mệnh đã vẽ sẵn đường đi nước bước cho mỗi cá nhân dựa trên những lí do mà “chỉ Chúa mới hiểu” (*ông này chắc chạy theo thuyết Định Mệnh rồi đã*). Vì “kẻ trần mắt tục” như chúng ta đây không hiểu nổi những lí do của Chúa, nên chúng ta phán rằng chuyện may đến số may qua, nhưng rốt cuộc Chúa đã lên kế hoạch trước hết cả.

Thế nên chúng ta nảy ra câu hỏi không-thể-trả-lời-được rằng tại sao và bằng cách nào mọi thứ xảy ra trong vũ trụ. Cái gì khiến mặt trời toả sáng? Nguyên tố cháy, ok, nhưng cái gì khiến chúng cháy? Tại sao lại tồn tại thứ năng lượng tự động đó? Sao xuân phải đến sau đông chứ không phải ngược lại? Tại sao lại có trọng lực, và nó diễn ra thế nào? Sâu xa hơn, chúng ta nhận thấy “vận mệnh” cũng chỉ là ảo tưởng, một trò tự “thăm du tư tưởng” của con người để che đậy cái sự thật rằng con người, trong tầm nhìn hạn hẹp, không nhìn thấy được mối liên kết bên trong giữa vạn vật. “Ờ thì,” chúng ta nói, “số nó thế” – một tuyên bố vô nghĩa vì chúng ta không hiểu ý nghĩa ngọn nguồn. Chẳng cái gì tự dưng xảy ra, chúng xảy ra là có lí do cả. Sức mạnh tạo khuôn cho các biến cố, mục đích, hình thể, sự sống cho vũ trụ, như Malory phán, là thuộc về Chúa Thánh Linh, trú ngụ trong nhân giới dưới dạng thực thể chứa trong Chén Thánh (lá Ace of Cups – hay còn lại là lá Át cơ), giống như Shekinah “ăn nhờ ở đậu” trong vùng thánh địa sau tấm màn phủ ở đền chùa tại Jerusalem.

Chúng ta chạm đến sự thật rằng những sự kiện “ngẫu nhiên” trong cuộc sống và thứ được-gọi-là-quy-luật của vũ trụ vật chất đều bí ẩn, khiến chúng ta nhận thức được thể lực tâm linh truyền qua ngón tay “chỉ thiên” của Pháp Sư (The Magician) và trong thế giới tự nhiên của Nữ Hoàng (The Empress). Một lượng lớn những pháp sư và những nhà thần học đã phán rằng các ảo giác đã giúp họ nhìn thấy mối liên kết của vạn vật, vì linh hồn hợp nhất cả vũ trụ. Có thể chúng ta sẽ thấy và hiểu sự sắp xếp vĩ đại này của cuộc sống nếu sống đủ lâu. Tiếc thay cuộc sống ngắn ngủi hạn chế tầm nhìn của con người xuống một phần nhỏ bé của thế giới, khiến nó có vẻ vô nghĩa.

Giờ quan niệm Bánh Xe là Vận Số Bí Ẩn với những ý nghĩa bí hiểm phù hợp với phiên bản hiện đại của lá bài Waite-Smith, đặc biệt là khi chúng ta coi nó như nửa đường đến nửa cuối bộ Ẩn Chính. Nếu đặt lá Wheel bộ Rider bên cạnh lá The World (Thế Giới), ngay lập tức chúng ta thấy mối liên hệ giữa chúng. Một lá thì nhồi đầy biểu tượng; lá kia thì nổi bật lên vòng chiến thắng, và trong vòng đó người vũ công thoát-y là hiện thân của sự thật đằng sau những biểu tượng. Ẩn tượng hơn, chúng ta cũng thấy đúng bốn con thú bốn góc mỗi lá bài, ngoại trừ việc những tạo vật thần thoại trong lá 10 trở bên thực tế và sinh động hơn trong lá The World. Thế nên, ở lưng chừng đoạn đường, chúng ta đã hiểu được đôi phần ý nghĩa cuộc sống; ở cuối con đường, nhận thức đó trở thành thực tế, trở thành một phần của chính chúng ta.

Ở Ẩn Độ người ta cũng hay cúng vua chúa cho Nữ Thần mỗi năm. Khi những người Aryan theo chế độ phụ hệ tẩy chay tục lệ này thì hình ảnh của bánh xe quay vòng biến thành một biểu tượng thuyết phục đại diện cho một tín ngưỡng mới. Bánh xe luân hồi trở thành ý thức hệ của luật nhân quả (*“nghiệp” trong “nghiệp chướng” trong đạo Phật hoặc đạo Hindu*), dẫn đến thuyết đầu thai. Giờ đây “nghiệp” là một cách giải thích đơn giản cho sự bí ẩn của vận số. Từ những hành động trong cuộc sống, bạn tự tạo nên vận mệnh trong tương lai, thế nên làm càng nhiều việc ác bạn càng tự nhận thêm quả báo trong tương lai. – nhân nào quả nấy cả. Khi thời điểm đầu thai đến, bạn sẽ buộc bị đầu thai vào cuộc sống thấp kém hơn. (Đây là cách giải thích tâm lý đơn giản về thuyết đầu thai, dựa vào đạo Phật và Hindu nhiều hơn).

Lại nữa, sự hiểu biết bị giới hạn ngăn cản chúng ta tiếp cận chân lý đằng sau Bánh Xe Vận Mệnh, hoặc nghiệp. Khi Phật Tổ đạt đến sự giác ngộ, ngài nhớ lại từng khắc một trong cuộc sống cũ. Quả thật kí ức chính là sự khai sáng. Bằng cách tích lũy tri thức, ngài đã có thể nhận thức được tất cả các kiếp trước

đó đều được định dạng bằng đam mê của chính ngài. Khi ngài đặt dấu chấm hết cho những đam mê, ngài “rời khỏi luân hồi”. Chúng ta có thể nói rằng sự giác ngộ có nghĩa là xuyên qua ngoại giới, đi vào tâm linh tinh túy ẩn trú trong chúng, là tìm Chúa Thánh Linh trong Bánh Xe Vận Mệnh.

Việc vua Arthur nhận thấy Bánh Xe May Mắn qua ảo ảnh trong mơ rất quan trọng. Vì dù có nhìn thấy điểm nối chính giữa bộ Ẩn Chính, hay một trong những trạng thái khác thuộc dòng hai, Vận Xa quả thật là một cách nhìn nhận từ trong Vô Thức. Ẩn Sĩ đã rời xa ngoại giới. Kết quả là Vô Thức trao cho ông một cách nhìn nhận cuộc sống dưới dạng một bánh xe chi chít biểu tượng.

Bánh Xe Cuộc Đời không xuất hiện rõ ràng rành rành cho đến khi chúng ta rời khỏi nó. Khi đang bị cuốn vào nó chúng ta chỉ thấy những sự kiện ngay trước hoặc sau chúng ta; những lo toan thường nhật mà cái tôi coi trọng. Khi rút lui chúng ta có thể thấy toàn bộ chuỗi sự kiện. Về mặt tâm lý chúng ta có thể coi cách nhìn nhận này như một tổng kết đánh giá một con người từ quá khứ và dự định của anh ta. Trong cấp độ sâu hơn, cách nhìn nhận trở thành bí ẩn và mang tính biểu trưng. Chúng ta có thể thấy những gì chúng ta đã làm trong một kiếp đặc thù, nhưng định mệnh thì vẫn luôn là một bí ẩn.

Những biểu tượng nhảy nhót trên Bánh Xe đều mang ý nghĩa riêng; chúng giúp chúng ta thấu hiểu chân lý ẩn trong xét đoán. Tuy nhiên, chúng ta không trải qua toàn bộ mọi thế lực sống. Ánh sáng Vô Thức vẫn trú sau màn che.

Đó cũng là dấu hiệu để Malory liên kết Vận Xa với Chén Thánh. Biểu tượng Chén Thánh – đồng thời cũng là một biểu tượng của bộ Ẩn Phụ – có lẽ cũng đã xa tít mù tắp như tập tục “cúng” vua. Khi ứng viên dự bị gia nhập hội kín cổ châu Âu, họ được trao cho “tầm nhìn” về những bí mật nội tại của giáo phái, đa phần là bốn biểu tượng Cốc, Kiếm, Tiền, Gậy, cùng với những lễ nghi thần bí. Và những dụng cụ cơ bản để làm phép đặt trên bàn của pháp sư (The Magician), cũng chính là bốn biểu tượng bốn bộ của bộ Ẩn Phụ.

Mặc dù chúng ta không thể thấy bốn biểu tượng đó một cách trực tiếp trong lá chính số 10, nhưng chúng ta thấy hai trong số nhiều những biểu tượng tương đương. Bốn tạo vật bốn góc lá bài bắt nguồn từ một cảnh trong Ezekiel 1:10 (nhà tiên tri người Do Thái thế kỉ 6 trước công nguyên đã tiên đoán về việc phá huỷ Jerusalem và đế quốc người Do Thái, đồng thời truyền đi cảm hứng phục sinh lại đế quốc). Chúng cũng xuất hiện trong Khải Huyền 4:7. Giờ đây, nhiều thế kỉ đã trôi qua, bốn hình tượng này, đôi lúc được gọi là “bảo

kê của thiên đường”, trở thành biểu tượng của bốn nguyên tố cơ bản trong khoa học cổ đại và trung cổ. Từ góc bên phải ngược chiều kim đồng hồ lần lượt là Lửa, Nước, Khí, Đất, và bốn nguyên tố này cũng chính là Gậy, Cốc, Kiếm, Tiền. Bên cạnh việc đại diện cho bốn nguyên tố, bốn con thú cũng đóng vai trò bốn dấu hiệu của Cung Hoàng Đạo: Sư Tử, Bò Cạp, Bảo Bình và Kim Ngưu. Cung Hoàng Đạo tất nhiên là Bánh Xe Vĩ Đại của vũ trụ. Mặc dù cả các nguyên tố và những dấu hiệu đều thể hiện thế giới trần tục, một loại bí ẩn chỉ có thể được thấu hiểu sau khi đã “ngắm” những chân lý bí mật.

Những mối dây cà dây muống khác với bốn nguyên tố là bốn chữ trong tên của Chúa khắc trên vành Bánh Xe. Bắt đầu từ góc trên tay phải, vẫn theo hướng ngược chiều kim đồng hồ, các chữ cái là: YOD, HEH, VAV, HEH. Vì cái tên này xuất hiện trong kinh Torah dưới dạng thức không nguyên âm (cả bốn chữ đều là phụ âm), nên không thể phát âm chúng; thế nên cái tên chân chính của Chúa vẫn là một bí mật. Ít nhất hai ngàn năm người Do Thái và người Công Giáo coi cái tên này là một phép màu. Những nhà thần bí học thiên bằng nó (Abulafia chạm tới sự xuất thần tầng 3 của Qabalah nhờ thiên với cái tên của Chúa) và pháp sư vận dụng nó. Với những nhà Qabalah học, bốn chữ cái này chính là biểu tượng của những bí ẩn thế giới. Quá trình kiến tạo vũ trụ diễn ra qua bốn giai đoạn, tương đương bốn chữ cái. Và tất nhiên là bốn chữ cái này cũng “chung chạ dính dáng” đến bốn nguyên tố, những biểu tượng Chén Thánh và bộ Ẩn Phụ.

Những chữ cái La Mã đặt lắt nhắt giữa những kí tự Hebrew là phép đảo chữ. Đọc theo chiều kim đồng hồ từ bên trên là chữ “TARO”; đọc ngược kim đồng hồ thành “TORA” (cũng là tên cuộn giấy của Nữ Tư Tế). Ngoài ra chúng ta còn ghép được cả chữ “ROTA” – chữ Latin có nghĩa “Bánh Xe”; “ORAT” – chữ Latin có nghĩa “nói”; và “ATOR” – một nữ thần Ai Cập (còn đọc là Hathor). Paul Foster Case học theo MacGregor Mathers – người sáng lập hội kín Bình Minh Vàng, đã lập nên câu “ROTA TARO ORAT TORA ATOR”. Dịch ra thì câu này có nghĩa là “Bánh Xe Taro nói lên luật của Hathor”. Case gọi đây là “luật kí tự”; Ator được thờ cúng dưới vai trò nữ thần chết chóc trong tôn giáo Ai Cập – mà ta có thể hiểu rằng “cái chết” chính là luật của cuộc sống bất diệt được che giấu trong thế giới tự nhiên. Thân thể chết nhưng linh hồn vẫn sống. Case chỉ ra rằng giá trị số những kí tự của “TARO” cộng lại là 691, và tổng này cộng thêm 26 (giá trị số của bốn kí tự trong tên của Chúa – hay còn gọi là Thánh Danh

Tetragrammaton) thì thành 697. Những số này có tổng 22 – 22 chữ cái trong bảng chữ cái Hebrew, 22 lá bài bộ Thiên Định. Và 22 lại đưa chúng ta trở về 4.

Bốn biểu tượng trên nan hoa là biểu tượng giả kim thuật. Đọc từ trên theo chiều kim đồng hồ, chúng là Mercury (Thuỷ ngân), lưu huỳnh, nước, và muối – đề cập đến mục đích giả kim thuật của dòng 2: sự biến đổi. Nước là biểu tượng của sự hoà tan: làm tan rã cái tôi để giải phóng bản ngã bị “vùi hoa dập liễu” trong những thói quen, nỗi sợ, và tự vệ. Chúng ta sẽ xem xét ý nghĩa của chúng trong lá Tử (Death) và lá Tiết Chế (Temperance).

Quan niệm cái chết và sự tái sinh cũng được khắc hoạ trong sinh vật trang trí Bánh Xe. Con rắn đại diện cho Set – vị thần Ai Cập của sự xấu xa, và là huyền thoại mang đến cái chết cho vũ trụ. Chính Set là người giết Osiris – vị thần của sự sống. Rất có thể thần thoại này, cũng như bản thân Bánh Xe, được để ra từ tập tục cúng tế thần-vua thời tiền sử, đặc biệt là khi thấy Set từng là một vị thần anh hùng, và rằng con rắn từng rất linh thiêng với vị Nữ Thần nhận đờ “cúng biểu”. Con rắn quấn trên Bánh Xe theo hướng ngược xuống; người đầu chó đi lên là Anubis, dẫn dắt tử linh và ban tặng những sự sống mới. Theo như dăm truyền thuyết về Anubis nói rằng ngài là con của Set, chúng ta thấy được chỉ cái chết mới đem lại sự sống mới, và khi sợ hãi cái chết thì có nghĩa chúng ta chỉ thấy một phần của chân lý. Về tâm lý mà nói, chỉ cái chết ngoại tại mới giải phóng năng lượng sự sống nội tại.

Con nhân sư chễm chệ trên đỉnh Bánh Xe đại diện cho Horus, con trai Osiris – vị thần Phục Sinh (về sau người ta mới thay bằng Ator). Sự sống nóc ao cái chết. Nhưng con nhân sư, như chúng ta thấy trong lá The Chariot, cũng mang nghĩa bí ẩn của sự sống. The Chariot kiểm soát cuộc đời bằng cái tôi cứng rắn. Nhưng giờ con nhân sư đã “đè đầu cưỡi cổ” Bánh Xe. Nếu chúng ta để Vô Thức lên tiếng, chúng ta sẽ cảm được vài bí mật vĩ đại của cuộc sống, quan trọng hơn nhiều những vòng lặp vĩnh cửu của những mối lo vô nghĩa.

Set, con rắn, còn được gọi là vị thần bóng tối. Thấy bóng tối thuộc về phần xấu xa chỉ là ảo tưởng, và quả thật, sợ bóng tối, giống như sợ chết, thuộc về cái tôi. Cái tôi yêu ánh sáng cũng như Vô Thức yêu bóng tối. Ngoài ánh sáng mọi thứ đơn giản và minh bạch; cái tôi có thể tự kỉ ám thị với những ẩn tượng bên ngoài. Khi bóng tối đến, Vô Thức bắt đầu quậy tung. Đó là lí do vì sao trẻ con suốt ngày thấy quái vật giữa đêm. Một trong những lí do chúng ta chuyên tâm



củng cố cái tôi bên ngoài chính là để không phải giáp lá cà với ma quỷ mỗi lần ánh sáng thối lui.

Tuy vậy những người nào muốn vượt khỏi cấp độ của The Chariot buộc phải đối mặt với những nỗi sợ đó. Rắn và nước, bóng tối và sự bão hoà đều là những biểu tượng của cái chết – cái chết vật lý (cơ thể) và cái chết tinh thần (cái tôi). Nhưng sự sống tồn tại trước và sau nhân cách chỉ là bong bóng trên bề mặt bản ngã. Sự sống quyền năng, hỗn độn và tràn đầy năng lượng. Giao phó mọi thứ cho nó và Horus – vị thần tái sinh – sẽ đem đến sự sống từ trong hỗn độn. Bánh Xe có quay lên thì cũng phải quay xuống.

Phiên bản Wheel of Fortune của Wirth bám lấy quan niệm này còn mạnh mẽ hơn. Bánh Xe đặt trên thuyền nổi trên nước. Sự tan rã, hỗn độn, nổi lên phềnh lên trên như hiện thực thiết yếu nằm dưới vũ trụ vật chất. Mọi hình thái tồn tại, tính đa dạng vĩ đại của sự vật và hiện tượng, đều đơn thuần là những tạo tác tạm thời từ nguồn năng lượng mạnh mẽ lấp đầy vũ trụ. Trong thần thoại Hindu, Shiva huỷ diệt cả vũ trụ theo chu kì khi dạng thức bên ngoài (như cái tôi) trở nên kiệt quệ và cần cỗi, bằng cách giải phóng năng lượng cơ bản từ nguồn khởi sinh vũ trụ.

Số 10 gọi đến số 0. Chàng Khờ The Fool không là gì cả và không có nhân cách riêng. Nhưng chàng Khờ, như số 0, cũng là mọi thứ, vì chàng ta “cảm” năng lượng sự sống một cách trực tiếp, như chiếc thuyền chạm trực tiếp trên mặt biển. Trong bộ Rider trung tâm Bánh Xe không có biểu tượng nào. Khi chúng ta đến trung tâm tĩnh tại của sự tồn tại, bỏ lại nỗi sợ và cái tôi, mọi dạng thức bên ngoài biến mất. Chúng ta có thể thấu cảm bằng trực giác, nhưng để thực sự trải nghiệm nó chúng ta phải để bản thân chìm ngấm trong biển bóng tối đó, để nhân cách chết đi, hoà tan, và mở đường để sự sống mới trỗi dậy khỏi bóng tối.

Trong bói toán Wheel of Fortune mang nghĩa vài tay đổi trong cuộc sống một người. Người đó rất có thể không hiểu điều gì đã gây nên sự thay đổi đó; có thể là không có lý do rõ ràng mọi người cũng thấy, và thực tế người đó cũng có vẻ không phải chịu trách nhiệm cho bất cứ chuyện gì xảy ra. Một tập đoàn lớn mua lại công ty người đó đang làm việc, và anh ta bị sa thải. Một cuộc tình kết thúc, không phải vì một trong hai người “lầm lỡ” hay đối xử với nhau không thoả đáng, mà chỉ đơn giản là đời vẫn tiếp diễn. Bánh Xe quay.

Điều quan trọng hơn cả là phản ứng. Chúng ta có chấp nhận tình thế mới và thích nghi không? Chúng ta có tranh thủ nó như một cơ hội và tìm tòi ý nghĩa cũng như giá trị trong sự thay đổi đó? Nếu Bánh Xe xuất hiện xuôi thì nó có nghĩa là sự thích nghi. Ở nghĩa mạnh nó chỉ đến khả năng vượt qua những sự kiện bí ẩn để thấu hiểu hơn cuộc sống. Cuối cuộc tình, dù đau đớn, lại có thể tự nhận thức rõ ràng hơn.

Bánh Xe lật ngược mang nghĩa đấu tranh chống lại những sự kiện xảy đến, thường là thất bại, bởi sự thay đổi đã xảy ra và cuộc đời thì lại luôn chiến thắng những kẻ chống lại nó. Tuy nhiên nếu người liên quan luôn thụ động trước mọi biến cố đời tống vào mặt, thì Bánh Xe ngược mang nghĩa một sự thay đổi quan trọng hơn nhiều so với sự biến đổi tình huống đơn thuần. Nó có thể mở ra con đường mới đến sự tự nhận thức trách nhiệm với cuộc sống của bạn.

### *Lá Bài Justice*

Hình ảnh của lá này đề ra từ nữ thần Titan trong thần thoại Hy Lạp Themis – xuất hiện trên những bức bích họa trong các toà án khắp châu Âu – với hình ảnh đôi mắt bịt kín và tay cầm cán cân Công Lý. Vị nữ thần pháp luật Justitia, như trong tiếng Latin, bịt mắt để chỉ ra rằng Luật không thiên vị và áp dụng mọi kẻ mạnh người yếu như nhau. Tuy nhiên, nguyên tắc của công lý xã hội thực sự lại nằm trong tay Đức Vua (The Emperor), ngay phía trên lá Công Lý. Lá 11 chỉ ra rằng những luật lệ lương tâm của Justice, thông qua khả năng thấu hiểu quá khứ của chúng ta, phụ thuộc vào cách nhìn nhận những điều đúng đắn về bản thân và về cuộc sống. Đó là lí do lá Justitia của Tarot lại không bịt mắt.

(Trong Tarot Công Lý cũng không phải tên một diễn viên hài đâu nha.)

Đến nay chúng ta đã nhìn nhận dòng 2 bộ Thiên Định là quá trình rút lui khỏi những mối lo thường nhật để đánh thức những phán xét nội tại của chúng ta về bản thân và cuộc sống. Nhưng một quan điểm/phán xét dưới bản chất mọi sự đều là vô nghĩa nếu không dẫn đến hành động. Chúng ta phải luôn hành động (nguyên tắc của Pháp Sư The Magician) dựa trên sự thông tuệ mà bản ngã nội tại ban cho (nguyên tắc của Nữ Tư Tế The High Priestess). Không chỉ chiếc cân được cân bằng một cách hoàn hảo, mọi hình ảnh trong bài đều ám chỉ sự cân đối giữa hành động và hiểu biết. Hình tượng một phụ nữ “nửa nạc nửa mỡ”; dù bàn toạ đặt vững trên ghế đá nhưng trông bà lại như chuẩn bị

đứng dậy; một bàn chân thò ra khỏi áo choàng trong khi chân kia bị che kín. Thanh kiếm – biểu tượng của hành động – chìa thẳng lên trời hàm ý rằng cả sự quyết tâm lẫn quan điểm cho rằng trí tuệ là thanh kiếm xét nét ảo tưởng trong vấn đề thực để tìm kiếm ý nghĩa nội tại. Kiếm hai lưỡi chỉ đa chọn lựa. Cuộc sống yêu cầu quyết định; đồng thời mỗi lựa chọn một khi đã được quyết thì không thể rút lại. Nó trở thành một phần của chúng ta. Chúng ta được định nghĩa thông qua các hành động trong quá khứ; chúng ta tạo hình tương lai qua những hành động trong hiện tại.

Chiếc cân đồng thời cũng đại diện cho sự cân bằng tuyệt đối của quá khứ và tương lai. Quá khứ và tương lai được cân bằng không phải ở mặt thời gian, mà ở điểm nhìn tinh tường của Công Lý từ chính giữa bộ Thiên Định.

Xuyên suốt nửa đầu bộ Thiên Định, khi một người sống vì ngoại giới, anh ta phải nếm đủ thứ đau khổ từ ảo tưởng rằng anh ta đang sống một cuộc đời dựa vào các nguyên tắc chủ động. Đây là vì chúng ta lẫn lộn giữa “làm” và “hành động”. Khi chiếu vào bên trong, chúng ta cho rằng chúng ta đã ngừng “hành động”; và quả thực con người không thể chinh phục quá trình của dòng hai nếu không đặt dấu lặng cho cuộc sống bên ngoài, hoặc ít nhất là trong sự chú tâm. Nhưng hành động đích thực, ngược hẳn lại với những chuyển động vô đích, luôn đem lại ý nghĩa và giá trị đến cho cuộc sống; những loại hành động đến từ tri thức. Nếu không, chúng ta vẫn chỉ thuộc đám đông thụ động tẻ nhạt, bị thay từ biến cố này sang biến cố khác mà không thể thấu hiểu nổi lí do khiến chúng ta làm những điều chúng ta đã làm. Mục đích thực sự của dòng 2 không phải để rũ bỏ những nguyên tắc chủ động mà là để đánh thức chúng.

Hình ảnh của lá chính thứ 11 là “đưa con hoàn hảo” của The Magician và The High Priestess. Đầu tiên, tổng hai số trong số 11 là 2, nhưng số 11 cũng đồng nghĩa với phiên bản cấp tiến của số 1 (và cũng là phiên bản thấp hơn của 21). Người đàn bà ngồi giữa cặp cột treo màn gọi đến Nữ Tư Tế, nhưng tấm áo choàng đỏ và tư thái một tay giơ một tay hạ lại ám chỉ Pháp Sư. Hành động thực sự đến từ sự tự nhận thức, và từ hành động con người tích lũy sự thông tuệ. Trong đời, giống như tấm hình, Pháp Sư và Nữ Tư Tế được kết hợp chặt chẽ, giống rắn đực rắn cái quấn chặt lấy nhau (biểu tượng của kundalini, cũng như trên gậy thần của Hermes), hoặc đường tròn ốc của DNA. Màu tấm màn phủ là màu tím, biểu tượng của thông tuệ nội tại; khung cảnh, mũ miện, tóc và cân Công Lý màu vàng, đại biểu cho sức mạnh tinh thần. Sự thông tuệ không tự dừng mò đến. Chúng ta phải ngắm về đời nếu muốn thấu hiểu đời. Nhưng mọi

suy ngẫm đều sẽ chẳng đi đến đâu trừ phi chúng phát triển thành những đánh giá hoàn thiện về các chân lý.

Ở cấp độ vi mô của tâm lý học cá nhân, Bánh Xe May Mắn đại diện cho tầm nhìn của một đời người; những biến cố, bạn là ai, bạn biến bản thân thành cái gì. Justice chỉ ra sự thấu hiểu tầm nhìn đó. Cách thức thấu cảm nằm trong trách nhiệm. Chừng nào còn tin tưởng rằng cuộc sống quá khứ vừa mới diễn ra, rằng chúng ta không tự đẩy bản ngã vào sự tồn tại trong mỗi điều chúng ta làm, thì quá khứ sẽ mãi là bí ẩn, và tương lai là bánh xe quay vòng vô tận, vô nghĩa. Nhưng khi chấp nhận rằng mỗi biến cố trong đời đã tạo nên nhân cách của mình, và rằng tương lai chúng ta sẽ tiếp tục kiến tạo bản ngã thông qua hành động, thì thanh kiếm thông tuệ sẽ cắt tan bí ẩn.

Xa hơn, thông qua việc chấp nhận trách nhiệm với bản thân, chúng ta giải phóng bản thân khỏi quá khứ. Như Đức Phật tưởng niệm lại toàn bộ các kiếp, chúng ta chỉ có thể thoát khỏi trói buộc của quá khứ khi ý thức được nó. Nếu không chúng ta sẽ chỉ lặp lại cách cư xử cũ mà thôi. Đây là lí do vì sao Justice đứng ngay giữa cuộc sống của chúng ta. Cái tôi có thể chỉ là một nét tính cách, một loại mặt nạ, nhưng cái mặt nạ đó lại có thể điều khiển chúng ta chừng nào chúng ta không thừa nhận rằng chúng ta đã mạo nó vào bản ngã.

Quan điểm tự chịu trách nhiệm về đời mình không bao hàm bất cứ loại kiểm soát vô hình nào với ngoại giới. Nó không có nghĩa, ví dụ là, nếu một trận động đất phá huỷ nhà bạn, bạn lại bằng cách nào đó muốn nó xảy ra, vì bất cứ lí do cá nhân bị ẩn dấu nào. Thấu hiểu bao gồm chấp nhận sự giới hạn của sự tồn tại vật lý. Vũ trụ mênh mông và kì lạ, và chẳng cá nhân nào điều khiển điều gì xảy ra trong nó.

Trách nhiệm cũng không bao hàm đạo đức. Nó chỉ đơn giản có nghĩa là, dù thích hay không, thì dù làm bất cứ việc gì, trải nghiệm bất cứ điều gì, nó cũng góp phần phát triển nhân cách của bạn. Cuộc sống buộc bạn phản ứng trước mọi biến cố. Không phải là sự đòi hỏi luân lý, chỉ là hiện thực của tồn tại.

Nói chung, hãy chủ động sa ngã nếu không muốn bị dòng đời xô đẩy :v.

Ấy thế mà tất cả bản năng, tâm lý, tôn giáo cũng như những bằng chứng của những điều bí ẩn lại nói rằng cuộc sống của chúng ta chứa đựng một thứ gì đó hơn hẳn, một cái lõi nội tại độc lập hẳn với cái “tôi” bên ngoài được tôi luyện qua từng trải nghiệm. Dòng hai thể hiện cái chết dần của tính cách bên

ngoài và cái lõi nội tại, thiên thần Tiết Chế Temperance, được phép trở dậy. Trước khi sự giải phóng đó xảy ra chúng ta phải chấp nhận “công lý” của cuộc sống; chúng ta là thứ chúng ta tạo ra. (*Nghe giống câu “we are what we eat” quá ta*).

Thời đại mới quá trình nhận thức này được xem như vấn đề tâm lý cơ bản, được minh họa rõ nhất trong quá trình đầy tính thách thức của phân tâm học. Các thời đại khác đã tái hiện quá trình chuyển đổi này trong những nghi thức khai sáng kịch tính. Tất cả các nghi thức đều đi theo một mẫu. Thu hết can đảm để trở thành tân sinh, rồi nhận những giáo huấn của hội kín; trong thời gian đó phải thực hiện tất cả các bước, thông qua thiền tịnh, lễ thức và thuốc, để mở ra kênh kết nối với Vô Thức và khiến tân sinh đó lĩnh hội được. Những giai đoạn đầu tiên được đại diện bởi lá Strength và Hermit. Tiếp theo, trong một môi trường bí ẩn và kịch tính như truyện Dan Brown, ứng viên được nhồi não những quan điểm về những bí mật huyền bí của hội kín. (Chúng được giữ bí mật một phần để bảo vệ chúng khỏi những kẻ ngoại đạo, nhưng sâu xa hơn là để chúng tạo được hiệu quả “chói lòà” khi truyền lại). Trong những hội Chén Thánh, cảnh tượng này là một cảnh rước Chén Thánh và những biểu tượng kèm theo hoành tráng, được mang bởi những người phụ nữ khóc thương cho một vị vua bị thương. Chúng ta thấy cảnh tượng tương tự này trong lá Wheel of Fortune.

Đến thời điểm quan trọng. Ứng viên phải phản ứng. Nếu anh/cô ta chỉ thụ động đứng đó đợi biến cố tiếp theo táng vào mặt, thì nghi lễ không thể tiếp tục. Trong các hội giáo Chén Thánh, sự phản ứng thiết yếu gần như một câu hỏi, kiểu như “Ý nghĩa những việc này là gì?”, hay tinh tế hơn, “Chén Thánh phục vụ ai?”. Bằng cách hỏi câu hỏi này, ứng viên cho hội kín cơ hội trả lời, và đó là để tiếp tục nghi lễ thông qua cái chết khai tâm và sự tái sinh. Quan trọng hơn, anh/cô ta nhận ra bản thân là một phần của quá trình, và chịu trách nhiệm cho kết quả của nó. Điều này nghe thì có vẻ dễ. Buổi lễ thể hiện sự sống, cái chết, sự tái sinh của tự nhiên, cũng như cái chết thể xác để giải phóng linh hồn bất diệt. Để lên tiếng trong một sự kiện quan trọng như vậy (và nhớ rằng người được kết nạp tin vào những vị thần hoặc nữ thần theo cách đa phần chúng ta không đời nào làm nổi thời nay) đòi hỏi một lòng dũng cảm lớn lao đủ để chấp nhận những sự thật được tiết lộ thông qua phân tích tâm lý và thức tỉnh.

Trong thời đại này sự nhấn mạnh vào chủ nghĩa cá nhân dẫn đến việc chỉ suy nghĩ đến cái chết và tái sinh cá nhân. Những nghi lễ vĩ đại, trái lại, không

chỉ nhằm mục đích biến đổi một người cụ thể, mà còn để kết nối anh/cô ta với những bí mật to lớn hơn của vũ trụ. Theo hướng này chúng ta có thể thấy một lí do khác vì sao Justice thuộc về vị trí trung tâm của bộ Thiên Định. Chúng ta đã nói về thế giới dưới những mặt đối lập tương hỗ lẫn nhau, một bánh xe quay vô hạn giữa ánh sáng và bóng tối, cuộc sống và cái chết. Chúng ta cũng đã nói rằng trung tâm của bánh xe là điểm tĩnh tại, mà xung quanh điểm đó những mặt đối lập xoay vòng bất tận. Chiếc cân cân bằng của Justice một lần nữa gọi đến điểm tĩnh tại đó. Khi tất cả các mặt đối lập, bao gồm cả quá khứ và tương lai, đến điểm cân bằng, chúng ta có thể được tự do từ trong nội tại.

Nhiều người thắc mắc rằng Tarot, hay Kinh Dịch, hay chiêm tinh học nói cho chúng ta biết cái gì về ý chí tự do. Nếu những lá bài có thể “gia cát dự” điều mà chúng ta sẽ làm, điều đó có nghĩa là ý chí tự do không tồn tại? Câu hỏi này nổi lên từ một sự hiểu lầm về bản chất của “ý chí tự do”; chúng ta nghĩ về ý chí tự do như một thứ gì đó đơn giản và độc lập với quá khứ. Chúng ta nghĩ rằng chúng ta tự do làm bất cứ điều gì chúng ta muốn bất cứ lúc nào. Nhưng những lựa chọn đáng lẽ là tự do của chúng ta lại bị chỉ đạo bởi những hành động trong quá khứ. Nếu không thấu hiểu bản thân, sao chúng ta có thể mong quyết định tự do? Chỉ khi nhìn thấy và chấp nhận quá khứ chúng ta mới không bị nó trói buộc.

Một người có thể đặt câu hỏi cho các lá bài về vài tình huống cụ thể. Các lá bài rất trực tiếp chỉ thẳng ra hậu quả của vài quyết định, như kiểu có nên tiếp tục lao theo cuộc tình hay không, hay có nên bắt đầu một dự án mới hay không. Hãy nói rằng các lá bài toàn chỉ ra các thảm họa, và rằng người đó thực sự có thể thấy những điều mà bài tiên đoán. Giờ thì người đó có thể nói, “ờ thì, cũng đúng đấy, nhưng ý chí tự do của tôi sẽ cho phép tôi thay đổi tình huống đó.” Và anh/cô ta tiếp tục, rồi cuối cùng kết quả xảy ra đúng như bài đã dự đoán. Người đó không hẳn đã dùng đến ý chí tự do; đúng hơn, cái quan niệm về ý chí tự do bị lạm dụng như một thứ biện hộ cho việc lờ đi những dự đoán khả khi mà chính anh/cô ta đã nhận ra. Đây không phải là một tình huống giả định; nó xảy ra liên tục trong đọc bài tarot. Thấy trước kết-quả-có-khả-năng-sẽ-xảy-ra là chưa đủ để thay đổi hay ngăn chặn biến cố đó. Chúng ta phải hiểu vì sao nó đang xảy đến, và chúng ta phải tìm hiểu nguyên do từ trong chính chúng ta qua những việc chúng ta đã làm và cách chúng ta đã phản ứng. Ý chí tự do hẳn nhiên là có tồn tại. Chúng ta chỉ không biết cách dùng nó thế nào

thôi. Điều quan trọng nhất chúng ta học được từ đọc bài Tarot là chúng ta ứng dụng ý chí tự do ít ỏi đến nhường nào.

Trong đọc bài Tarot, người đọc luôn phải chú tâm thận trọng vào lá Justice. Nếu nó xuất hiện, thì ý nghĩa đầu tiên nó chỉ ra là những biến cố đã xảy đến theo đúng nghĩa chúng cần xảy đến; và rằng, điều đang xảy ra với bạn đến từ những tình huống và những quyết định trong quá khứ. Bạn nhận được điều bạn đáng phải nhận. Thứ hai, nó chỉ ra một nhu cầu và một khả năng có thể thấy sự thật trong kết cục. Lá bài có nghĩa sự thành thật tuyệt đối. Đồng thời nó thể hiện khả năng mà các hành động của bạn trong tương lai có thể bị thay đổi bởi một bài học rút ra từ tình thế hiện tại.

Chúng ta không thể trở nên thành thực với bản thân nếu không thành thực với người khác. Theo hướng này, lá bài mang nghĩa đen hiển nhiên của Công Lý: thành thực, công bằng, những hành động đúng đắn, tất nhiên là trong luật pháp và những vấn đề khác, một quyết định – dù người quyết định không nhất thiết thích thú với quyết định đó.

Justice ngược chỉ ra sự không thành thật với bản thân và người khác. Nó ám chỉ sự không sẵn sàng nhận thức ý nghĩa của các biến cố, và đặc biệt nhắc nhở rằng bạn đang bỏ lỡ vài cơ hội để nhận những thấu cảm lớn lao về bản thân và cuộc đời. Ở cấp độ bên ngoài, nó hàm ý chỉ những hành động hoặc những quyết định thiếu công bằng và thiếu chính đáng. Ý nghĩa ngược còn đề cập đến những quyết định không công bằng theo luật pháp hoặc đang nhận sự đối xử tồi tệ từ ai đó.

Mặt khác chúng ta không được chấp nhận những đề xuất thiếu công bình để làm cái cớ phủ nhận trách nhiệm cá nhân cho những điều xảy đến với chúng ta. Công Lý ngược đôi lúc phản chiếu lại thái độ, “Thật không công bằng. Hãy xem cách mà mọi người đối xử với tôi.” Còn nhiều nữa. Dù xuôi hay ngược, đôi mắt tinh tường của Công Lý đều gửi một thông điệp mạnh mẽ. Theo cách Emerson nói thì, “Không ai cứu được mình trừ bản thân mình.”

### *Lá Bài The Hanged Man*

Sau khi khủng hoảng tự bạn tạo ra cho đời bạn, sự chấp nhận “phót tỉnh ăng lê” rồi cũng đến; sau Justice là Người Treo. Các nghệ sĩ, nhà văn và các nhà tâm lý học đều bị lá bài này quyến rũ, vì nó chứa đựng vô số chân lý vĩ đại đằng sau một thiết kế đơn giản. Chúng ta đã đề cập đến truyền thống tâm linh

huyền bí đằng sau tư thái “trồng cây chuối” và chân vắt vẻo. Khi bàn về lá Sứ Mạnh chúng ta đã nói rằng những nhà thần bí học đi tìm sự giải phóng năng lượng đam mê và biến nó thành năng lượng tinh thần. Nhiều nhà huyền bí học, đặc biệt là những nhà giả kim, đã tin rằng cách trực tiếp nhất để làm điều này, theo đúng nghĩa đen, là “đứng bằng đầu” để trọng lực kéo năng lượng “tinh trùng” từ cặp “khoai” dưới háng xuống đầu. Tất nhiên chỉ những nhà giả kim thuật ngây thơ nai tơ và lạc quan nhất mới kì vọng trò này có tác dụng. Họ có thể đã tin rằng các nguyên tố trong tinh hoàn sẽ “trôi ngược dòng” xuống để cải thiện não bộ; nói cho rõ hơn, tư thế “trồng chuối” về thể chất mang tính biểu tượng chỉ đến việc “trồng chuối” thái độ và trải nghiệm đến từ sự thức tỉnh tâm linh. Ở nơi ai cũng điên bạn sẽ biết thế nào là an bình. Ở nơi cả thiên hạ tin rằng họ tự do nhưng thực chất bị đá từ chuyện này sang chuyện nọ bởi những thế lực họ không hiểu, bạn sẽ nhận được sự tự do chân chính thông qua thấu hiểu và tiếp nhận những thế lực đó.

Người Treo treo mình trên một cái cây có hình dáng giống chữ “T”. Đây là nửa dưới biểu tượng sự sống của người Ai Cập – ANKH, hay đôi lúc người ta còn gọi nó là chữ thập TAU. Theo như Case, ANKH ở Ai Cập tượng trưng cho chữ cái Hebrew Tau, chữ cái thuộc về Thế Giới (The World). Nói đúng hơn, Người Treo nằm giữa đường dẫn đến Thế Giới. Chúng ta thấy điều này khi lật ngược số 12 – số 21 của The World xuất hiện. Và nếu lật ngược lá Người Treo (khiến anh chàng đang treo đứng xuống), bạn sẽ có một nhân vật tương tự Vũ công thoát-y The World. Thế nên khi hỏi rằng lá nào đứng ở điểm giữa bộ Thiên Định, câu trả lời là ba chứ không phải một: lá The Wheel of Fortune, lá Justice, và cả lá Hanged Man, đều đại diện cho một quá trình chứ không phải một thời điểm.

Chú ý rằng khi Vũ Công thoát-y giang hai tay cầm hờ gậy thần, thì Hanged Man lại vắt tay giấu sau lưng. Và anh ta cũng đang treo ngược nữa. Ở giai đoạn này, sự nhận thức tâm linh sâu sắc chỉ có thể được duy trì bằng cách rút khỏi xã hội. Trong lá The World chúng ta cũng thấy cùng một sự thức tỉnh đó duy trì ngay giữa lòng cuộc sống lộn xộn bên ngoài.

Anh ta treo thân trên ANKH – điều này khiến cái cây của anh ta biến thành Cây Đời. Hãy nhớ lại Odin “tự cúng mình” cho Yggdrasil, và chúng ta cũng có thể gọi giá treo cổ này là Cây Thế Giới. Cái cây này mọc rễ từ thế giới ngầm (Vô Thức), vươn qua thế với vật chất (Nhận Thức) để lên tận thiên đường (Siêu Thức). Những quan điểm đầu tiên hiện lên trong lược đồ của lá



The Lovers đã bắt đầu thực sự xảy ra. Những thứ khái niệm chúng ta bắt gặp trước đây bắt đầu trở thành những trải nghiệm thực tế từ sau lá Justice. Số của lá Người Treo, 12, là 6 cộng 6, chính là The High Priestess đã nâng The Lovers lên một tầm cao mới.

Vượt trên tất cả hệ thống biểu tượng của nó, lá Người Treo ảnh hưởng đến chúng ta vì nó thể hiện trực tiếp một hình tượng của bình thản và thấu hiểu. Sự “ăn bánh bơ đội mũ phớt” xuất hiện mạnh mẽ trong lá bài vì Người Treo đã đầu hàng toàn diện và chấp nhận là một phần của các nghi lễ thay vì chỉ ở một bên quan sát. Với nhiều người thời hiện đại, điều đó có nghĩa họ chấp nhận buông thả cảm xúc đã bị khoá chặt nhiều năm. Nhớ rằng cả hai điều này đều là hành động; đầu hàng trước Cây Đồi là một bước lựa chọn, chứ không phải thụ động chờ đợi.

Bài thơ của T.S Eliot “The Wasteland” liên kết ý niệm một cá nhân đầu hàng trước cảm xúc với sự cần cỗi của đời sống châu Âu sau Thế Chiến Thứ Nhất và với những bí ẩn Chén Thánh cổ đại. Đức vua Fisher bị thương có thể được chữa lành nhờ “một khắc phó mặc mà sự thận trọng cả đời không rút lại được”. Trước đây trong bài thơ người anh hùng được bảo rằng “doạ cái chết bằng cách chìm vào nó”. Cái tôi coi sự đầu hàng là cái chết – hoà tan vào biển đời. Người đưa ra cảnh cáo này là một người đọc tarot. Bài thơ của Eliot góp phần giúp Tarot trở nên phổ biến hơn trong những năm 1920. Đặc biệt, nó khiến Người Treo trở nên nổi tiếng như minh tinh màn bạc. Thực ra, Người Treo không một lần xuất hiện trong bài thơ, nhưng nó quan trọng vì nó vắng bóng.

Eliot phán rằng ông chẳng thực sự biết điều gì về Tarot cả, mà chỉ dùng vài hình ảnh của nó. Nhưng rõ ràng là ông biết ít nhất một sự thật bí truyền mà thậm chí khối nhà diễn giải tarot cũng mù tịt – đó là, theo như dăm nhà văn huyền bí thì Người Treo “gốc” mang tí “Thuỷ thủ xứ Phoenixe chết chìm”. Quý bà Sosotris phong danh hiệu này cho người anh hùng. “Đây là lá bài của anh”. Đầu hàng là số phận của anh, nhưng anh đã phủ nhận nó. “Tôi không tìm lá Người Treo”.

Chân vắt ngang tạo hình số 4 ngược. 4 là biểu tượng của trái đất bốn phương (bốn phương tám hướng ý). Bằng cách đảo ngược giá trị cảm nhận của chính mình, Người Treo cũng lật ngược cả thế giới. Tay và đầu cùng tạo thành tam giác ngược chỉ nước. Đường đến Siêu Thức là lội qua Vô Thức. Lá

bài của Hội Bình Minh Vàng thể hiện Người Treo chìm trong nước. Đa số những nhà Qabalah học về Tarot tán chữ “Mem” cho lá này. “Mem” có nghĩa là “biển”, hoặc nguyên tố nước.

Thế nên chúng ta thấy 4, thế giới, ý thức, và 3, ở đây đại diện cho nước, hoặc cho Vô Thức trong cơ thể của Người Treo. Những con số này nhân lên đều ra 12. Trong phép nhân, những con số gốc phân ra và tạo nên những điều vĩ đại hơn cả tổng.

Số 12, giống như 21, gọi đến cả 1 và 2. Lá bài phản chiếu The Magician dưới hình thức sức mạnh đã được truyền xuống gậy thần và bằng cách nào đó đã “đâm thẳng xuyên thủng rẽ lung tung” trong Người Treo; chúng ta thấy nó giống vòng sáng trên đầu Người Treo. Trải nghiệm cảm nhận tinh thần thật sự của cuộc đời là một trong những loại sức mạnh và phấn khích vĩ đại nhất trong sương mù bình thản tuyệt đối. Số 2 gọi lại về Nữ Tư Tế, và cả hình ảnh “nước”. Cả hai lá đều chỉ sự rút lui, nhưng số hai thì chỉ sự tiếp thu thuần túy, còn lá 12 lại chỉ trải nghiệm của tiếp thu đó.

1 cộng 2 bằng 3 (hiển nhiên vãi ra, xem ra các nhà huyền bí không phải học toán nhiều nhận gì cho cam....) Nữ Hoàng cảm nhận cuộc sống một cách trực tiếp qua cảm xúc, còn Người Treo cảm nhận cuộc sống thông qua nhận thức nội tại.

Trong đọc bài, Người Treo mang thông điệp sự độc lập. Giống như The Fool mang nghĩa làm những điều trực giác thấy là tốt nhất ngay cả khi người khác cho rằng thế là ngu xuẩn, còn Người Treo ám chỉ rằng là chính bản thân mình, ngay cả khi người khác nghĩ bạn thật cổ hủ. Nó đại diện cho cảm xúc kết nối sâu sắc với cuộc sống, và còn có thể mang nghĩa sự “cầu vòng đến sau mưa”.

Lá Người Treo ngược chỉ ra sự bất lực trong việc thoát khỏi áp lực xã hội. Thay vì lắng nghe nội tại, chúng ta làm những việc người khác kì vọng hoặc ra lệnh cho chúng ta. Nhận thức của chúng ta về cuộc sống luôn là “hàng cóp nhặt” chứ không bao giờ là những trải nghiệm thực sự do chính chúng ta trải qua – chúng chỉ là một chuỗi định nghĩa rập khuôn, giống như người đúc nên hành vi của mình chỉ để thoả mãn mệnh lệnh của cha mẹ hay mô phỏng phong cách của các ngôi sao phim ảnh.

Lá ngược còn mang nghĩa đấu tranh với bản ngã nội tại theo vài cách nào đó. Có thể là một người cố phủ nhận vài phần cơ bản trong bản ngã hoặc đơn giản người đó không thể chấp nhận được thực tế, và người theo cách nào đó phải liên tục đấu tranh với cuộc sống. Qua việc đặt cái tôi chống lại thế giới, người này không bao giờ trải nghiệm cuộc sống một cách đầy đủ. Không ai trong chúng ta viết được ý nghĩa của “sống” cho đến khi, như Odin, treo mình “tự ngược” trên Cây Thế Giới, với gốc rễ ăn sâu vượt khỏi những tri thức trong biển cả trải nghiệm, và nhánh cành vươn tới mọi vì sao.

### *Lá Bài The Death (Tử)*

Như lá Tình Nhân (The Lovers; thặng trên đầu lá Death), thiết kế 13 lá của Arthur Waite được dựa trên bộ Tarot tiêu chuẩn. Lá Death của bộ Rider (**lá bài**) đến từ bộ Tarot bí truyền của hội Bình Minh Vàng, nhưng dù có vậy đi nữa thì nó vẫn mô phỏng thông điệp xa tít mù tắp hơn nữa của Death. Death gõ cửa từng nhà, vua chúa thường dân rồi thì cũng có ngày mờ xanh mắt. Tính dân chủ cơ bản của cái chết là chủ đề ưa thích của các bài thuyết giáo dạy đời thời Trung cổ. Đó là quan điểm xa xưa đến mức xuất hiện ít nhất cũng phải cùng thời với nghi thức chôn người chết của người Do Thái: quan tài gỗ thông trơn màu và vải liệm trắng – để giàu nghèo một mối.

Như chúng ta có thể đoán, sức mạnh vĩ đại của cái chết đưa chúng ta vượt khỏi tính dân chủ thông thường để đến với những ý nghĩa triết học và tâm lý. Cái Chết, cũng như sự sống, là bất diệt và luôn hiện hữu. Các hình thái riêng biệt luôn chết đi trong khi những hình thái khác xuất hiện. Nếu không có Cái Chết xóa sổ những điều cũ, không thứ gì mới có đất để tồn tại trên thế giới. Rất nhiều tiểu thuyết khoa học viễn tưởng đã viết về một xã hội bạo ngược nếu thủ lĩnh thế giới không xuống châu ông bà vải. Cuộc nổi dậy đòi giải phóng của Tây Ban Nha sau cái chết của Franco nhấn mạnh tầm quan trọng của Cái Chết.

Khi chết xác thịt chúng ta phân huỷ, chỉ để lại hài cốt. Ngay cả hài cốt cũng sẽ thành tro bụi, nhưng bết ra nó cũng tồn tại đủ lâu để gọi đến sự vĩnh hằng. Thế nên, bộ hài cốt trong lá Death của hội Bình Minh Vàng ám chỉ sự bất diệt nổi ao cái tạm thời. Bộ hài cốt đồng thời cũng mang ý nghĩa huyền bí. Trên khắp thế giới việc huấn luyện các pháp sư bao gồm cả phương pháp tự nhìn thấy hài cốt của chính mình, bằng cách dùng thuốc phiện, thiền tịnh, hoặc thậm chí là cạo thịt đến tận xương. Giải phóng xương cốt khỏi da thịt, các pháp sư kết nối chính họ với sự vĩnh hằng.

Vì con người ta hay sợ chết nên họ cứ đâm đầu tìm kiếm lí do và giá trị của cái chết. Công Giáo phán rằng Cái Chết phóng thích linh hồn chúng ta khỏi xác thịt tội lỗi để chúng ta có thể kết hợp với Chúa trong một cuộc đời tốt đẹp hơn. Carl Jung đã viết về giá trị của đức tin với kiếp sau. Không có đức tin đó, cái chết có vẻ quá bi thảm để chấp nhận.

Một số người cho rằng cái chết kết hợp chúng ta với tự nhiên. Ý thức hệ tách chúng ta khỏi thế giới này sẽ bị “tẩy chay”; các tế bào phân huỷ của xác thịt sẽ nuôi dưỡng các sinh vật khác. Mỗi cái chết đem lại một sự sống mới. Nhiều người thấy việc bị “ăn” quá tởm để “tiêu hoá” được. Tập tục ướp xác hiện đại và trang điểm xác chết để thi hài trông như còn sống, rồi chôn xác trong quan tài kim loại kín bưng đến từ hi vọng duy trì sự tách biệt của cơ thể khỏi tự nhiên, thậm chí là trong khi chết.

Sự thật là, vì chúng ta chẳng biết chuyện quái gì sẽ xảy ra với cơ thể khi linh hồn đã báai, nên điều chúng ta thực sự sợ là nhân cách bị tàn phá. Là cái “tôi” tự xem mình tách khỏi cuộc sống; vì nó chỉ là cái mặt nạ nên cái tôi không muốn chết. Cái tôi muốn đứng trên vũ trụ.

Nếu chấp nhận cái chết chúng ta sẽ sống trọn vẹn hơn. Cái “không” không bao giờ muốn giải phóng năng lượng; nó cố tích lũy năng lượng để chống lại nỗi sợ chết. Hậu quả là những nguồn năng lượng mới không thể chảy vào. Chúng ta có thể thấy hiện tượng này một cách “thực hoá” khi một người thở gấp do hoảng loạn. Họ cố nuốt không khí vào mà không thở ra, kết quả họ là hụt hơi và thở gấp.

Trong cả tình dục, cái tôi cũng tích lũy năng lượng. Nó cố kiềm chế việc “lên đỉnh”, sau đó mới phọt hết cỡ, vì đúng thời điểm đó cái tôi mới bị hoà tan một phần (chứ không phải càng dài càng sướng à???). Trong thời nữ hoàng Elizabeth nước Anh, quan hệ tình dục hay được gọi là “chết”. và Cái Chết trong Tarot thì nằm dưới là The Lovers. (Ờ...cũng liên quan gớm....)

Vì cái “tôi” cứng đầu cứng cổ giữ quan điểm về Cái Chết, thế nên nó ngăn chúng ta khỏi việc hưởng thụ cuộc sống, và đôi lúc chúng ta phải bước những bước rất dài mới vượt qua nỗi nó. Những nghi lễ kết nạp luôn dẫn đến một cái chết và sự tái sinh giả tưởng. Anh/cô ta sẽ tưởng rằng họ sắp lên bàn thờ ngắm gà khoả thân đến nơi. Mọi thứ được thực hiện đều nhằm mục đích khiến cái chết này “thật” nhất có thể, để cái tôi bị lừa và trải nghiệm sự hoà tan chết chóc. Rồi, khi đến tiết mục “tái sinh”, anh/cô ta sẽ trải nghiệm một sự trưởng

thành mới, và một nguồn năng lượng tự do mới. Những năm gần đây con người đã thử dấn thử tương đồng với mấy kiểu nghi thức này nhờ thuốc ma túy ảo giác. Họ tin rằng họ đang chết và họ cảm thấy nội tại đang tái sinh. Tuy nhiên, nếu không có sự chuẩn bị ở giai đoạn của Người Treo, trải nghiệm đó thường gây nên những đảo lộn sâu sắc.

Ngược hẳn với những điều người ta thường tin, lá Death (Tử) không thực sự đề cập đến sự biến đổi. Đúng hơn, nó ám chỉ khoảnh khắc cụ thể khi nào chúng ta nên từ bỏ những lớp mặt nạ cũ và cho phép sự biến đổi “lên cốt”. Có lẽ chúng ta sẽ hiểu điều này rõ hơn nếu xem xét tính tương đồng của tarot với các liệu pháp tâm lý học. Với sức mạnh ý chí (lá Strength) và sự hỗ trợ của nhà trị liệu tâm lý (lá Hermit), một người cho phép tâm trí nhận thức bản ngã của mình, và tính cách hay nỗi sợ nào người đó muốn loại bỏ (lá Wheel và lá Justice). Nhận thức này đem đến sự bình thản và khao khát thay đổi (lá Hanged man). Nhưng rồi nỗi sợ chen vào “ném đá hội nghị”. “Nếu ta từ bỏ thái độ của ta”, người đó nghĩ, “có khi ta sẽ chẳng còn lại cái gì. Ta sẽ chết mất.” Chúng ta sống dưới sự kiểm soát của cái tôi đã quá lâu đến mức chúng ta tin rằng không điều gì khác tồn tại. Cái mặt nạ là tất cả những gì chúng ta biết. Thường thì con người tắc tị trong điều trị tâm lý rất nhiều năm bởi họ sợ sự giải phóng. Sự trống rỗng của The Fool khiến họ khiếp hoảng.

Người béo lâu năm hay có loại cảm giác này khi cố ăn kiêng. “Mình béo trường kì rồi,” họ nghĩ, “mình là người béo. Mình mà gầy đi thì mình không tồn tại nữa.” Nhưng đây cũng là sự thật. Cái “ta” từng béo ục ịch không còn tồn tại nữa. Nhưng sẽ có cái gì đó khác thế vào.

Hình ảnh lá 13 của Waite pr cho ý nghĩa tâm lý của lá bài nhiều hơn. Bốn người quanh ngựa mô tả những hướng thay đổi khác nhau. Đức Vua, nằm bẹp dí, chính là cái tôi cố chấp. Nếu cuộc sống phang đủ mạnh, cái tôi sẽ quy ngã; kết quả dẫn đến chứng tâm thần nếu không đủ khả năng thích nghi với những thay đổi lớn lao. Tư thế đứng đối mặt với Tử Thần; ngài ta có thể làm thế vì chiếc áo chùng tu và chiếc mũ đức tin bảo vệ và nâng đỡ ngài ta. Chúng ta thấy đây là giá trị của đức tin trong việc giúp đỡ chúng ta vượt khỏi nỗi sợ chết chóc. Trinh nữ là biểu tượng của “ngây thơ vô (số) tội”. Cái tôi không cố chấp nhưng vẫn nhận thức được bản thân nó và không sẵn sàng đầu hàng (*biết mình biết ta nhưng không biết địch*). Thế nên dù quý thì nàng thơ vẫn không ngẩng lên nhìn trực diện Cái Chết. Chỉ có đứa trẻ, hoàn toàn ngây thơ, đối mặt với Cái Chết để tặng hoa cho Tử Thần.

Tử Thần mặc áo giáp đen. Chúng ta đã biết bóng tối và màu đen là biểu tượng của sự sống cũng như điểm kết thúc của nó. Màu đen hấp thụ hết các màu khác – cái chết hấp thụ mọi sự sống. Bộ hài cốt cưỡi ngựa trắng. Trắng “đánh bật” mọi màu khác, thế nên đại diện cho sự thuần khiết, đồng thời cũng là VÔ. Đoá hồng trắng là những khát khao đã qua tẩy lọc, cho lúc tính ích kỉ trong cái tôi chết đi và kéo những nhu cầu khắc kỉ chết theo.

Quang cảnh của lá bài là mặt trời mọc lên giữa một cặp cột. Cái tôi thuộc về thế giới đầy mâu thuẫn bên ngoài, thuộc về những kinh nghiệm rời rạc và không thống nhất. Qua Cái Chết chúng ta cảm được quyền năng vĩ đại của Sự Sống, thứ chỉ biết về bản thân nó. Khung cảnh trước hai cây cột gọi cho chúng ta về “miền đất Chết” được mô tả trong mọi loại thần thoại. Chúng ta sợ cái chết của bản thể cũ vì chúng ta chẳng biết phải mong chờ điều gì đến. Một trong những vai trò của các pháp sư đã thấy hài cốt của chính họ là tiên phong dẫn đường vượt qua “miền đất chết” để rồi dẫn dắt linh hồn của thiên hạ.

Dòng sông chảy giữa quan bài. Sông suối, như trong lá Nữ Hoàng, thể hiện sự kết hợp của thay đổi và bất diệt. Sự thực chúng đều đổ ra biển ám chỉ vũ trụ vô tận, vô dạng và tổng hoà của vũ trụ. Chiếc thuyền gọi đến thuyền mai tang các Pharaoh Ai Cập – bản ngã chân chính đi qua cái chết đến cuộc sống mới.

Dù hình vẽ là gì đi chăng nữa thì mọi lá tarot đều đem trong nó con số 12. Dù thiên hạ nhiều người nghĩ 13 là con số không may mắn, họ cũng chẳng biết vì sao. Trong văn hoá phương tây, số 13 ám chỉ Judas – tông đồ thứ 13 trong Bữa Tiệc Ly của Chúa, và thế nên con số này chỉ cái chết của Chúa Christ (và của con người nói chung). Thứ sáu ngày 13 còn đặc biệt xui xẻo vì Chúa chết vào thứ sáu. Nhưng chúng ta cũng có thể coi Chúa như người thứ 13. Cái Chết dẫn đến sự phục sinh.

Theo hướng biểu tượng hơn thì số 13 xui xẻo là vì nó vượt khỏi 12. 12 là một con số “hoàn hảo” theo một nghĩa nào đó. Nó kết hợp cặp số chân nguyên 1 và 2; nó là biểu tượng của 12 cung hoàng đạo ôm lấy cả vũ trụ; nó có thể chia với 1, 2, 3, 4 và 6, nhiều số hơn bất kì các số khác. 13 phá huỷ quỹ đạo tuyệt đối này. Nó chỉ chia được cho 1 và chính nó. Một lần nữa, chúng ta có thể vượt khỏi những mặt tiêu cực của hệ thống biểu tượng. Chính xác vì nó huỷ hoại sự hoàn hảo của 12 mà số 13 mang nghĩa sáng tạo mới; cái chết tấn nát những hình thái cũ để tạo đường cho cái mới.

Tổng hai số trong số 13 là 4, Đức Vua (lá Emperor). Qua Cái Chết chúng ta vượt khỏi cái bản ngã xã hội. Vì 13 là phiên bản cấp cao của 3, nên lá bài còn gọi lại lá Nữ Hoàng (Empress) và nhắc chúng ta nhớ rằng trong sự sống và cái chết trong tự nhiên không thể bị phân ly.

Nghĩa bói toán của lá Death là đã đến lúc thay đổi. Thường thì nó chỉ nỗi sợ khi thay đổi. Theo hướng tích cực nhất, lá bài ám chỉ nên dẹp hết những thái độ cứng nhắc cũ để cuộc sống mới trỗi dậy. Theo hướng tiêu cực nhất thì nó cảnh báo nỗi sợ chết về thể xác đến mức méo mó. Nỗi sợ này sâu hơn nhiều những gì người khác có thể nhận ra, và thường một quẻ bài với những chỉ dẫn tích cực nhất vẫn kết thúc tồi tệ nếu lá Death nằm ở vị trí nỗi sợ.

Lá Death ngược chỉ sự bảo thủ. Waite nói đó là tính “chây lười, u mê, bàng quan” trong cuộc sống. Thói chậm chạp và chán nản đôi lúc phá huỷ ý chí chiến đấu thay đổi của cái tôi. Lá bài luôn mang hàm ý rằng Cái Chết, với sự tái sinh tiếp ngay sau đó, không chỉ là tiềm năng mà còn là thiết yếu. Đến lúc phải chết thì hãy chết. Tự dìm mình trong sự u mê, cái tôi ngăn cản nhận thức đến với Ý Thức. Tính chây lười, chán nản và buồn thảm che giấu những nỗi khiếp sợ nội tại.

### *Lá Bài Temperance (Tiết chế)*

Lá Chariot là biểu tượng của những thành tựu mà cái tôi đạt được trong cuộc sống. Thời gian trôi qua cái tôi ngày càng cố chấp hơn (*gừng càng già càng cay mà*); dần dà, cách hành xử không còn là phản ứng trước thực tại nữa mà trở thành thói quen. Mục đích của dòng 2 bộ Thiên Định là để giải thoát chúng ta khỏi nhân cách nhân tạo này, và đồng thời giúp chúng ta tiến một chút gần hơn tới những chân lý vĩ đại trong vũ trụ. Lá Tiết Chế, xuất hiện ngay dưới lá Chariot, mô tả một người kết nối lại với thế giới thực nhưng theo cách ý nghĩa hơn trước đó nhiều lần. Vì nếu một đứa trẻ liên hệ trực tiếp với cuộc sống, nó làm thế một cách vô thức, và khi nhận thức tăng lên thì cái tôi cũng lớn dần. Tiết Chế chỉ ra khả năng kết hợp tính tự phát với tri thức.

Cụm “Tiết Chế” có nghĩa Điều Tiết. Với số đông cụm này có nghĩa tự kiểm soát. Lá Tiết Chế của Tarot lại không diễn tả điều này một cách triệt để, bởi làm rõ triệt để là không cần thiết. Không phải là sự kiềm chế nhân tạo tuân theo luân thường, mà hoàn toàn ngược lại; là một phản ứng đúng nghĩa trước mọi tình huống xảy đến.

Cụm từ “Tiết Chế” được đề từ cụm Latinh “Temperare”, mang nghĩa “hoà trộn” hoặc “hài hoà”. Người nào đã giải phóng được bản ngã nội tại không chỉ có những tính cách điềm tĩnh mà còn có khả năng dung hoà những mặt đối lập trong cuộc sống. Nhiều người chỉ có thể đối phó với cuộc sống bằng cách chia nhỏ nó thành từng phần riêng lẻ. Họ tạo một nhân cách cho công việc và một nhân cách khác trong đời tư – cả 2 đều thất bại. Họ xem xét những thời điểm và những trường hợp nào cần đóng vai “thanh niên nghiêm túc”, và những cái nào nên “lên nóc nhà”, để biết đường không cười hô hố trước những chủ đề nghiêm trọng. Người họ yêu thương là những người không hấp dẫn họ về mặt “xôi thịt”. Tất cả những phân tách này sinh ra từ việc không đủ khả năng đón nhận các biến cố khi các biến cố đến, từng phút từng giây. Tiết Chế kết hợp những nguyên tố trong cuộc sống. Trong hiện thực, nó kết hợp những mặt khác nhau của nhân cách, để người đó và cuộc sống có thể “đồng cam cộng khổ” một cách tự nhiên.

Dấu hiệu “kết hợp” được thể hiện rõ ràng trong hình ảnh lá bài. Khi nhắm nháp lá Temperance của Waite-Smith, thứ đầu tiên ta thấy bên trái là dòng nước trút từ cốc này sang cốc khác; các yếu tố của cuộc sống đang trôi hoà với nhau. Để ý rằng chiếc cốc thấp hơn không ở thẳng dưới chiếc cốc cao – tức là về mặt vật lý việc nước chảy nghiêng là bất khả thi. Với dăm ba người, khả năng của một người có sự Tiết Chế có thể xử lý mọi vấn đề trong cuộc sống với niềm hứng khởi là một điều kì diệu.

Lá Temperance của bộ Rider vẽ cả hai cốc như có pháp thuật. Trong bộ của Wirth thì chiếc cốc cao bên phải bằng bạc, thể hiện dòng chảy từ Mặt Trăng – chính là dòng chảy Vô Thức, đến cốc Mặt Trời – Ý Thức. Dòng bài thứ 2 bắt đầu bằng sự “rút thân ẩn dật” khỏi thế giới để đi tìm bản ngã nội tại; giờ đã đến lúc trở lại với những hoạt động bình thường của cuộc sống.

Con đường là biểu tượng đặc biệt ám chỉ sự trở về. Chúng ta đã trèo xuống hố sâu bản ngã và giờ thì phải bò lên lại để nhập vào cuộc sống bên ngoài với nhân cách trọn vẹn hơn (*nếu có ai thừa thời gian đọc các tác phẩm của Haruki Murakami, truyện của ông thường xuyên nói về mấy cái này luôn, chỉ dưới dạng siêu thực hơn tí*). Để ý rằng hai chiếc cột của những lá bài trước đã trở thành hai ngọn núi của lá bài này. Những quan điểm trừu tượng đang trở thành hiện thực; Tiết Chế là một lá của thái độ, không phải của những khái niệm.



Thiên thần đứng một chân trên cạn một chân dưới nước. Với nước là đại diện của Vô Thức thì đất bằng là biểu tượng của “thế giới thực” với những biến cố và những mối quan hệ. Nhân cách của Tiết Chế (Temperance) hành xử dựa trên cảm giác nội tại về cuộc sống, kết nối hai “vương quốc nhân cách”. “Nước” đồng thời cũng là biểu tượng của tiềm năng, đó là những khả năng của cuộc sống; trong khi đó “Đất” đại diện cho những thứ hữu hình có thật. Một người “Tiết Chế”, thông qua “hành động”, hiện thực hoá những cảm giác bản khoản của Người Treo.

Tiết Chế BOTA vẽ “nước” trút xuống đầu con sư tử, và một ngọn đuốc cháy trên đầu con đại bàng. Sư Tử gọi đến lửa (Pháp Sư Magician) còn Đại Bàng – phiên bản “nâng cấp” của chòm Bò Cạp – gọi đến nước (Nữ Tư Tế High Priestess). Thiên thần đang hoà trộn những thành phần đối tính cơ bản, kết hợp những mâu thuẫn vốn tưởng không thể dung hoà nổi trong cuộc sống. Giờ, con đại bàng đứng cao hơn bò cạp, vì bò cạp đại diện cho nguồn năng lượng Vô Thức. Còn ở dạng thức “cùn” hơn, bò cạp, nguồn năng lượng nguyên bản là tính dục, “ham muốn thú vật” của một nhân cách chưa phát triển đầy đủ. Khi nguồn năng lượng đã được biến đổi bằng cách dẫn nó qua đường Nhận Thức, nó trở thành đại bàng tâm linh. Lá Sức Mạnh Strength thể hiện nguồn năng lượng này dưới hình tượng on sư tử; ta thấy trong bộ BOTA lá Tiết Chế vẽ một quá trình đã hoàn tất, con đại bàng và con sư tử đã trộn hoà.

Thiên thần được phỏng theo nhan sắc của nữ thần Iris trong thần thoại Hy Lạp – nữ thần Cầu Vồng; một cánh cầu vồng xuất hiện trong lá thuộc bộ BOTA, còn trong lá thuộc bộ Rider thì là hoa iris (hoa diên vĩ). Cầu Vồng là dấu hiệu của sự bình yên sau cơn bão, nhắc nhở chúng ta rằng Tiết Chế là một nhân cách trỗi dậy từ sau trải nghiệm cái chết đáng sợ. Cầu vồng được tạo nên từ Nước nhưng lại sáng rỡ bắc ngang bầu trời – một biểu tượng của bản ngã nội tại – vốn bị xem là tâm tối, hỗn độn, sợ hãi, nay được lôi ra vãn xéo và được biến đổi thành lời hứa hẹn của cuộc sống mới. Trong truyền thống người Do Thái và người Công giáo, Cầu Vồng là dấu hiệu của sự tái sinh sau Đại Hồng Thủy. Trận Đại Hồng Thủy, giống như cuộc tàn sát huỷ diệt vũ trụ của Shiva, đại diện cho cái chết của những vòng lặp thói quen cũ (về mặt tâm lý) vốn không phải cái chân lý và cái hân hoan của cuộc sống, để dẫn con người ta vào con đường “tội lỗi” – những cách hành xử tự huỷ hoại bản thân và người xung quanh.

Là nữ thần truyền tin của Zeus, nàng Iris du hành đến Địa ngục để múc đầy cốc vàng với nước sông Styx. Người Hy Lạp tin rằng những tử linh phải qua sông Styx để đến lãnh địa của người chết. Chỉ khi bản ngã xuống tận Địa phủ rồi cuộc sống mới mới có thể bắt đầu.

Về hướng tôn giáo, thiên thần là biểu tượng của linh hồn bất diệt giải phóng từ cái chết. Nếu dòm kĩ vào cổ áo thiên thần bạn sẽ thấy tên Chúa sau lớp áo chùng. Trong đạo Công Giáo, linh hồn sẽ kết hợp với Chúa sau khi phục sinh. Tam giác trong hình vuông ám chỉ sự trỗi dậy của Linh Hồn từ cơ thể vật chất.

Về mặt tâm lý, thiên thần là nguồn năng lượng của cuộc sống “thăng hoa” sau cái chết của cái tôi. Tam giác lúc này là năng lượng khuấy động trong “khối vuông” chứa những hoạt động thường nhật. Chúng ta không phải viện đến phép màu để cảm nhận được mối liên kết giữa chúng ta với vũ trụ bất diệt. Chúng ta chỉ cần là chính mình.

Nhớ rằng Tứ Tự trên Bánh xe trong lá Wheel of Fortune chính là bí ẩn của định mệnh. Ở đây cái tên đã trở thành một phần của chúng ta. Chúng ta trở thành “chủ nhân” của vận mệnh khi biết cách đối mặt với cuộc sống khi nó đến mà không cần dựa vào thói quen và chống chế.

Ý nghĩa bói toán, giống như quan niệm của lá bài, bắt đầu với sự điều tiết, cân bằng mọi thứ và tuân thủ “trung dung chi đạo”. Lá bài ám chỉ hành động đúng đắn, phù hợp trước bất kì trường hợp bất ngờ nào. Một người thiếu Tiết Chế là một người luôn cần phải làm điều gì đó ngay cả trong những trường hợp chỉ yêu cầu chờ đợi. Lá bài đôi lúc xuất hiện để cảnh báo sự bất cẩn và kích động.

Tiết Chế có nghĩa hoà trộn những yếu tố khác biệt lại với nhau – hoà hợp những hoạt động và cảm xúc để tạo nên cảm thức hài hoà và bình yên. Vì nó có nghĩa cân bằng và kết hợp những mặt đối tính của cuộc sống mà lá Tiết Chế còn đóng vai trò đặc biệt trong bộ Ẩn Phụ. Nếu trong quẻ bài một người phân vân giữa, ví dụ, gây và cốc – chủ động và thụ động, hoặc cốc và tiền – ảo tưởng và hiện thực, thì lá Tiết Chế trung hoà và hành động từ cảm ngã cuộc sống của nội tâm, có thể gợi mở cách thức kết hợp những mẫu thuẫn trên với nhau.

Giống như lá The Fool lật ngược, Tiết Chế ngược chỉ sự ngông cuồng đến cùng cực. Trong Tiết Chế đây là vì người đó thiếu Ý Thức Nội Tại để biết cái gì

thích hợp cho tình huống nào. Lá này ngược còn cảnh báo rằng bạn đã để cuộc sống rơi vào trạng thái mệt mỏi và bạn đang trượt từ khốn cùng này sang bi kịch khác. Thực tế có còn có thể chỉ ra thất bại trong một dự án lớn vì để thói bảo thủ và nỗi sợ trong quá khứ trở lại. Ở cấp độ đơn giản, Tiết Chế ngược khuyên chúng ta bình tĩnh lại và tránh kích động; trong cảm thức sâu nhất nó đưa chúng ta trở lại lá Sức Mạnh Strength để học lại những cảm giác lúc đau đớn, lúc hoảng loạn trong quá trình vượt qua cái chết và đến với sự tái sinh dang dăng mà đầy hân hoan.

## **PHẦN 2: 78 ĐỘ MINH TRIẾT TRONG BỘ ẨN PHỤ VÀ QUẺ BÀI.**